

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN THƯƠNG MẠI

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CẤP BỘ

Mã số: 2006-78-011

**NGHIÊN CỨU CHỈ SỐ GIÁ HÀNG HÓA XUẤT
KHẨU, NHẬP KHẨU PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG KINH
DOANH CỦA DOANH NGHIỆP VÀ ĐIỀU HÀNH
QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THƯƠNG MẠI**

Chủ nhiệm đề tài: **Đỗ Văn Chiến** - Giám đốc Trung tâm Thông tin
Thương mại - Bộ Công Thương

7051
05/12/2008

Hà Nội, tháng 10 năm 2007

MỤC LỤC

Mục lục	i
Danh mục các từ viết tắt	iv
Phần mở đầu	1
Chương I: Tổng quan chung về chỉ số giá xuất nhập khẩu	7
I. Khái niệm về chỉ số giá hàng hoá xuất khẩu, chỉ số giá hàng hoá nhập khẩu (gọi tắt là chỉ số giá xuất nhập khẩu) và một số đặc điểm cơ bản về chỉ số giá xuất nhập khẩu do Tổng cục Thống kê Việt Nam công bố hiện nay	7
I.1. Định nghĩa và một số đặc điểm cơ bản của chỉ số giá xuất nhập khẩu.....	7
I.2. Một số đặc điểm cơ bản về phương pháp tính toán chỉ số giá xuất nhập khẩu và phương pháp tính toán chỉ số giá của Tổng cục Thống kê Việt Nam	8
II. Một số nét cơ bản về chỉ số giá xuất nhập khẩu tại một số nước trên thế giới hiện nay	19
II.1. Nội dung, tiêu chí chung của chỉ số giá xuất nhập khẩu của Liên Hợp Quốc	19
II.2. Nội dung, tiêu chí chung của chỉ số giá xuất nhập khẩu của Ôxtrâyliia	21
II.3. Nội dung, tiêu chí chung của chỉ số giá xuất nhập khẩu của Canada	22
II.4. Nội dung, tiêu chí chung của chỉ số giá xuất nhập khẩu của Nhật Bản	22
II.5. Những nét khác biệt giữa các loại chỉ số giá xuất nhập khẩu nêu trên và so với chỉ số giá xuất nhập khẩu của Việt Nam.....	22
II.6. Một số luận điểm cơ bản hình thành chỉ số giá xuất nhập khẩu có tính thương mại cao trong giai đoạn mới hiện nay	36
Kết luận	45

Chương II: Thực trạng chỉ số giá xuất nhập khẩu ở Việt Nam hiện nay và những yêu cầu đối với chỉ số giá xuất nhập khẩu	46
I. Thực trạng xây dựng, tính toán của hệ thống chỉ số giá xuất nhập khẩu do Tổng cục Thống kê công bố hiện nay	46
I.1. Cấu trúc của chỉ số giá	46
I.2. Thiết kế dàn mẫu tổng thể	47
I.3. Lựa chọn mẫu (cách chọn mẫu sau khi thiết kế xong dàn mẫu tổng thể)	51
I.4. Tổ chức thu thập giá và phương pháp tính chỉ số giá	57
I.5. Bảo dưỡng mẫu và chu kỳ chọn mẫu điều tra	60
I.6. Các giai đoạn trong tính toán chỉ số giá xuất nhập khẩu của Tổng cục Thống kê Việt Nam	65
II. Ứng dụng chỉ số giá xuất nhập khẩu của TCTK xây dựng và công bố hiện nay trong hoạt động kinh doanh và điều hành, quản lý Nhà nước về thương mại	68
II.1. Ứng dụng trong hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp	68
II.2. Ứng dụng trong quản lý kinh tế vĩ mô	71
III. Nhu cầu thực tế về chỉ số giá phục vụ kinh doanh và điều hành, quản lý Nhà nước về thương mại	73
III.1. Đối với hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp	73
III.2. Đối với điều hành, quản lý Nhà nước về thương mại	75
Kết luận	77
IV. Khái niệm về chỉ số giá xuất nhập khẩu phục vụ trực tiếp hoạt động kinh doanh các doanh nghiệp và điều hành, quản lý Nhà nước về Thương mại (chỉ số giá xuất nhập khẩu thương mại)	78
IV.1. Khái niệm chỉ số giá xuất nhập khẩu thương mại	78
IV.2. Một số đặc điểm của chỉ số giá xuất nhập khẩu thương mại	78
Chương III: Một số định hướng cơ bản về xây dựng và công bố chỉ số giá xuất nhập khẩu phục vụ trực tiếp hoạt động kinh doanh và điều hành, quản lý Nhà nước về thương mại	79

I. Một số định hướng cơ bản về xây dựng chỉ số giá	79
I.1. Mục đích xây dựng chỉ số giá xuất nhập khẩu Thương mại	79
I.2. Về cấu trúc chỉ số giá xuất nhập khẩu	79
I.3. Dàn mẫu tổng thể và dàn mẫu đại diện	80
I.4. Về giá cả để tính chỉ số giá xuất nhập khẩu.....	96
I.5. Về thu thập giá để tính chỉ số giá xuất nhập khẩu	96
I.6. Về phương pháp tính và quyền số của chỉ số giá xuất nhập khẩu.....	96
I.7. Về xử lý các bất thường trong tính chỉ số giá	100
II. Một số định hướng cơ bản về công bố chỉ số giá	103
II.1. Về nội dung công bố.....	103
II.2. Về tần suất công bố.....	103
II.3. Về hình thức công bố.....	103
II.4. Về cơ quan công bố và nội dung công bố.....	104
III. Kiến nghị và đề xuất.....	105
III.1. Đối với Bộ Công Thương	105
III.2. Đối với Tổng cục Hải quan, Bộ Tài chính	105
III.3. Đối với Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.....	105
Kết luận.....	106
Phụ lục	107
Tài liệu tham khảo	119

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

LHQ	Liên hợp quốc
IMF	Quỹ tiền tệ quốc tế
WB	Ngân hàng thế giới
WTO	Tổ chức thương mại thế giới
ASEAN	Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
NHNN	Ngân hàng Nhà nước
TCTK	Tổng cục Thống kê
TCHQ	Tổng cục Hải quan
CPI	Chỉ số giá tiêu dùng
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội
CNTT	Công nghệ thông tin
XNK	Xuất nhập khẩu
NK	Nhập khẩu
XK	Nhập khẩu
TM	Thương mại
CSG	Chỉ số giá
CSDL	Cơ sở dữ liệu
DNTN	Doanh nghiệp tư nhân
EU	Liên minh châu Âu
FTA	Khu vực thương mại tự do
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
HS	Danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tên đề tài:

Nghiên cứu chỉ số giá hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu phục vụ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và điều hành quản lý Nhà nước về thương mại

2. Đơn vị thực hiện

Trung tâm Thông tin Thương mại - Bộ Công Thương

3. Tên chủ nhiệm đề tài:

Đỗ Văn Chiến - Giám đốc Trung tâm Thông tin Thương mại - Bộ Công Thương.

Số điện thoại CQ: 04. 8250713 - 7150529 ĐD: 0903219381

4. Sự cần thiết phải nghiên cứu

Giai đoạn 2001 - 2005, tăng trưởng xuất khẩu của cả nước đạt trung bình 17,4%/năm, cao hơn 1,3% so với mục tiêu đề ra trong Chiến lược xuất khẩu thời kỳ 2001 - 2010. Tốc độ tăng trưởng trung bình của GDP cùng thời kỳ là 7,5%.

Tỷ trọng đóng góp của tăng trưởng xuất khẩu vào tăng trưởng GDP đã tăng dần đều trong 5 năm qua, từ mức 54,61% trong năm 2001 lên đến 67,6% trong năm 2005. Như vậy, bình quân tỷ trọng đóng góp của tăng trưởng xuất khẩu vào tăng trưởng GDP trong giai đoạn 2001 - 2005 đạt xấp xỉ 60,9%/năm, cao hơn 5,9% so với mục tiêu đề ra cho cả thời kỳ 2001 - 2010. Đóng góp của xuất khẩu vào tăng trưởng GDP 5 năm vừa qua là rất lớn.

Năm 2001, kim ngạch xuất khẩu của cả nước đạt 15 tỷ USD; năm 2005 đạt hơn 32,44 tỷ USD, tăng hơn 2,16 lần. Số liệu của thời kỳ 2001 - 2005 cho thấy rằng: ở mức độ tăng trưởng kinh tế 6,89 - 8,4% mức độ tăng trưởng xuất khẩu thường phải cao gấp hơn hai lần tăng trưởng kinh tế. Tỷ lệ này thể hiện cụ thể ở mức 2,32 lần trong giai đoạn vừa qua.

Để đảm bảo tốc độ tăng trưởng xuất khẩu cao, hai yếu tố cơ bản là khối lượng, cơ cấu hàng hóa xuất khẩu và giá hàng hóa xuất khẩu. Giá xuất khẩu nhiều mặt hàng tăng cao đã góp phần duy trì mức tăng trưởng xuất khẩu cao thời kỳ 2001 - 2005, đặc biệt là năm 2005 và năm 2006. Giá xuất khẩu tăng khuyến khích xuất khẩu, tăng hiệu quả kinh tế của các ngành sản xuất và kinh doanh hàng hóa xuất khẩu, tăng hiệu quả của nền kinh tế, trực tiếp thúc đẩy phát triển sản xuất; kể cả những ngành, những lĩnh vực liên quan trực tiếp góp phần phát triển kinh tế. Giá xuất khẩu giảm là những tín hiệu thông báo trực tiếp, cụ thể không chỉ về hiệu quả sản xuất, kinh doanh của lô hàng, mặt hàng mà còn là cơ sở của định hướng kinh doanh, định hướng phát triển sản xuất, kinh doanh trong trung và dài hạn.

Giá nhập khẩu tăng, giảm phụ thuộc chủ yếu vào thị trường thế giới. Đối với hàng hóa là nguyên, nhiên, vật liệu chủ yếu, cơ bản phục vụ sản xuất (kể cả sản xuất hàng xuất khẩu) và đời sống, khi giá cả tăng, giảm không chỉ ảnh hưởng trực tiếp tới hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp nhập khẩu mà còn có tác động xã hội sâu sắc, không chỉ ảnh hưởng trong ngắn hạn mà còn tác động trong cả trung và dài hạn.

Giá xuất khẩu, nhập khẩu còn phụ thuộc trực tiếp vào từng thị trường xuất khẩu, nhập khẩu. Theo dõi và nắm bắt được những khác biệt này là yếu tố rất quan trọng đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của từng doanh nghiệp; đồng thời đây còn là tín hiệu quan trọng phục vụ cho công tác điều hành, quản lý Nhà nước về thương mại.

Đối với các cơ quan quản lý Nhà nước về kinh tế - thương mại, việc nắm bắt được diễn biến của giá hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu một cách hệ thống và nhanh chóng sẽ là những thông tin cần thiết để thực hiện tốt chức năng của mình trong nền kinh tế thị trường hiện đại, nhất là trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam đang hướng về xuất khẩu, hội nhập kinh tế quốc tế ở mức độ sâu hơn và đang tích cực phấn đấu để duy trì được tốc độ tăng trưởng kinh tế cao.

Hiện nay, Tổng cục Thống kê đã được Chính phủ giao nhiệm vụ tính toán chỉ số giá nói chung, trong đó có chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu. Tuy nhiên, hệ thống số liệu thống kê về chỉ số giá của Tổng cục Thống kê chủ yếu để phục vụ điều hành vĩ mô. Cụ thể đối với chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu:

- Là chỉ số dùng để phân tích tăng trưởng kinh tế và lạm phát; phân tích sự biến động của cán cân Thương mại; dùng để tính quy đổi (deflate) kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu theo giá cố định...

- Là thống kê mang tính dài hạn, điều tra thu thập số liệu và tính toán mỗi quý một lần, số liệu được công bố bắt đầu được thực hiện theo hàng quý đối với những chỉ số giá chung, nhóm hàng, mặt hàng lớn.

- Cơ cấu hệ thống chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu được công bố theo các phân nhóm lớn của các ngành kinh tế, phục vụ thống kê kinh tế ngành. Thí dụ, trong chỉ số giá xuất khẩu chung được phân tổ theo hàng tiêu dùng, trong đó có hàng lương thực - thực phẩm, phi lương thực - thực phẩm; Hàng tư liệu sản xuất trong đó có nguyên nhiên vật liệu và hàng máy móc thiết bị phụ tùng.

Chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu của Tổng cục Thống kê không chi tiết theo mặt hàng, loại hàng cụ thể cần quan tâm, chưa phân theo từng thị trường cụ thể; chưa tính theo tháng và chưa kịp thời để trực tiếp phục vụ cho việc ra quyết định kinh doanh của các doanh nghiệp cũng như các quyết định kịp thời trong điều hành quản lý Nhà nước về thương mại của Bộ Công Thương.

Xuất phát từ những nhận định trên đây, rất cần **“Nghiên cứu chỉ số giá hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu phục vụ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và điều hành quản lý Nhà nước về thương mại”**.

5. Tình hình nghiên cứu trong, ngoài nước

Đến nay, Việt Nam vẫn chưa có công trình nào nghiên cứu khoa học nào được công bố, tính được chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu một cách chi tiết và sử dụng nó phục vụ cụ thể, trực tiếp cho việc điều hành kinh doanh cũng như quản lý Nhà nước về thương mại.

Trên thế giới, chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu đã được nghiên cứu và vận dụng trong một khoảng thời gian dài. Đối với Liên hợp quốc, mục đích của cuộc điều tra giá xuất khẩu, nhập khẩu là để thu thập giá cả xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá và dịch vụ để tính chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu. Theo thường lệ, chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu không những phục vụ cho giảm phát kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu mà còn phục vụ nhiều hơn cho việc quản lý giá cả, phân tích kinh tế và chính sách thị trường. Đối với Hoa Kỳ, đã xây dựng hoàn thiện Chỉ số giá nhập khẩu (Import Price Index - MPI) và Chỉ số giá xuất khẩu (Export Price Index - XPI) về hàng hóa và dịch vụ, phục vụ hiệu quả cho công tác quản lý tâm vĩ mô của nước này. MPI và XPI bao gồm những thay đổi về giá cả hàng hoá và dịch vụ xuất khẩu, nhập khẩu giữa Mỹ và các nước khác trên thế giới. Các số liệu thống kê này được công bố thành

nhiều bảng biểu khác nhau (theo mục đích sử dụng và nghiên cứu), trong đó phân loại chi tiết tới từng nhóm hàng và mặt hàng cụ thể (ví dụ như đường ăn, rau, hoa quả, thực phẩm, thịt, thủy sản chế biến và đóng hộp, rượu, hàng dệt may, da giày, sản phẩm gỗ, giấy, các loại nguyên nhiên vật liệu, hoá chất...). Số liệu thống kê của Mỹ cũng công bố cho biết về những thay đổi giá hàng hoá và dịch vụ xuất khẩu, nhập khẩu giữa Mỹ với từng khu vực thị trường cụ thể (ví dụ như với các nước phát triển, với Canada, Mêhicô, EU, các nước Mỹ la tinh, Nhật Bản, Trung Quốc, các nước NICs châu Á, ASEAN, các nước Cận Đông châu Á...), (tham khảo chi tiết tại trang web Bộ Lao động Mỹ: <http://www.bls.gov/mxp/home.htm#overview>). Đồng thời, cơ sở dữ liệu này luôn được cập nhật thường xuyên, định kỳ công bố 1 tháng 1 lần, hỗ trợ đắc lực cho các doanh nghiệp của nước này hoạt động trong lĩnh vực xuất khẩu, nhập khẩu. Tại các nước khác như Ôxtrâyliia, Canada, Nhật Bản... việc xây dựng và công bố chỉ số giá cũng có nhiều điểm khác với ở Việt Nam, tuy thuộc nhiều yếu tố; trong đó có 1 yếu tố cơ bản là điều kiện kĩ thuật và thu thập số liệu thuận lợi hơn ở Việt Nam. Các nước có Ngoại thương phát triển và có nền khoa học tiên tiến thường công bố chỉ số giá 1 tháng 1 lần. Việc nghiên cứu và vận dụng những kinh nghiệm của các nước phát triển vào thực tiễn nước ta là rất quan trọng, đáp ứng yêu cầu cấp thiết trong điều hành, quản lý Nhà nước và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

6. Mục tiêu nghiên cứu của đề tài

- Đánh giá ứng dụng của hệ thống chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu do Tổng cục Thống kê xây dựng và công bố hiện nay phục vụ trực tiếp, cụ thể hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh của các doanh nghiệp và điều hành quản lý Nhà nước về thương mại;

- Tìm hiểu phân tích yêu cầu mới về chỉ số giá và xu hướng ứng dụng chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu trong kinh tế thị trường hiện đại, trong hoạt động thương mại và điều hành quản lý Nhà nước về thương mại hiện nay.

- Định hướng phương pháp xây dựng và công bố hệ thống chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu phục vụ quản lý Nhà nước về thương mại và hoạt động kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu của các doanh nghiệp.

7. Đối tượng nghiên cứu

- Các yếu tố tham gia trong xây dựng và hình thành chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu của Việt Nam; sự thay đổi của các yếu tố đó trong thời kỳ 2001 - 2005.

- Nhu cầu sử dụng chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu của các cơ quan quản lý Nhà nước về thương mại và các doanh nghiệp kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu (bao gồm các tiêu chí cần cung cấp, định kỳ cung cấp, mức độ chi tiết trong các nhóm hàng hoá cần thống kê...).

8. Phạm vi nghiên cứu

- Về thời gian: Nghiên cứu cách tính toán chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu thời kỳ 2001 - 2005 (có tham khảo trong thời kỳ 1991 - 2000), phối hợp với Tổng cục Thống kê nghiên cứu xây dựng hệ thống chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu cho hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam.

- Về không gian: trên phạm vi cả nước.

- Về lĩnh vực: tập trung vào các loại hàng hoá xuất khẩu chủ lực, hàng hóa xuất khẩu mới, hàng hóa xuất khẩu có kim ngạch tăng trưởng nhanh và hàng hoá nhập khẩu thiết yếu của Việt Nam; các thị trường xuất khẩu, thị trường nhập khẩu trọng điểm.

9. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu, các phương pháp chủ đạo được sử dụng là phương pháp phân tích, phương pháp thống kê, so sánh và duy vật biện chứng. Ngoài ra, đề tài còn sử dụng tổng hợp một số phương pháp khác như phương pháp khảo sát, điều tra, phương pháp thống kê điển hình và phương pháp chuyên gia. Sử dụng công cụ hỗ trợ là công nghệ thông tin với các chương trình phần mềm đặc thù cho cơ sở dữ liệu thống kê, phân tích, dự báo.

10. Nội dung nghiên cứu

Ngoài lời mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, nội dung chủ yếu của đề tài được trình bày trong 3 chương:

Chương I:

Tổng quan chung về chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu

Chương II:

Thực trạng chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu ở Việt Nam hiện nay và những yêu cầu đối với chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu.

Chương III:

Một số định hướng cơ bản về xây dựng và công bố hệ thống chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu phục vụ hoạt động kinh doanh và điều hành, quản lý Nhà nước về thương mại.

CHƯƠNG I:

TỔNG QUAN CHUNG VỀ CHỈ SỐ GIÁ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU

I. KHÁI NIỆM VỀ CHỈ SỐ GIÁ HÀNG HOÁ XUẤT KHẨU, CHỈ SỐ GIÁ HÀNG HOÁ NHẬP KHẨU (GỌI TẮT LÀ CHỈ SỐ GIÁ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU) VÀ MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN VỀ CHỈ SỐ GIÁ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU DO TỔNG CỤC THỐNG KÊ VIỆT NAM CÔNG BỐ HIỆN NAY

I.1. ĐỊNH NGHĨA VÀ MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN CỦA CHỈ SỐ GIÁ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU:

Giá cả hàng hoá là biểu hiện bằng tiền của giá trị hàng hoá (giá cả hàng hoá thường được gọi tắt là giá hàng hoá).

Chỉ số giá là chỉ số chỉ tiêu chất lượng biểu hiện quan hệ so sánh giữa giá cả của hai thời gian hoặc hai địa điểm khác nhau.

Chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá và dịch vụ là những chỉ tiêu kinh tế tổng hợp đo biến động giá cả xuất khẩu hoặc nhập khẩu hàng hoá và dịch vụ mà nhiều nước trên thế giới đã tiến hành. Liên hợp quốc - cơ quan thống kê, đã đưa ra những chuẩn mực và những giới thiệu nhằm hướng dẫn như là một tiêu chuẩn mẫu mực, từ đó các nước trong Liên hợp quốc, nhất là các nước thuộc hệ thống tổ chức Tiền tệ quốc tế (IMF) sát gạn nhau về nội dung và phương pháp đều tính những chỉ số giá này.

Chỉ số giá xuất - nhập khẩu hàng hoá Việt Nam là thước đo mức độ biến động (thay đổi) của giá cả hàng hoá xuất khẩu hoặc nhập khẩu, không bao gồm các loại xuất - nhập khẩu dịch vụ của Việt Nam.

Đối với Việt Nam, chỉ số giá xuất - nhập khẩu chỉ tính trên giá cả của hàng hoá xuất - nhập khẩu (FOB và CIF) và được gọi là chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá.

Giá xuất khẩu dùng để tính chỉ số giá xuất khẩu hàng hoá là giá với điều kiện giao hàng FOB (Free On Board), giá giao hàng trên boong tàu tại cảng

Việt Nam hoặc tại biên giới Việt Nam. Giá nhập khẩu dùng để tính chỉ số giá nhập khẩu hàng hoá là giá CIF (Cost, Insurance and Freight), giá giao hàng tại cảng Việt Nam hoặc tại biên giới Việt Nam.

Giá xuất khẩu, nhập khẩu được thu thập từ các nhà xuất khẩu, nhập khẩu và theo giá hợp đồng đã ký kết trong quý, không bao gồm thuế suất thuế xuất khẩu, nhập khẩu; không quan tâm đến hàng xuất sẽ lên tàu lúc nào và hàng nhập đã hoặc sẽ về cảng Việt Nam lúc nào.

Mặt hàng đại diện lấy giá xuất - nhập khẩu là các mặt hàng cơ bản, chủ yếu có tính truyền thống và có tỷ trọng lớn trong nhóm - mặt hàng cơ sở (Theo danh mục các sản phẩm chủ yếu Việt Nam VCPC, mã 5 số).

Rổ hàng hoá xuất - nhập khẩu Việt Nam không bao gồm hàng mậu dịch, tạm nhập, tái xuất, hàng xuất khẩu, nhập khẩu của các cư dân biên giới, hàng triển lãm, trưng bày..., hàng quốc phòng (cho chiến tranh và bảo vệ), vàng nguyên liệu, đồ cổ, sách báo tạp chí và các sản phẩm văn hoá (đĩa ghi tác phẩm, tranh, ảnh, phim chiếu các loại), các phát minh khoa học, bản quyền; máy bay, tàu thủy và phụ tùng; toa xe, đầu kéo tàu hoả và phụ tùng.

Đồng tiền tính chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam là đồng Đô la Mỹ (USD). Tỷ giá quy đổi giá cả thanh toán theo các đơn vị tiền tệ khác như Yên Nhật, Mác Đức... theo tỷ giá của Ngân hàng ngoại thương Việt Nam công bố trong ngày do đơn vị báo cáo chuyển đổi.

I.2. MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN VỀ PHƯƠNG PHÁP TÍNH TOÁN CHỈ SỐ GIÁ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU VÀ PHƯƠNG PHÁP TÍNH TOÁN CHỈ SỐ GIÁ CỦA TỔNG CỤC THỐNG KÊ VIỆT NAM

I.2.1. Phương pháp tính toán:

Tùy theo phạm vi tính toán, hay mục đích nghiên cứu ta có thể tính chỉ số cá thể giá hoặc chỉ số tổng hợp giá. Cách tính cụ thể như sau:

(a)- Chỉ số cá thể giá cả:

Chỉ số cá thể giá cả được tính theo công thức: $i_p = \frac{p_1}{p_0}$ (1)

Trong đó:

i_p - là chỉ số cá thể giá cả;

p_1 - là giá cả hàng hoá kỳ nghiên cứu;

p_0 - là giá cả hàng hoá kỳ gốc.

Chỉ số cá thể giá cả phản ánh biến động giá cả của từng mặt hàng ở kỳ nghiên cứu so với kỳ gốc.

(b)- Chỉ số tổng hợp giá cả:

Chỉ số tổng hợp giá cả là biểu hiện mối quan hệ so sánh giữa giá cả của một nhóm hay toàn bộ hàng hoá ở kỳ nghiên cứu và kỳ gốc, qua đó phản ánh sự biến động chung về giá cả của các mặt hàng.

Đặc điểm của phương pháp chỉ số là khi xây dựng chỉ số tổng hợp giá cả chúng ta không thể tổng hợp một cách đơn thuần, nghĩa là cộng giá đơn vị của các mặt hàng ở kỳ nghiên cứu và kỳ gốc để so sánh với nhau. Việc cộng như vậy là không có ý nghĩa và đồng thời cũng bỏ qua tình hình lưu chuyển (mua, bán, xuất khẩu hoặc nhập khẩu) thực tế của mỗi mặt hàng vốn có tầm quan trọng khác nhau. Để đưa về đại lượng có thể tổng hợp được, khi xây dựng chỉ số tổng hợp giá, ta phải nhân (x) giá của mỗi mặt hàng với lượng lưu chuyển tương ứng, trên cơ sở đó thiết lập quan hệ so sánh với nhau.

Chỉ số tổng hợp giá cả được tính theo công thức:

$$I_p = \frac{p_1 q}{p_0 q} \quad (2)$$

Trong đó:

I_p là chỉ số tổng hợp giá cả;

p_1 và p_0 là giá cả hàng hoá kỳ nghiên cứu và kỳ gốc;

q là lượng lưu chuyển hàng hoá của mỗi mặt hàng.

Trong công thức trên, khối lượng lưu chuyển của mỗi mặt hàng (q) đã tham gia vào quá trình tính toán chỉ số giá và giữ vai trò quyền số phản ánh tầm quan trọng của từng mặt hàng trong sự biến động chung của giá cả.

Một khía cạnh khác, khi muốn nghiên cứu biến động chỉ số của nhân tố giá cả thì giá của các mặt hàng ở hai kỳ phải được tổng hợp theo cùng một lượng hàng hoá lưu chuyển, nghĩa là phải cố định ở một kỳ nào đó, cả trong tử số và mẫu số của công thức. Tùy theo mục đích nghiên cứu và nhất là điều kiện thực tế của số liệu đã tổng hợp được, chỉ số tổng hợp giá cả có thể được xác định theo các công thức như sau:

Các công thức đó được biểu hiện dưới đây:

+ Công thức chỉ số giá Laspeyres:

$$I_p^L = \frac{\sum_{i=1}^n p_{i,1} q_{i,0}}{\sum_{i=1}^n p_{i,0} q_{i,0}} = \frac{\sum_{i=1}^n p_{i,0} q_{i,0} (p_{i,1} / p_{i,0})}{\sum_{i=1}^n p_{i,0} q_{i,0}} \quad (3)$$

$$\text{Dạng đơn giản: } I_q^L = \frac{\sum_i p_0 q_0}{\sum p_0 q_0} \quad (3')$$

Chỉ số tổng hợp giá cả Laspeyres là chỉ số tổng hợp giá cả với quyền số là lượng hàng lưu chuyển của mỗi mặt hàng ở kỳ gốc (q^0).

Tính toán trên cơ sở quyền số lấy ở kỳ gốc (q^0), chỉ số tổng hợp giá Laspeyres phản ánh biến động giá cả của các mặt hàng ở kỳ nghiên cứu so với kỳ gốc và ảnh hưởng biến động riêng của giá cả đối với mức lưu chuyển của các mặt hàng.

Chênh lệch giữa tử số và mẫu số phản ánh tăng hay giảm mức lưu chuyển do ảnh hưởng do sự biến động của giá cả của các mặt hàng với giả định rằng lượng hàng hoá tham gia lưu chuyển ở hai kỳ là như nhau.

Đây là công thức Laspeyres chuẩn. Trong đó: i là mặt hàng lấy giá ($i=1...n$);

$I_{pt/0}$ là chỉ số giá kỳ báo cáo t so với kỳ gốc 0 ;

$p_{i,t}$ là giá của mặt hàng i kỳ báo cáo t ;

$p_{i,0}$ là giá của mặt hàng i kỳ gốc 0 ;

$q_{i,0}$ là số lượng của mặt hàng lấy giá i ở kỳ gốc 0 ;

(t là thời kỳ báo cáo, và 0 là thời kỳ gốc cơ bản).

Hạn chế của việc tính chỉ số giá theo phương pháp Laspeyres này là không phản ánh có tính cập nhật những thay đổi của các khuynh hướng tiêu dùng, đồng thời cũng không cho phép xác định được khối lượng tăng hay giảm thực tế của mức lưu chuyển hàng hoá do ảnh hưởng của giá cả các mặt hàng. **Hạn chế này càng là vấn đề lớn khi có biến động lớn và nhanh chóng về lượng của hàng hoá kỳ báo cáo so với kỳ gốc. Ví dụ, mặt hàng sản phẩm gỗ trong thời kỳ 2003 - 2005, mặt hàng cà phê thời kỳ 2003 - 2006.**

Tuy nhiên, về mặt tính toán thì sử dụng công thức này sẽ có một số thuận lợi vì dữ liệu về khối lượng lưu chuyển của kỳ gốc trong thực tế thường đã được tổng hợp và thời gian giữa 2 kỳ ngắn.

+ Công thức chỉ số giá Paasche:

Chỉ số tổng hợp giá cả Passche là chỉ số tổng hợp giá cả được tính toán với quyền số là khối lượng hàng hoá lưu chuyển của mỗi mặt hàng ở kỳ nghiên cứu (q_1).

Công thức tính chỉ số tổng hợp giá cả Passche như sau:

$$I_p^P = \frac{\sum_{i=1}^n p_{i,1} q_{i,1}}{\sum_{i=1}^n p_{i,0} q_{i,1}} = \frac{\sum_{i=1}^n p_{i,1} q_{i,1}}{\sum_{i=1}^n p_{i,1} q_{i,1} (p_{i,0} / p_{i,1})} \quad (4)$$

Dạng đơn giản: $I_q^p = \frac{\sum p_1 q_1}{\sum p_0 q_1} \quad (4')$

Với quyền số là khối lượng hàng hoá lưu chuyển ở kỳ nghiên cứu nên trong trường hợp có sự thay đổi khối lượng và cơ cấu tiêu thụ các mặt hàng thì sẽ không phản ánh được ảnh hưởng biến động riêng của giá cả đối với tổng mức lưu chuyển của các mặt hàng. Tuy nhiên, với quyền số (q_1) thì so sánh chênh lệch giữa tử số và mẫu số của chỉ số này lại phản ánh được mức tăng hay giảm thực tế của doanh thu do ảnh hưởng bởi giá cả các mặt hàng.

Nếu trường hợp dữ liệu cho phép tính được chỉ số cá thể giá cả và trị giá lưu chuyển của từng mặt hàng ở kỳ nghiên cứu thì chỉ số tổng hợp giá cả Passche được tính theo công thức bình quân như sau:

$$I_p^P = \frac{\sum p_1 q_1}{\sum \frac{p_1 q_1}{i_p}} \quad (4'')$$

Chỉ số tổng hợp giá cả Passche theo công thức (4) thực chất là bình quân điều hoà gia quyền của các chỉ số cá thể giá cả các mặt hàng với quyền số là trị giá của từng mặt hàng ở kỳ nghiên cứu.

Từ công thức (4), nếu ta đặt $d_1 = \frac{p_1 q_1}{\sum p_1 q_1}$

thì chỉ số tổng hợp giá cả Passche được xác định như sau:

$$I_p^L = \frac{1}{\sum \frac{d_1}{i_p}} \quad (5)$$

Như vậy, quyền số trong công thức này là tỷ trọng của trị giá từng mặt hàng ở kỳ nghiên cứu.

Các kết quả tính toán chỉ số giá tổng hợp giá cả theo hai công thức Laspeyres và Passche thường không trùng nhau, giữa chúng có sự chênh lệch với một mức độ nhất định, nhưng cũng không lớn lắm. Nguyên nhân cơ bản là do sự khác biệt về thời kỳ quyền số và đây cũng được hiểu như là kết quả của sự thay đổi kết cấu hàng hoá lưu chuyển giữa hai thời kỳ. Hơn nữa, bản chất chỉ số giá cả Laspeyres và Passche đều có thể xây dựng từ các chỉ số cá thể giá cả nhưng lại theo các công thức bình quân khác nhau. Nếu trong những điều kiện cơ cấu hàng hoá lưu chuyển không thay đổi thì chỉ số Passche tính theo công thức bình quân điều hoà lại có kết quả thấp hơn so với chỉ số Laspeyres tính theo công thức bình quân cộng.

Tuy vậy, trong thực tế luôn có nhiều nhân tố ảnh hưởng đến sự thay đổi cơ cấu hàng hoá lưu chuyển như: do thay đổi thói quen tiêu dùng, do thay đổi thị hiếu hay do các điều kiện kỹ thuật khác sẽ dẫn đến có sự chênh lệch đáng kể kết quả tính toán chỉ số.

Để khắc phục nhược điểm đó, các nhà kinh tế đã sử dụng một chỉ số thay thế cho hai chỉ số kể trên, gọi là chỉ số tổng hợp giá cả Fisher.

+ Công thức chỉ số giá Fisher:

Chỉ số tổng hợp giá cả Fisher phản ánh sự biến động chung giá cả các mặt hàng dựa trên cơ sở san bằng chênh lệch giữa các chỉ số Laspeyres và Passche.

Công thức tính chỉ số tổng hợp giá cả Fisher như sau:

$$I_p^F = \sqrt[2]{I_p^P * I_p^L} = \sqrt[2]{\frac{\sum_{i=1}^n p_{i,1}q_{i,0}}{\sum_{i=1}^n p_{i,0}q_{i,0}} * \frac{\sum_{i=1}^n p_{i,1}q_{i,1}}{\sum_{i=1}^n p_{i,0}q_{i,1}}} \quad (5)$$

$$\text{Dạng đơn giản: } I_p^F = \sqrt{\frac{\sum p_1q_0}{\sum p_0q_0} \times \frac{\sum p_1q_1}{\sum p_0q_1}} \quad (5')$$

Chỉ số tổng hợp giá cả Fisher sử dụng kết hợp cả quyền số kỳ gốc và kỳ nghiên cứu nên nó khắc phục được những ảnh hưởng về sự khác biệt về cơ cấu hàng hoá lưu chuyển giữa hai kỳ, qua đó cũng xác định được kết quả chung phản ánh biến động giá cả của các mặt hàng.

Từ các công thức tính chỉ số tổng hợp ở trên, có thể lọc ra các loại chỉ số giá Laspeyres như sau:

Loại chỉ số	Kỳ 1 so với kỳ gốc	Kỳ 2 so với kỳ 1	Kỳ 2 so với kỳ gốc
A	(1)	(2)	(3)
I- Laspeyres với quyền số cố định	$\frac{\sum_{i=1}^n p_{i,1}q_{i,0}}{\sum_{i=1}^n p_{i,0}q_{i,0}}$	$\frac{\sum_{i=1}^n p_{i,2}q_{i,0}}{\sum_{i=1}^n p_{i,1}q_{i,0}}$	$\frac{\sum_{i=1}^n p_{i,2}q_{i,0}}{\sum_{i=1}^n p_{i,0}q_{i,0}}$
II- Laspeyres với quyền số biến động không nối chuỗi	$\frac{\sum_{i=1}^n p_{i,1}q_{i,0}}{\sum_{i=1}^n p_{i,0}q_{i,0}}$	$\frac{\sum_{i=1}^n p_{i,2}q_{i,1}}{\sum_{i=1}^n p_{i,1}q_{i,1}}$	$\frac{\sum_{i=1}^n p_{i,2}q_{i,0}}{\sum_{i=1}^n p_{i,0}q_{i,0}}$
III- Laspeyres với quyền số biến động và nối chuỗi được	$\frac{\sum_{i=1}^n p_{i,1}q_{i,0}}{\sum_{i=1}^n p_{i,0}q_{i,0}}$	$\frac{\sum_{i=1}^n p_{i,2}q_{i,1}}{\sum_{i=1}^n p_{i,1}q_{i,1}}$	$\frac{\sum_{i=1}^n p_{i,1}q_{i,0}}{\sum_{i=1}^n p_{i,0}q_{i,0}} * \frac{\sum_{i=1}^n p_{i,2}q_{i,1}}{\sum_{i=1}^n p_{i,1}q_{i,1}}$

- Chỉ số loại I, là chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu tính theo công thức Laspeyres có quyền số cố định là q_0 , quyền số này được cố định qua các kỳ tính chỉ số.

- Chỉ số loại II và III, là chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu tính theo công thức Laspeyres có quyền số biến động q_{t-1} là kỳ trước kỳ báo cáo.

Như vậy kết quả chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu tính theo 3 công thức tại cột (1) và cột (3) là giống nhau, nhưng tính theo công thức I có kết quả khác với công thức II và III tại cột (2).

Việc sử dụng công thức nào vào tính chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu là vấn đề mà Thống kê Liên hợp quốc cũng chỉ đưa ra những lời khuyên cáo và nêu lên những ưu - nhược điểm của từng loại công thức. Tuy nhiên khi xác định công thức tính chỉ số giá hiện hành đặt ra vấn đề hàng đầu là thoả mãn yêu cầu của hệ thống tài khoản quốc gia. Tuy nhiên, vấn đề quyết định vẫn là vấn đề năng lực của từng nước. Năng lực ở đây theo họ có hai khía cạnh: năng lực về khả năng trình độ khoa học của con người để hiểu biết và ứng dụng loại công thức nào vào đất nước mình cho phù hợp về mặt khoa học, đồng thời hai là phù hợp với khả năng tài chính cho từng loại ứng dụng các công thức đó.

Về mặt khoa học, công thức Laspeyres III là tối ưu nhất đối với chỉ số giá và có khả năng thực hiện được ở nhiều nước, công thức chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu Fisher là phù hợp nhất cho tài khoản quốc gia (SNA). Nhưng về mặt công phu và chi phí cho nó thường tốn kém nhiều hơn rất nhiều so với ứng dụng công thức Laspeyres chuẩn.

Tuy nhiên để khắc phục một phần của công thức III và gần sát hơn với công thức III, người ta đưa ra công thức chỉ số giá Laspeyres chuyển đổi để sử dụng phương pháp so sánh ngắn hạn, tức là giá kỳ báo cáo so sánh với giá kỳ trước đó (p_{t-1}) thay cho giá kỳ báo cáo so sánh với kỳ gốc cố định p_0 (cùng kỳ với quyền số cố định q_0 như Chỉ số Laspeyres chuẩn) và quyền số cập nhật lại theo giá kỳ trước (gần như là hình thức của công thức III). Quá trình chuyển đổi của nó như sau:

$$I^{p_{t/0}} = \frac{\sum_{i=1}^n p_{i,t} q_{i,0}}{\sum_{i=1}^n p_{i,0} q_{i,0}} = \sum_{i=1}^n \left[\frac{p_{i,t}}{p_{i,t-1}} * \left(\frac{p_{i,t-1}}{p_{i,0}} * \frac{p_{i,0} q_{i,0}}{\sum p_{i,0} q_{i,0}} \right) \right]$$

Trong đó:

$i_{t/t-1} = p_{i,t} / p_{i,t-1}$ là chỉ số giá mặt hàng i kỳ báo cáo so với kỳ trước;

$p_{i,t}$ và $p_{i,t-1}$ là giá của mặt hàng i kỳ báo cáo t và kỳ trước $t-1$,

$$\begin{aligned}
&= \sum_{i=1}^n \left[\frac{P_{i,t}}{P_{i,t-1}} * w_{i,0}^{t-1} \right] \\
&= \sum_{i=1}^n \left[\frac{P_{i,t}}{P_{i,t-1}} * \left(\frac{P_{i,t-1}}{P_{i,0}} * w_{i,0} \right) \right] \\
&= \sum_{i=1}^n i_{t/t-1} w_{i,0}^{t-1} \tag{3.2}
\end{aligned}$$

$$w_{i,0} = \frac{P_{i,0} q_{i,0}}{\sum_{i=1}^n P_{i,0} q_{i,0}}$$

là quyền số tỷ trọng kỳ gốc cố định của mặt hàng i và,

$w_{i,0}^{t-1} = i_{t/t-1} * w_{i,0}$ là quyền số tỷ trọng kỳ gốc cố định của mặt hàng i được cập nhật theo giá kỳ trước $P_{i,t-1}$.

Với công thức này việc xử lý các bất trắc xảy ra trong quá trình tính chỉ số sẽ ít hơn so với công thức chỉ số cổ truyền (Laspeyres chuẩn).

Với công thức III, việc tính chỉ số giá bằng phương pháp quyền số biến động có nối chuỗi được thực hiện theo mô hình sau:

Giả sử chỉ số của một kỳ nào đó là I_t và kỳ gốc cố định để nối vào là I'_t ($t = 1 \dots n$) thì,

Thời kỳ 1	$I_1 = I'_1,$
Thời kỳ 2	$I_2 = I'_2 * I_1 = I'_2 * I'_1,$
..	
..	
..	
Thời kỳ n	$I_n = I'_n * I_{n-1} = I'_n * I'_{n-1} * \dots * I'_1 = I_{t-1} * I'_t$

Trong đó chỉ số giá kỳ 1 là: Kỳ 2 là:

	$\frac{\sum p_1 q_0}{\sum p_0 q_0}$		$\frac{\sum p_2 q_1}{\sum p_1 q_1}$
và chỉ số giá kỳ n-1 là:		và chỉ số giá kỳ n là:	

$$\frac{\sum p_{n-1}q_{n-2}}{\sum p_{n-2}q_{n-2}} \qquad \frac{\sum p_nq_{n-1}}{\sum p_{n-1}q_{n-1}}$$

(đây là các chỉ số Laspeyres theo quyền số biến động).

Chỉ số không gian

Để biểu hiện mối quan hệ so sánh giá cả hàng hoá ở các điều kiện không gian khác nhau người ta dùng chỉ số không gian.

Chỉ số không gian về giá cả của hàng hoá phản ánh quan hệ so sánh về giá của từng mặt hàng ở hai thị trường, hay hai khu vực thị trường khác nhau.

Để so sánh giá cả xuất khẩu giữa thị trường A và B thì trước hết là xác định mức giá đại diện của từng mặt hàng ở hai thị trường. Công thức tính chỉ số giá cả không gian cũng tương tự như công thức tính chỉ số cá thể giá cả và chỉ số tổng hợp giá cả ở phần trên đã trình bày.

Chỉ số cá thể giá cả so sánh giữa thị trường A và B theo công thức:

$$I_{p(A/B)} = \frac{p_A}{p_B} \text{ hoặc } I_{p(B/A)} = \frac{p_B}{p_A} \quad (6)$$

Ví dụ: Có số liệu về giá và lượng xuất khẩu của hai mặt hàng tại hai thị trường trong 1 tháng của một doanh nghiệp như sau:

Mặt hàng	Thị trường A		Thị trường B		Tổng lượng xk Q = (q ₀ + q ₁)
	giá xk (USD) (p ₀)	Lượng xk (q ₀)	giá xk (USD) (p ₁)	Lượng xk (q ₁)	
Giày mũ da (đôi)	40	10.000	35	15.000	25.000
áo Jacket (s.phẩm)	20	20.000	25	10.000	30.000

Chỉ số cá thể giá cả của từng mặt hàng so sánh giữa thị trường A và B là:

$$\text{Mặt hàng giày da là: } I_{p(A/B)} = \frac{p_A}{p_B} = \frac{40}{35} = 1,143 \text{ lần (hay 114,3\%).}$$

$$I_{P(A/B)} = \frac{P_A}{P_B} = \frac{20}{25} = 0,8 \text{ lần (hay 80\%).}$$

Mặt hàng áo Jacket là:

Trong nhiều trường hợp cần so sánh giá của một nhóm hàng hay toàn bộ hàng hoá ở hai thị trường khác nhau, ta phải sử dụng chỉ số tổng hợp giá không gian.

Chỉ số tổng hợp giá cả so sánh giữa thị trường A và B theo công thức:

$$I_{pA/B} = \frac{\sum P_A Q}{\sum P_B Q} \quad (7)$$

Trong đó:

$Q = q_A + q_B$ là tổng lượng tiêu thụ của từng hàng hoá ở hai thị trường A và B.

Từ số liệu của bảng tính trên, nếu so sánh giá xuất khẩu tại thị trường A với thị trường B thì ta có:

$$\begin{aligned} I_{pA/B} &= \frac{\sum P_A Q}{\sum P_B Q} = \frac{40 \times 25.000 + 20 \times 30.000}{35 \times 25.000 + 25 \times 30.000} \\ &= \frac{1.600.000}{1.575.000} = 1,016 \text{ (hay 101,6\%).} \end{aligned}$$

Như vậy, giá xuất khẩu của các mặt hàng trên ở thị trường A cao hơn thị trường B là 1,6%.

1.2.2. Phương pháp tính toán chỉ số giá của TCTK Việt nam

Chỉ số giá xuất - nhập khẩu trong giai đoạn năm 2001-2005 (hiện hành) được tính theo phương pháp so sánh ngắn hạn với công thức chỉ số giá Laspayres chuyển đổi, có dạng như sau:

$$I_{p,t/0} = \sum_{i=1}^n r_{i,t/t-1} * w^{i,0}_{t-1} \quad (8)$$

$$= \sum_{i=1}^n \frac{P_{i,t}}{P_{i,t-1}} * \frac{P_{i,t-1}}{P_{i,0}} * w^{i,0}_{t-1}$$

1.3.2. Thu thập giá xuất - nhập khẩu

Giá cả hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu đưa vào tính chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá về cơ bản được thu thập từ các đơn vị hoạt động kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá. Giá này được lấy từ các hợp đồng ngoại thương.

Hiện nay, Tổng cục Thống kê vẫn thực hiện thu thập giá xuất khẩu, nhập khẩu bằng cách gửi các phiếu điều tra tới các doanh nghiệp điển hình được chọn lọc làm đại diện trong xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa. Việc gửi và nhận lại các phiếu điều tra này tốn nhiều thời gian và kết quả thu về còn nhiều hạn chế.

NHẬN XÉT:

Chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá Việt Nam là một chỉ tiêu thống kê quốc gia, được tính toán và công bố theo Quyết định số số **412/2003/QĐ-TCTK ngày 29/7/2003 của Tổng cục Thống kê**.

Chỉ số này đã góp phần đắc lực trong công tác quản lý kinh tế vĩ mô của Đảng và Nhà nước cũng như phục vụ các nhu cầu sử dụng số liệu của xã hội và cá nhân trong và ngoài nước.

Tuy vậy, nó còn nhiều khiếm khuyết (được trình bày rõ ở chương II, phần II.5 và Nhận xét) cần được hoàn thiện hơn nữa.

II. MỘT SỐ NÉT CƠ BẢN VỀ CHỈ SỐ GIÁ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU TẠI MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI HIỆN NAY

II.1. NỘI DUNG, TIÊU CHÍ CHUNG CỦA CHỈ SỐ GIÁ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU CỦA LIÊN HỢP QUỐC

II.1.1. Cấu trúc và quyền số của chỉ số

Cấu trúc, phân loại hàng hoá của chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu của Liên hiệp quốc bắt đầu từ danh mục hàng hoá ngoại thương của các quốc gia (tức là theo danh mục HS), và thông thường kết hợp với các danh mục chỉ số giá nội địa. Phân loại hàng hoá thương mại quốc tế (SITC) cũng được sử dụng cho tính chỉ số và từ đó chuyển đổi cho danh mục phân loại hàng hoá chính (Broad Economic Category-BEC) liên quan tới SITC và ISIC. Chỉ số giá tính theo cấu trúc của danh mục sản phẩm trung tâm (CPC) cho tất cả hàng hoá và dịch vụ được xuất khẩu, nhập khẩu. Ngoài ra phân loại hàng hoá dịch vụ Liên hiệp châu (CPA) và phân loại mở rộng cán cân thanh toán quốc tế (BPM5) cũng được ưu tiên sử dụng để tính và công bố chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu. Đối với chỉ số vùng hoặc khu vực có thể được thể hiện trong khi thiết kế mẫu điều tra trên cơ sở mục đích của nó. Từ đó cấu trúc và quyền số chỉ số sẽ được hình thành.

Quyền số của chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá và dịch vụ thông thường theo cấu trúc của chỉ số và luôn luôn được rút ra từ các cơ sở dữ liệu của hải quan trên cơ sở loại trừ các loại hàng hoá và dịch vụ không thuộc phạm vi tính chỉ số. Quyền số đó được xác định theo mặt hàng, theo nước xuất - nhập và theo giá trị của ít nhất 1 năm để làm quyền số cố định. Quyền số có thể là quyền số kỳ gốc biến động, và quyền số kỳ báo cáo tùy thuộc vào sử dụng công thức tính chỉ số để thiết kế quyền số.

II.1.2. Giá cả dùng để tính chỉ số

Giá cả hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu dùng để tính chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu trong cuộc điều tra này thông thường là lấy giá tại biên giới quốc gia xuất khẩu, về cơ bản là dựa theo giá FOB (Free On Board) hoặc là giá CIF (Cost, Insurance and Freight) của hải quan, trong trường hợp giá nhập khẩu theo hải quan là giá CIF thì ước tính cước vận tải và bảo hiểm để chuyển đổi và điều chỉnh về giá FOB tại nước xuất khẩu.

Nói chung, giá cả được thu thập trực tiếp từ những báo cáo liên quan tới các hợp đồng xuất khẩu, nhập khẩu của các nhà xuất - nhập khẩu trong một thời kỳ xác định (tháng hoặc quý), và như vậy sẽ cập nhật qua thời gian mặc dầu nó có khác nhau chút ít, và các loại thuế hải quan, thuế khác về hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu kể cả trợ giá cũng thu thập được qua biện pháp này.

Như vậy một danh sách các nhà xuất khẩu và nhập khẩu đại diện phải được xác định để điều tra giá trực tiếp từ đó.

Đồng tiền tính chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu được tính phổ biến là theo Đô la Mỹ hoặc theo quy định của từng quốc gia. Để có giá cả theo tiền quốc gia, nhiệm vụ nữa của báo cáo giá từ các nhà xuất khẩu, nhập khẩu là tính đổi giá cả sang tiền quốc gia từ tiền kinh doanh, thanh toán trong hợp đồng. Tỷ giá đó thường được lấy tỷ giá trung bình của giá mua và giá bán ngoại tệ đó tại thời điểm giao hàng (ký kết hợp đồng hoặc lúc xếp hàng lên tàu).

II.1.3. Về thu thập giá các loại đặc biệt

Liên hợp quốc chú ý một số vấn đề sau đây trong quá trình thu thập giá

- Vấn đề mặt hàng thay đổi chất lượng;
- Vấn đề mặt hàng độc nhất;
- Vấn đề mặt hàng vắng mặt do thời vụ và mặt hàng không xuất hiện liên tục khác;
- Vấn đề tính giá xuất khẩu, nhập khẩu của một hàng hoá của công ty xuyên quốc gia;
- Vấn đề tính giá xuất khẩu và nhập khẩu trong tài khoản quốc gia;

II.1.4. Phương pháp tính và các công bố số liệu

(a) - Lựa chọn công thức tính chỉ số:

Công thức tính chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu và chỉ số lượng xuất khẩu, nhập khẩu hầu hết được sử dụng là công thức Laspeyres gia quyền với quyền số kỳ gốc, công thức Paasche gia quyền với quyền số kỳ hiện hành (báo cáo) và công thức Fisher (là công thức hài hoà giữa công thức Laspeyres với công thức Paasche). Các công thức đó được biểu hiện dưới đây song các ký hiệu của nó được quy định là: p và q là giá và lượng; 0 và 1 là kỳ gốc và kỳ

hiện hành; L là Laspeyres và P là Paasche; i là hàng hoá cụ thể (và $i = 1...n$). Mỗi loại công thức tính cho hai loại chỉ số là chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu và chỉ số lượng hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu. Chỉ số Laspeyres là số bình quân số của các quan hệ giá cả (chỉ số giá cá thể) được gia quyền với giá trị của mặt hàng đó ở kỳ gốc; chỉ số Paasche là số bình quân số học của những quan hệ giá cả được gia quyền với giá trị của mặt hàng đó ở kỳ hiện hành và chỉ số Fisher số bình quân kỳ hà giữa chỉ số Laspeyres và chỉ số Paasche.

(b) - Công bố số liệu:

Tuỳ thuộc vào mục đích sử dụng của mỗi quốc gia để quyết định công bố số liệu ở mức nào của cấu trúc chỉ số. Thông thường các chỉ số chung và chỉ số nhóm cấp I của các phân loại chỉ số giá được công bố. Những chỉ số của các nhóm chi tiết thường được cung cấp theo yêu cầu của người sử dụng. Trong công bố thường kèm theo quyền số của nó và các ghi chú tóm tắt về phương pháp tính.

II.2. NỘI DUNG, TIÊU CHÍ CHUNG CỦA CHỈ SỐ GIÁ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU CỦA ÔXTRÂYLIA ⁽¹⁾

Chỉ số giá xuất khẩu phản ánh sự biến động giá cả của tất cả hàng hoá xuất khẩu từ nước Ôxtrâylia (bao gồm cả hàng tái xuất, tức là hàng hoá được nhập khẩu vào nước Ôxtrâylia và được xuất khẩu khỏi nước Ôxtrâylia vào những ngày sau đó mà không thay đổi về hình thái vật lý của hàng hoá). Chỉ số giá xuất khẩu được tính theo tháng và phản ảnh sự thay đổi giá cả hàng hàng hoá đã xếp thực tế lên boong tàu trong tháng đó.

Chỉ số giá xuất khẩu phục vụ cho cả hai khu vực: khu vực Nhà nước và khu vực Tư nhân để phân tích kinh tế và điều chỉnh các hợp đồng thương mại. Chỉ số giá xuất khẩu còn sử dụng cho việc tính các chỉ tiêu thống kê khác theo giá cố định nh Tài khoản quốc gia (SNA) ở Cục thống kê trung ương Ôxtrâylia.

Chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu do Cơ quan thống kê trung ương Ôxtrâylia (ABS) tính và công bố từ năm 1901.

⁽¹⁾Theo Hướng dẫn tính chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu của Ôxtrâylia (ABS), version 2004

II.3. NỘI DUNG, TIÊU CHÍ CHUNG CỦA CHỈ SỐ GIÁ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU CỦA CANADA:

Chỉ số giá ngoại thương (xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá) là một chỉ tiêu biểu hiện thay đổi (biến động) giá cả xuất khẩu hoặc nhập khẩu. Chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu đo sự thay đổi giá cả bằng cách so sánh qua thời gian các giá cả bình quân gia quyền của một rổ hàng hoá cố định đã được chọn.

Chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu của Canada phục vụ tập trung cho chính phủ hoạch định chính sách thương mại, đồng thời vụ cho công tác thống kê tài khoản quốc gia (SNA), dự báo kinh tế (Ngân hàng, Tài chính, Công nghiệp, Khoa học và Kỹ thuật, .v.v.); giảm phát cho các bảng Vào - Ra (I.O) và giá trị tăng thêm của ngành công nghiệp. Đặc biệt, nó là công cụ chủ yếu để quyết định thuế hải quan hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu, và các loại quota xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá ra vào Canada.

II.4. NỘI DUNG, TIÊU CHÍ CHUNG CỦA CHỈ SỐ GIÁ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU CỦA NHẬT BẢN:

Chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu của Nhật Bản tính theo danh mục ngành hoạt động kinh tế Nhật Bản (JSIC) và danh mục hàng hoá chủ yếu của Nhật Bản.

Quyền số tính chỉ số là quyền số cố định, được xác định theo giá trị doanh thu (kim ngạch) hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu ở kỳ gốc cố định năm 2000 và biểu hiện bằng tỷ lệ phần ngàn.

II.5. NHỮNG NÉT KHÁC BIỆT GIỮA CÁC LOẠI CHỈ SỐ GIÁ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU NÊU TRÊN VÀ SO VỚI CHỈ SỐ GIÁ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU CỦA VIỆT NAM:

II.5.1. Những nét khác biệt giữa các loại chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu nêu trên

Liên hợp quốc là một tổ chức đa năng lớn nhất thế giới, trong đó có Vụ Thống kê kinh tế và là nơi kết hợp với các tổ chức khác như IMF, ILO, UNDP .v.v. chuyên nghiên cứu các phong pháp luận về thống kê kinh tế, trong đó nổi bật nhất là phương pháp thống kê Tài khoản quốc gia (SNA) và Thống kê giá cả. Nó không phải là một tổ chức tính toán các chỉ số giá. Do vậy chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu của Liên hợp quốc đưa ra là một bộ hệ thống phương pháp luận ở mức độ toàn diện và cao nhất trong thời kỳ hiện hành của thế giới. Vì vậy, chỉ số giá các nước cụ thể như Mỹ, Canada, Ôxtrâyli, Nhật đều nằm trong khuôn khổ trên và mỗi nước có thể thực hiện được một phần nguyên lý đó.

Chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu của Nhật Bản khác với chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu của Ôxtrâyli, Canada, Mỹ ở chỗ là giá đưa vào tính chỉ số giá xuất khẩu là giá FOB và nhập khẩu là giá CIF. Chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu của Canada khác với các nước khác và nguyên lý của Liên hợp quốc là không dùng giá cụ thể của mặt hàng được xác định rõ ràng về chất lượng lấy giá mà dùng giá trị đơn vị mặt hàng và chỉ số giá của các nhóm cơ sở của các nguồn khác từ thống kê trong và ngoài nước. Đồng thời sử dụng hai công thức và hai loại quyền số và so sánh ngắn hạn.

Phân tổ (cấu trúc chỉ số) của chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu hầu hết các nước ưu tiên theo danh mục sản phẩm chủ yếu của nước mình, của Nhật Bản không dùng danh mục NAICS.

Ngoài ra còn có nhiều điểm khác biệt khác như áp dụng các phân tổ của vùng, khu vực của mỗi nước.

II.5.2. Những nét khác biệt giữa các loại chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu nêu trên so với của Việt Nam:

II.5.2.1. Về giá cả để tính chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu:

(a) - *Đối với Việt Nam*, chỉ số giá xuất - nhập khẩu chỉ tính trên giá cả của hàng hoá xuất - nhập khẩu (đối với xuất khẩu thì tính theo giá FOB tại cảng Việt Nam; đối với nhập khẩu thì tính theo giá CIF đến cảng Việt Nam), chưa tính đến giá xuất khẩu (cộng cả cước vận tải, bảo hiểm), nhập khẩu (có thể trừ cước vận tải, bảo hiểm) hàng hoá, gọi là chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá.

Giá xuất khẩu dùng để tính chỉ số giá xuất khẩu hàng hoá là giá FOB (Free On Board), giá giao hàng trên boong tàu tại cảng Việt Nam hoặc tại biên giới Việt Nam.

Giá nhập khẩu dùng để tính chỉ số giá nhập khẩu hàng hoá là giá CIF (Cost, Insurance and Freight), giá giao hàng tại cảng Việt Nam hoặc tại biên giới Việt Nam.

Giá xuất khẩu, nhập khẩu được thu thập từ các nhà xuất khẩu, nhập khẩu và theo giá hợp đồng đã ký kết trong quý (không quan tâm đến hàng xuất sẽ lên tàu lúc nào và hàng nhập đã hoặc sẽ về cảng Việt Nam lúc nào)

Đồng tiền tính chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu của Việt Nam là đồng Đô la Mỹ (USD), và đang công bố, sử dụng chỉ số này theo đồng tiền đó. Tỷ giá tính đổi giá cả thanh toán theo đồng khác như Yên Nhật, Mác Đức,..., theo tỷ giá bán tại ngày lý hợp đồng ngoại theo ngân hàng ngoại thương Việt Nam công bố trong ngày do đơn vị báo cáo chuyển đổi. Những điểm trên khác với LHQ và các nước khác như sau.

(b) - *Đối với Liên hợp quốc*, giá cả xuất khẩu, nhập khẩu dùng để tính chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu thông thường là lấy giá tại biên giới quốc gia xuất khẩu, về cơ bản là dựa theo giá FOB (Free On Board) hoặc nếu là giá CIF (Cost, Insurance and Freight) của hải quan và ước tính cước vận tải và bảo hiểm để chuyển đổi và điều chỉnh về giá FOB tại nước xuất khẩu.

Nói chung, giá cả được thu thập trực tiếp từ những báo cáo liên quan tới các hợp đồng xuất khẩu, nhập khẩu của các nhà xuất - nhập khẩu qua -trong một thời kỳ xác định (tháng hoặc quý), và như vậy một danh sách các nhà xuất khẩu và nhập khẩu đại diện phải được xác định để điều tra giá trực tiếp từ đó.

Đồng tiền tính chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu thông thường là tiền quốc gia. Để có giá cả theo tiền quốc gia, nhiệm vụ nữa của báo cáo giá từ các nhà xuất khẩu, nhập khẩu là tính đổi giá cả sang tiền quốc gia từ tiền kinh doanh, thanh toán trong hợp đồng. Tỷ giá đó thường được lấy tỷ giá trung bình của giá mua và giá bán ngoại tệ đó tại thời điểm giao hàng (ký kết hợp đồng hoặc lúc xếp hàng lên tàu).

(c) - *Đối với Canada*, số liệu dùng để tính chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu cho cả nước và tính chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu cho nước Mỹ là giá trị đơn vị hàng hoá được thu thập từ hai nguồn: thứ nhất là số liệu từ hải quan Canada và thứ hai là các chỉ số giá cá thể (quan hệ giá cả) của các mặt hàng cụ thể trong các loại chỉ số giá sản xuất nhà sản xuất công nghiệp (IPPI) Canada, Chỉ số giá sản xuất (PPI) của Mỹ, Chỉ số giá bán buôn của Nhật, số liệu dầu thô và máy tính từ Thống kê Canada, số liệu về xe cộ từ thống kê ngoại thương Canada. Các loại chỉ số giá xuất khẩu và nhập khẩu của nước ngoài sử dụng cho chỉ số của Canada được tính trên giá FOB của nước đó.

Giá xuất khẩu, nhập khẩu ở đây không phải là giá của mặt hàng mang xác định đặc tính rõ ràng mà giá hay nói cách khác là giá trị đơn vị hàng hoá ở mức miêu tả HS chi tiết nhất và tính theo điều kiện FOB cho cả hai loại xuất và nhập khẩu. Cả hai nguồn trên đều tính theo giá FOB cho chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu của Canada.

Đồng tiền tính chỉ số là đồng Đô la Canada và tỷ giá tính chuyển là tỷ giá khi hàng bốc lên tàu tại nước xuất khẩu đối với hàng xuất và hàng nhập.

(d) - *Đối với Nhật Bản*, Chỉ số giá xuất khẩu tính theo giá FOB (Free On Board), là giá tính khi hàng xếp lên boong tàu tại cảng Nhật Bản. Chỉ số giá nhập khẩu tính theo giá CIF (Cost, Insurance and Freight), là giá tính tại nơi giao hàng tại cảng nước Nhật. Giá này chưa bao gồm thuế tiêu thụ của Nhật Bản.

Đồng tiền tính chỉ số là đồng Yên Nhật và tỷ giá tính chuyển là tỷ giá khi hàng bốc lên tàu tại nước xuất khẩu đối với hàng xuất và hàng nhập. Đồng thời tính theo đồng tiền thanh toán ghi trong các hợp đồng xuất khẩu, nhập khẩu (theo ngoại tệ khác).

(e) - *Đối với Ôxtrâyli*a, Giá cả tính chỉ số giá xuất khẩu điều tra thu thập trực tiếp từ các đơn vị xuất khẩu chủ yếu theo danh mục mặt hàng đã lựa chọn. Giá đó là giá của mặt hàng thực tế đã xuất khỏi nước Ôxtrâyli với điều kiện giá FOB (Free On Board) tại các cảng chính của nước Ôxtrâyli.

Giá tính chỉ số giá nhập khẩu là giá hàng nhập đã bốc lên tàu tại cảng nước bán và được thu thập từ những nhà nhập khẩu chủ yếu, tức là giá FOB (Free On Board) của nước sở tại (nước bán). Phí vận tải và bảo hiểm để chuyển

hàng từ cảng nước ngoài đến cảng nước Ôxtrâyliia không bao gồm trong trong giá cả nhập khẩu tính chỉ số cũng như thuế nhập khẩu của Ôxtrâyliia.

Nói chung, giá nhập khẩu của những mặt hàng đại diện thu thập theo tháng ở các nhà nhập khẩu. Nhưng cũng có một số trường hợp đặc biệt thu thập theo quý vì các nhà nhập khẩu muốn cung cấp giá theo hàng quý.

Giá cả tính chỉ số giá xuất - nhập khẩu là giá của những mặt hàng đại diện có phẩm chất, quy cách, cỡ mã, chủng loại tiêu chuẩn rõ ràng và không thay đổi. Hơn nữa để tránh ảnh hưởng của biến động thị trường vào biến động thuần túy của giá cả, giá của những mặt hàng đó cũng phải thu thập theo thị trường xuất khẩu chủ yếu riêng biệt. (và xem đó là yếu tố cấu thành chất lượng quy cách của mặt hàng lấy giá và không đổi qua thời gian - ND). Từ đó tính giá bình quân thị trường của mặt hàng đại diện lấy giá theo tỷ trọng (quyền số) cố định của các thị trường. Tỷ trọng giữa các thị trường cần xem xét lại qua thời gian và điều chỉnh khi cần thiết.

Đồng tiền tính chỉ số: Đồng tiền tính chỉ số giá xuất - nhập khẩu là tiền Đô la Ôxtrâyliia. Sự biến động của tỷ giá giữa đồng AU\$ với đồng tiền nước ngoài (đặc biệt là các đồng tiền mạnh như: Đô la Mỹ, Yên Nhật, Bảng Anh, DM Đức) có thể ảnh hưởng trực tiếp đáng kể vào biến động giá cả của một số hàng hoá thanh toán xuất - nhập khẩu bằng các đồng tiền đó. Tỷ giá đó bao gồm trong giá tính chỉ số. Những mặt hàng xuất - nhập khẩu theo những đồng tiền đó thì giá cả được chuyển đổi sang Đô la Ôxtrâyliia theo tỷ giá áp dụng cho thời điểm giao hàng.

II.5.2. 2. Về cấu trúc của chỉ số giá xuất nhập khẩu:

(a) - *Đối với Việt Nam*, phân loại hàng hoá của chỉ số giá xuất nhập hiện hành là phân tổ theo lập kế hoạch xuất khẩu, nhập khẩu của Nhà nước. Danh mục này không giống với danh mục hàng hoá nào của khu vực và thế giới. Ngoài ra, các danh mục VCPC, VSIC, SITC cũng được sử dụng để tính chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu song chưa được phổ biến. Danh mục HS và danh mục BPM5 chưa được sử dụng. Đây là điểm khác biệt lớn giữa chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam với các nước dưới đây.

(b) - *Đối với Liên hợp quốc*, phân loại hàng hoá của chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu phải được bắt đầu từ danh mục hàng hoá ngoại thương của quốc gia (tức là theo danh mục HS), và thông thường người ta phải kết hợp với các danh mục chỉ số giá nội địa. Hệ thống ngành kinh tế quốc dân quốc tế (ISIC) phải được ưu tiên trước hết để kết nối với danh mục gốc (HS) vì nó là danh mục chủ yếu của cuộc điều tra giá sản xuất và nó có thể được bổ sung bằng những phân loại khác cho các ngành kinh tế rộng hơn liên quan đến sử dụng cuối cùng hoặc từng giai đoạn của quá trình tái sản xuất xã hội. Phân loại hàng hoá thương mại quốc tế (SITC) cũng được sử dụng cho tính chỉ số và từ đó chuyển đổi cho danh mục phân loại hàng hoá chính (Broad Economic Category-BEC) liên quan tới SITC và ISIC. Chỉ số giá tính theo cấu trúc của danh mục sản phẩm trung tâm (CPC) cho tất cả hàng hoá và dịch vụ được xuất khẩu, nhập khẩu. Ngoài ra phân loại hàng hoá dịch vụ Liên hiệp châu (CPA) và phân loại mở rộng cán cân thanh toán quốc tế (BPM5) cũng được ưu tiên sử dụng để tính và công bố chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu. Đối với chỉ số vùng hoặc khu vực có thể được thể hiện trong khi thiết kế mẫu điều tra trên cơ sở mục đích của nó. Từ đó cấu trúc và quyền số chỉ số sẽ được hình thành.

(c) - *Đối với Canada*, danh mục đầu tiên được Canada áp dụng để tính chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu là Danh mục hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu quốc tế HS. Danh mục này là cơ sở cho thống kê ngoại thương của Canada. Chỉ số còn được tính và công bố theo danh mục phân ngành hoạt động kinh tế Bắc Mỹ (NAICS), Hệ thống ngành hoạt động kinh tế quốc tế (ISIC) và danh mục hàng hoá chủ yếu của Canada (Standard Classification of Goods-SCG)

(d) - *Đối với Nhật*, Chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu của Nhật tính theo danh mục Hệ thống ngành hoạt động kinh tế Nhật Bản (JSIC) và danh mục hàng hoá chủ yếu của Nhật.

(e) - *Đối với Ôxtrâyliá:*

+ Chỉ số giá xuất khẩu phân tổ theo các loại:

- Theo danh mục “Hàng hoá xuất - nhập khẩu” của Ôxtrâyliá (AHECC), nhóm mã 2 số, mã 4 số, biên soạn và công bố năm 1988, và một số bổ sung vào tháng 7 năm 1990;

- Theo phân loại hàng hoá “Hệ thống thương mại quốc tế” (SITC), nhóm mã 1 số và mã 2 số;
 - Theo “Phân ngành hoạt động kinh tế” của Ôxtrâylia (ASIC), ban hành năm 1993.
 - Theo “Phân ngành hoạt động kinh tế tiêu chuẩn Ôxtrâylia - Niu Di lân (ANZSIC)”.
- + Chỉ số giá nhập khẩu phân tổ theo các loại:
- Hệ thống phân loại hàng hoá cơ bản dùng cho tính chỉ số giá nhập khẩu là "Danh mục hàng hoá nhập khẩu Ôxtrâylia (AICC).
 - Theo thông lệ thống kê quốc tế, chỉ số giá nhập khẩu còn được tính theo phân ngành hàng hoá HS.

Chỉ số giá nhập khẩu cũng còn được tính theo “Phân ngành hoạt động kinh tế tiêu chuẩn Ôxtrâylia - Niu Di lân (ANZSIC) ” ban hành 1993; tính theo "Phân ngành hoạt động kinh tế" của Ôxtrâylia (ASIC) ban hành 1993 và theo "Phân ngành kinh tế của Liên hợp quốc (BEC) " ban hành năm 1986.

II.5.2. 3. Về phương pháp tính:

(a) - *Đối với Việt Nam*

- Lựa chọn công thức tính chỉ số:

Chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam hiện nay tính theo phương pháp so sánh ngắn hạn, tức là lấy giá kỳ báo cáo so với giá kỳ trước và công thức Laspeyres chuyển đổi để tính chỉ số giá kỳ báo cáo so với kỳ gốc cố định. Cách tính này đã lựa chọn một trong các công thức tính chỉ số do Thống kê Liên Hợp quốc đưa ra. Đó là:

$$I_{p,t/0} = \sum_{i=1}^n r_{i,t/t-1} * w_{t-1}^{i0}$$

Trong đó, w_{t-1}^{i0} là quyền số cố định năm 2005 của mặt hàng lấy giá i được điều chỉnh theo kỳ gốc trước $t - 1$.

$$= \sum_{i=1}^n \frac{P_{i,t}}{P_{i,t-1}} * \frac{P_{i,t-1}}{P_{i,0}} * W^{i,0}_{t-1}$$

Chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam tính chung cho cả nước, chưa tính cho từng thị trường chủ yếu như các nước khác thường làm. Đây là điểm khác biệt và thể hiện sau đây.

- Vấn đề quyền số:

Quyền số của chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam là quyền số cố định. Quyền số hiện hành (2001-2005) là tỷ trọng về kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu năm 1998 - 1999 được điều chỉnh lại theo giá năm 2000 và gọi là quyền số cố định năm 2000. Quyền số này tương ứng với giá gốc năm 2000.

Vì vậy về thực chất quyền số giá xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam khác với nguyên lý chung của LHQ và các nước khác là không lấy được giá trị trọng của năm làm gốc hoặc bình quân hai năm có năm làm gốc. Nó còn khác với các nước khác là quyền số mặt hàng còn được điều chỉnh theo năm trước năm báo cáo hoặc là quyền số kỳ báo cáo như Canada hoặc Ôxtrâyliia. Sự khác biệt này được thể hiện cụ thể dưới đây.

(b) - Đối với Liên hợp quốc:

- Lựa chọn công thức tính chỉ số:

Công thức tính chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu hầu hết được sử dụng là công thức Laspeyres gia quyền với quyền số kỳ gốc, công thức Paasche gia quyền với quyền số kỳ hiện hành (báo cáo) và công thức Fisher (là công thức hài hoà giữa công thức Laspeyres với công thức Paasche). Các công thức đó được biểu hiện dưới đây:

+ Công thức chỉ số giá Laspeyres:

$$I_p^L = \frac{\sum_{i=1}^n P_{i,1} q_{i,0}}{\sum_{i=1}^n P_{i,0} q_{i,0}} = \frac{\sum_{i=1}^n P_{i,0} q_{i,0} (P_{i,1} / P_{i,0})}{\sum_{i=1}^n P_{i,0} q_{i,0}}$$

+ Công thức chỉ số giá Paasche:

$$I_p^P = \frac{\sum_{i=1}^n p_{i,1} q_{i,1}}{\sum_{i=1}^n p_{i,0} q_{i,1}} = \frac{\sum_{i=1}^n p_{i,1} q_{i,1}}{\sum_{i=1}^n p_{i,1} q_{i,1} (p_{i,0} / p_{i,1})}$$

+ Công thức chỉ số giá Fisher:

$$I_p^F = \sqrt[2]{I_p^P * I_p^L} = \sqrt[2]{\frac{\sum_{i=1}^n p_{i,1} q_{i,0}}{\sum_{i=1}^n p_{i,0} q_{i,0}} * \frac{\sum_{i=1}^n p_{i,1} q_{i,1}}{\sum_{i=1}^n p_{i,0} q_{i,1}}}$$

- Vấn đề quyền số:

Quyền số của chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá và dịch vụ thông thường theo cấu trúc của chỉ số và luôn luôn được rút ra từ các cơ sở dữ liệu của hải quan trên cơ sở loại trừ các loại hàng hoá và dịch vụ không thuộc phạm vi tính chỉ số. Quyền số đó được xác định theo mặt hàng, theo nước xuất - nhập và theo giá trị của ít nhất 1 năm để làm quyền số cố định. Quyền số có thể là quyền số kỳ gốc biến động, quyền số kỳ gốc cố định và quyền số kỳ báo cáo tùy thuộc vào sử dụng công thức tính chỉ số để thiết kế quyền số.

(c) - Đối với Ôxtrâyliia:

+ Phương pháp tính:

Hiện nay chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu của Ôxtrâyliia được tính theo phương pháp so sánh ngắn hạn và công thức Laspayres chuyển đổi và được cập nhật lại quyền số và mặt hàng đại diện chu kỳ 5 năm - 10 năm một lần.

+ Quyền số:

Chỉ số xuất khẩu, nhập khẩu từ tháng 9 quý 3 năm 2006 được tính trên cơ sở mặt hàng lựa chọn của năm 2005-2006 cho nhập khẩu và của 2004-2005 và 2005-2006 cho xuất khẩu. Quyền số thay đổi vào tháng 9 năm 2006 trên cơ sở giá trị nhập khẩu bình quân năm 2004-2005 và của xuất khẩu trong các năm 2004-2006.

Quyền số được tính cho từ mặt hàng đại diện lấy giá đến các nhóm cấu thành của chỉ số. Trong một số trường hợp, quyền số cố định cũng được điều

chỉnh để phản ánh kịp thời các thông tin hiện hành hơn. Giá trị các mặt hàng đại diện tính chỉ số chiếm khoảng 95% tổng kim ngạch xuất khẩu của những năm chọn rổ hàng hoá đại diện. Trong đó một số mặt hàng không những mang quyền số với ý nghĩa là của bản thân nó mà còn mang ý nghĩa của những mặt hàng cùng loại không lấy giá mà giá đó được xem như là của cùng loại tương tự.

(d) - *Đối với Nhật Bản:*

+ Phương pháp tính:

Chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu Nhật tính theo công thức Laspeyres chuẩn. Chỉ số được tính cho cả nước (tính cho tất cả các thị trường), cho xuất tới và nhập từ nước Mỹ và cho các nước khác.

Chỉ số giá tính cho hàng tháng, quý và năm. Gốc cơ bản của chỉ số hiện hành là gốc năm 2000 (so với giá bình quân năm 2000).

Chỉ số được công bố hàng tháng theo các nhóm chính của danh mục sản phẩm chủ yếu của Nhật.

+ Quyền số:

Quyền số tính chỉ số là quyền số cố định, được xác định theo giá trị doanh thu (kim ngạch) hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu ở kỳ gốc cố định năm 2000 và biểu hiện bằng tỷ lệ phần ngàn.

(d) - *Đối với Canada:*

+ Phương pháp:

Chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu Canada được tính trên cơ sở hai loại công thức: theo công thức Laspeyres với quyền số cố định gốc cơ bản và công thức Paasche với quyền số hiện hành. Quyền số được xác định theo giá trị doanh thu (kim ngạch) hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu ở kỳ gốc cố định và số liệu đó ở tháng hiện hành (báo cáo). Với phương pháp này chỉ số giá phản ánh biến động thực của giá cả bằng Laspeyres và phản ánh biến động thực về khối

lượng xuất khẩu, nhập khẩu bằng Paasche, phục vụ tốt hơn cho phân tích kinh tế và giảm phát trong SNA.

Chỉ số được tính cho cả nước (tính cho tất cả các thị trường), cho xuất tới và nhập từ nước Mỹ và cho các nước khác. Chỉ số giá tính cho hàng tháng, quý và năm.

+ Quyên số:

Quyên số được xác định theo giá trị doanh thu (kim ngạch) hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu ở kỳ gốc cố định năm 1997 và số liệu đó hàng tháng của năm hiện hành (báo cáo).

II.5.2. 4. Về xử lý các bất thường trong quá trình tính chỉ số:

(a) - *Đối với Việt Nam:*

- Các bất thường về các mặt hàng đại diện không xuất hiện trong kỳ điều tra như thiếu giá do mặt hàng thời vụ, thay đổi giá do thay đổi chất lượng, thiếu giá do mặt hàng không được xuất khẩu hoặc nhập khẩu trong kỳ điều tra được xử lý theo phương pháp chung của thế giới hiện hành bằng phương pháp tính đổi giá theo xu hướng của mặt hàng cùng loại. Tuy nhiên thiếu giá do không được xuất khẩu, nhập khẩu trong kỳ báo cáo giải quyết khác với các nước là các nước dùng xu hướng giá thế giới để chuyển đổi giá kỳ trước cho kỳ báo cáo. Giá của máy móc thiết bị, các nước có phương pháp tính riêng như Canada, Nhật, Ôxtrâylia, hoặc dùng phương pháp hệ số biến động tiêu chuẩn kỹ thuật để quy đổi giá cả... Đây là những vấn đề phức tạp và xử lý rất công phu tốn kém và đòi hỏi sự hợp tác chặt chẽ của các nhà xuất khẩu, nhập khẩu với điều tra viên để cùng xử lý vấn đề này. Điểm khác biệt lớn nhất của Việt Nam hiện nay so với các nước là không có hợp tác giữa Thống kê (điều tra viên) với các nhà xuất khẩu, nhập khẩu chọn mẫu.

- Những số liệu chưa rõ hoặc còn thiếu trong kỳ báo cáo không được bổ sung và công bố lại theo số liệu của các tháng sau. Chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam chỉ công bố một lần và coi như chính thức, không công bố lại hoặc điều chỉnh lại khi có báo cáo của các đơn vị điều tra về muộn.

Các điểm khác biệt này được nêu cụ thể qua các nước như sau.

(b) - *Đối với Liên hợp quốc:*

Vấn đề mặt hàng thay đổi chất lượng:

Khi mà một mặt hàng đã được xác định các tiêu chí như là chất lượng hàng hoá để thu thập giá cả theo các tiêu chí đó bị thay đổi một trong các tiêu chí đều cho là chất lượng mặt hàng thay đổi, và như vậy phải điều chỉnh bằng cách nào đó để giá cả có cùng chất lượng không đổi giữa hai thời kỳ so sánh. Điều này đã được đưa ra một số giải pháp để mỗi nước có thể ứng dụng khác nhau. Ví dụ, biện pháp thay thế mặt hàng, biện pháp tính chuyển chất lượng, biện pháp lấy lại giá theo xu hướng nhóm mẹ, theo xu hướng mặt hàng có chất lượng tương đương, biện pháp chuyên gia marketing hàng hoá, chuyên gia thương phẩm, .v.v.

- Vấn đề mặt hàng độc nhất:

Mặt hàng xuất khẩu, nhập khẩu độc nhất là mặt hàng mà không có chất lượng nào tương đương hoặc mặt hàng nào giống nó hoặc thay thế nó về công dụng. Trong những trường hợp này cần phải hợp tác với các nhà xuất khẩu, nhập khẩu để cùng giải quyết.

- Vấn đề mặt hàng vắng mặt do thời vụ và mặt hàng không xuất hiện liên tục khác:

Cũng như mặt hàng độc nhất, những mặt hàng loại này thường có mặt một thời gian và lại biến mất trong một thời gian và xuất hiện trở lại với nguyên hình chất lượng của nó, như thực phẩm và rau quả tươi, và hàng may mặc, trong chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu quả tươi, rau tươi thường bị vắng mặt nên khắc phục nó bằng cách lấy rau quả ướp lạnh là chủ yếu để tính cho giá tươi khi vắng mặt. May mặc luôn luôn thay đổi về nguyên liệu của từng bộ phận cấu thành nó, nên có thể dùng chỉ số giá bộ phận đồng chất để ước tính hoặc giá tính đổi.

- Vấn đề tính giá xuất khẩu, nhập khẩu của một hàng hoá của công ty xuyên quốc gia:

Đây là về vấn đề giá cả của các công ty đa quốc gia, ví dụ các công ty con trong công ty mẹ đóng tại nhiều nước khác nhau, một mặt hàng của công ty con này xuất khẩu cho một công ty con ở nước khác là giá cả của công ty con

ở nước khác nhập khẩu của công ty con này, vì vậy cần phải xác định giá cả xuất khẩu và giá cả nhập khẩu mặt hàng đó của công ty mẹ ra sao.

(c) - Đối với Nhật Bản:

Vấn đề này được xử lý theo nguyên lý của Liên hợp quốc.

Những số liệu chưa rõ hoặc còn thiếu trong kỳ báo cáo sẽ được bổ sung và công bố lại theo số liệu của các tháng sau.

(d) - Đối với Canada:

Những trường hợp số liệu cơ sở giá xuất khẩu, nhập khẩu về muôn, hoặc những số liệu chưa chính xác được phát hiện sau này, sẽ được điều chỉnh cho mỗi tháng của năm hiện hành.

Những loại hàng thời vụ thường xảy ra nhiều trong các tháng và được điều chỉnh theo phương pháp gỡ bỏ biến động do hàng thời vụ.

(e) - Đối với Ôxtrâyliã:

+ Giá của những mặt hàng đặc biệt:

- Lông mịn: Hầu hết lông mịn sản xuất ở Ôxtrâyliã đều bán qua thị trường đấu giá và phần lớn số lượng đó lại đem xuất khẩu. Vì vậy, giá bán đấu giá cũng được xem như giá xuất khẩu và đem vào tính chỉ số giá xuất khẩu, mà tiêu biểu là giá thị trường len. Để khắc phục sự chậm trễ xảy ra giữa bán đấu giá và xếp hàng lên tàu tại cảng nước Ôxtrâyliã, giá này thu thập trong khoảng thời giá 6 tuần để tính chỉ số giá tháng.

+ Những mặt hàng đã xếp lên tàu không rõ giá cả:

Khi mà những mặt hàng đã xếp lên tàu chưa biết giá thì tạm thời lấy giá những mặt hàng tương đương lúc đó để tính chỉ số. Sau đó biết được giá cả rõ ràng thì điều chỉnh trên cơ sở giá FOB và đồng tiền Đô la Ôxtrâyliã. Điều này có thể dẫn tới việc xem xét lại chỉ số đã công bố và công bố lại.

+ Những mặt hàng thời vụ:

Một số mặt hàng nông nghiệp xuất khẩu chỉ có mặt trong một thời gian nào đó trong năm. Trường hợp này chấp nhận phải giữ lại giá lần cuối cùng

cho những mặt hàng đó suốt trong thời gian nó vắng mặt cho đến khi nó xuất hiện trở lại (dùng phương pháp giá chờ).

+ Những mặt hàng đại diện tính chỉ số giá xuất - nhập khẩu không xuất hiện trong thời kỳ tính chỉ số:

Trong thực tế một khối lượng lớn các mặt hàng xuất - nhập khẩu thuộc rổ hàng hoá tính chỉ số giá xuất - nhập khẩu không xuất hiện trong khoảng thời gian liên tục, *đặc biệt là hàng xuất theo thị trường*. Như vậy là phải ước tính giá cả cho những mặt hàng đó trong tháng tính chỉ số mặc dầu nó không phát sinh xuất - nhập khẩu. Cách ước tính như sau:

- Lấy theo sự biến động giá cả hàng hoá thế giới (như giá của các hiệp hội xuất - nhập khẩu: Hiệp hội kim loại Luân đôn; .v.v.),

- Lấy theo sự biến động giá cả của những mặt hàng tương tự phát sinh tại nhà xuất - nhập khẩu đó hoặc có phát sinh ở nhà xuất - nhập khẩu khác,

- Lấy theo giá xuất hiện lần gần nhất và được điều chỉnh lại cho tháng hiện hành theo biến động của tỷ giá tháng hiện hành.

NHÂN XÉT:

Nói chung, hiện nay chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam đã phản ánh được xu hướng và mức độ biến động của giá cả xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá. Người sử dụng cũng đã thoả mãn được phần nào về nhu cầu sử dụng của họ. Song còn một số khiếm khuyết mà chính đó lại là **điểm khác biệt với chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu các nước, như: chưa tính theo tháng, chưa tính theo quyền số kì gốc biến động, chưa tính theo nước xuất, nhập chủ yếu, chưa xử lý triệt để khối hàng hoá lâu bền có kỹ thuật cao (máy, thiết bị, điện tử, viễn thông...), chưa tính và công bố chỉ số theo đồng tiền Việt Nam và chưa tính được cho giá xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng (chủng loại mặt hàng) xuất khẩu, nhập khẩu có tính thời sự cao phục vụ điều hành, quản lí Nhà nước về Thương mại cũng như phục vụ trực tiếp, thời sự và nhanh chóng hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp; chưa tính được cho giá xuất khẩu, nhập khẩu dịch vụ như cước vận tải viễn dương, cước máy bay ngoài nước .v.v.**

Hoàn thiện chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam theo tiêu chuẩn của Liên hợp quốc và hoà nhập quốc tế là cần thiết, nhưng không phải là một vấn đề đơn giản. Trong chừng mực đề tài này, chúng tôi muốn đề xuất làm sao để chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam khắc phục từng bước và hoàn thiện nó nhanh nhất đáp ứng nhu cầu của thời đại kinh tế toàn cầu hiện nay.

II.6. MỘT SỐ LUẬN ĐIỂM CƠ BẢN HÌNH THÀNH CHỈ SỐ GIÁ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU CÓ TÍNH THƯƠNG MAI CAO TRONG GIAI ĐOẠN MỚI HIỆN NAY

II.6.1. Quan điểm chung về xây dựng chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu:

Chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu là hệ thống các số liệu thống kê kinh tế quan trọng, liên quan trực tiếp cụ thể tới nhiều lĩnh vực hoạt động kinh tế; trong giai đoạn đẩy mạnh phát triển xuất khẩu và hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay cần được xây dựng, đáp ứng các yêu cầu cơ bản sau:

- Về đối tượng phục vụ: cần mở rộng hơn, bên cạnh các đối tượng là các cơ quan quản lý vĩ mô thì cần phải phục thêm cho các đối tượng khác. Các đối tượng cần được phục vụ sẽ là:

+ Điều hành, quản lý vĩ mô kinh tế của Nhà nước.

+ Điều hành, quản lý nhà nước về Công nghiệp, Thương mại, đầu tư; về điều hành, quản lý và định hướng giá cả; phân tích kinh tế và chính sách thị trường, mặt hàng.

+ Các thành phần kinh tế; đặc biệt là kinh tế tư nhân trong thời kì hội nhập kinh tế quốc tế, đẩy mạnh cổ phần hoá phục vụ đầu tư, phát triển sản xuất kinh doanh tầm vi mô của các doanh nghiệp.

+ Phục vụ kinh doanh, đầu tư, phát triển các lĩnh vực kinh tế khác như ngân hàng, tài chính, công nghiệp, khoa học và công nghệ, nông nghiệp, năng lượng...

+ Dự báo kinh tế, chính sách thuế hải quan và quota hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu.

- Về hiệu quả, phạm vi, tần suất phục vụ: cần tăng cường khả năng phục vụ trực tiếp, cụ thể ở mức tối đa cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế; đặc biệt thành phần kinh tế ngoài quốc doanh, phù hợp với chủ trương đẩy mạnh cổ phần hoá các doanh nghiệp quốc doanh và đa dạng hóa các thành phần kinh tế của Nhà nước ta hiện nay, cần nâng tần suất phục vụ cao hơn so với hiện nay.

- Về cấu trúc chỉ số giá, phương pháp tính và quyền số chỉ số giá:
trên cơ sở chỉ số giá hiện có của TCTK cần:

+ Thực hiện phân tổ theo HS, cải tiến, điều chỉnh phân tổ mới theo sát với yêu cầu của tình hình thực tế; tập trung vào phân tổ theo hướng ưu tiên cho phát triển xuất khẩu các mặt hàng chủ lực, các mặt hàng có khả năng tăng trưởng kim ngạch cao, các mặt hàng có giá hay biến động, các mặt hàng cần khuyến khích, có lợi thế so sánh và bền vững; các mặt hàng nhập khẩu là nguyên, nhiên liệu cơ bản cho sản xuất và các mặt hàng có tác động lớn thị trường nội địa của Việt Nam.

+ Giám sát và điều chỉnh quyền số theo biến động nhanh của giá trị kim ngạch mặt hàng theo thay đổi, điều chỉnh của mặt hàng trên thị trường và dựa theo CSDL ngành Hải quan.

+ Linh hoạt và tăng tính thương mại, tính thực tiễn khi xử lý các bất thường trong tính chỉ số giá.

II.6.2. Cơ sở hình thành chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu:

Cơ sở hình thành chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu dựa trên 3 luận điểm cơ bản:

Một là, nhu cầu, đòi hỏi cấp thiết của thực tế hiện nay và trong giai đoạn tới;

Hai là, đã có đủ các điều kiện đảm bảo (khoa học kỹ thuật, công nghệ; nền tảng cơ sở vật chất, kỹ thuật, mặt bằng ứng dụng, phát triển CNTT và nguồn thông tin về giá xuất khẩu, nhập khẩu ở Việt Nam);

Ba là, hiệu quả kinh tế, thương mại.

A. Nhu cầu, đòi hỏi cấp thiết của thực tế hiện nay và trong giai đoạn mới.

Dưới góc độ như là 1 nhu cầu về thông tin, quyền được cung cấp thông tin đầy đủ thì việc được cung cấp thông tin là chính đáng và trong xu thế mới cần được thoả mãn để phục vụ sự phát triển của xã hội nói chung và hoạt động Thương mại nói riêng.

Dưới góc độ thông tin chỉ số giá như là một trong những yếu tố đầu vào, chuyên ngành, riêng biệt đối với từng lĩnh vực kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu cụ thể thì việc cung cấp chỉ số giá cụ thể, nhanh chóng cần được coi là một trong những yếu tố thương mại cần thiết để phát triển thương mại

Căn cứ vào thực trạng về chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu của TCTK hiện nay; tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu những năm vừa qua và triển vọng trong những năm tới; sự thay đổi nhanh chóng các dạng sản phẩm hàng hóa với giá cả rất khác nhau có phù hợp hay không phù hợp với thị hiếu tiêu dùng; đóng góp quan trọng của tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu vào tăng trưởng GDP của cả nước thì việc tập trung vào xây dựng chỉ số giá phù hợp, thoả mãn nhu cầu của doanh nghiệp cần được coi là cần thiết để đón bắt và đáp ứng các nhu cầu thông tin kinh tế trong giai đoạn mới.

Dưới góc độ kinh doanh trong bối cảnh thị trường thế giới hiện đại, phức tạp và đầy biến động hiện nay; trong bối cảnh Việt Nam hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu và rộng, bên cạnh việc quan tâm phát triển các lĩnh vực khác thì để phát triển thương mại, đặc biệt là phát triển xuất khẩu, nhập khẩu càng cần được ưu tiên đáp ứng và phát triển những yếu tố điều kiện cho các doanh nghiệp kinh doanh coi đó như là phân trách nhiệm của Nhà nước để phát triển xuất khẩu, nhập khẩu.

B. Điều kiện đảm bảo:

Về khoa học, kỹ thuật hiện nay ở Việt Nam đã có những bước phát triển mới. Các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh (gọi tắt là kinh doanh) hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu đã trang bị những kiến thức, cơ sở vật chất khoa học kỹ thuật và đã áp dụng trong kinh doanh từ nhiều năm nay; hiện đang nhanh chóng nâng cao các hiểu biết, cập nhật, ứng dụng thông tin, công nghệ mới đặc biệt sau khi Việt Nam trở thành thành viên chính thức của WTO.

Về nền tảng cơ sở vật chất, kỹ thuật, mặt bằng ứng dụng, phát triển CNTT ở Việt Nam hiện nay đã ngang tầm khu vực ASEAN. Các doanh nghiệp nói chung và đặc biệt các doanh nghiệp kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu nói riêng đều có nền tảng cơ sở vật chất, kỹ thuật, mặt bằng ứng dụng, phát triển CNTT ở mức độ tốt. Điều này cho phép các doanh nghiệp thực hiện được các công việc thống kê, báo cáo, xử lý thông tin nhanh chóng, chính xác. Từ năm 2003, việc phát triển mạnh mẽ của các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ ADSL đã cải thiện rất tốt việc truyền thông tin, dữ liệu.

Về nguồn thông tin giá xuất khẩu, nhập khẩu ở Việt Nam: từ năm 1996 Tổng cục Hải quan Việt Nam đã bắt đầu mở rộng ứng dụng công nghệ tin học. triển khai thực hiện cập nhật các thông tin trên tờ khai hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu ngay từ cửa khẩu và truyền về Trung tâm tin học và thống kê Hải quan (nay là cục Công nghệ Thông tin và Thống kê hải quan) tại Hà Nội để xử lý. Đây là bước tiến cực kỳ quan trọng, giúp cho công tác thống kê hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu nói riêng và nguồn thông tin kinh tế thương mại nói chung có được đầy đủ, nhanh chóng các số liệu thống kê qua thực tế hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu. Nguồn thông tin về giá cả hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu hiện nay đã có được về cơ bản là đầy đủ, chính xác và nhanh chóng tại Tổng cục Hải quan. Tuy nhiên, để đảm bảo mức độ chính xác cao cần có các biện pháp thu thập thông tin kiểm chứng ngẫu nhiên, theo xác suất từ các doanh nghiệp.

Đặc biệt, hiện nay Tổng cục Hải quan đang gấp rút triển khai nhân rộng công tác kê khai hải quan điện tử, đến tận các doanh nghiệp, ngay từ các doanh nghiệp kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu và hoàn thiện công nghệ thống kê điện tử trên diện rộng. Trên cơ sở đó sẽ hoàn thiện dần nguồn thông tin về hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu của Việt Nam.

C. Chỉ số giá cả trong Hệ thống chỉ số phân tích kinh tế thương mại

Việc nghiên cứu một nhân tố nào đó trong một khâu của quá trình kinh tế thương mại, nhất là trong khâu lưu thông phân phối như: mua, bán, xuất khẩu và nhập khẩu... luôn phải đặt trong sự tác động qua lại giữa các nhân tố. Đối với lĩnh vực hoạt động kinh doanh xuất khẩu, tổng doanh thu xuất khẩu hàng hoá chịu tác động trực tiếp bởi hai nhân tố chính là giá cả và lượng hàng hoá xuất khẩu. Trong trường hợp giá cả hay khối lượng xuất

khẩu đều tăng thì doanh thu xuất khẩu sẽ tăng lên, nếu cả hai cùng tăng hay cùng giảm thì doanh thu sẽ tăng hay giảm theo. Tuy nhiên, trong thực tế có khi giá cả tăng nhưng lượng xuất khẩu lại bị giảm do bị mất mùa, ngược lại khi được mùa thì giá cả lại giảm .v.v. Do vậy, khi vận dụng các chỉ số thống kê để phân tích mối liên hệ giữa hai nhân tố giá cả và khối lượng trong tổng doanh thu xuất khẩu thì sẽ có ít nhất là hai chỉ số hợp hình thành nên một hệ thống chỉ số, vậy:

Hệ thống chỉ số là một dãy các chỉ số có liên hệ mật thiết với nhau hợp thành một phương trình cân bằng.

Hệ thống chỉ số có cấu tạo gồm: một chỉ số toàn bộ và các chỉ số nhân tố. Cụ thể:

+ *Chỉ số toàn bộ* phản ánh sự biến động của tất cả các nhân tố cấu thành. Ví dụ: chỉ số mức lưu chuyển xuất khẩu, chỉ số mức lưu chuyển nhập khẩu, chỉ số tổng mức lưu chuyển hàng hoá bán lẻ và doanh thu dịch vụ,...

+ *Chỉ số nhân tố* phản ánh sự biến động của từng nhân tố cấu thành đến tổng thể chung. Ví dụ: chỉ số năng suất lao động và chỉ số qui mô lao động là chỉ số nhân tố của chỉ số sản lượng sản phẩm hay chỉ số giá cả xuất khẩu và chỉ số khối lượng xuất khẩu là chỉ số nhân tố của chỉ số tổng mức lưu chuyển xuất khẩu,...

Có hai phương pháp xây dựng hệ thống chỉ số, đó là phương pháp liên hoàn và phương pháp biểu hiện ảnh hưởng biến động riêng biệt.

Trong đó, phương pháp xây dựng hệ thống chỉ số thường được sử dụng nhiều là *phương pháp liên hoàn*. Phương pháp này dựa trên cơ sở lý luận là các nhân tố cấu thành một hiện tượng phức tạp đều cùng biến động. Do đó, để nghiên cứu ảnh hưởng của từng nhân tố thì phải giả định các nhân tố lần lượt biến động. Thứ tự phân tích các nhân tố trong hệ thống chỉ số được xác định chủ yếu thông qua việc phân biệt các nhân tố mang đặc tính chất lượng hay đặc tính số lượng. Đối với chỉ số nhân tố chất lượng thường sử dụng quyền số là nhân tố số lượng kỳ nghiên cứu. Đối với chỉ số nhân tố số lượng thường sử dụng quyền số là nhân tố chất lượng ở kỳ gốc.

Trong hệ thống chỉ số, chỉ số toàn bộ bằng tích của các chỉ số nhân tố, đồng thời mẫu số của chỉ số nhân tố đứng trước giống tử số của chỉ số nhân tố tiếp theo và cứ thế hình thành dãy các chỉ số liên tục cho đến chỉ số cuối cùng. Do đặc điểm đó mà có tên gọi là phương pháp “liên hoàn”.

Công thức tính hệ thống chỉ số như sau:

$$\frac{\sum p_1 q_1}{\sum p_0 q_0} = \frac{\sum p_1 q_1}{\sum p_0 q_1} \times \frac{\sum p_0 q_1}{\sum p_0 q_0} \quad (12)$$

Chênh lệch tuyệt đối giữa tử số và mẫu số của chỉ số toàn bộ bằng tổng các chênh lệch tuyệt đối giữa tử số và mẫu số của các chỉ số nhân tố:

$$\sum p_1 q_1 - \sum p_0 q_0 = (\sum p_1 q_1 - \sum p_0 q_1) + (\sum p_0 q_1 - \sum p_0 q_0)$$

Ví dụ: qua các số liệu của một doanh nghiệp xuất khẩu sau đây, ta có thể phân tích ảnh hưởng của biến động giá và khối lượng xuất khẩu đối với tổng doanh thu xuất khẩu 6 tháng đầu năm 2005 so với 6 tháng đầu năm 2004 như sau:

Mặt hàng	Xk tháng 6-2004		Xk tháng 6-2005		Doanh thu xk T6-2004 (P ₀ q ₀)	DT xk theo giá -04 (P ₀ q ₁)	Doanh thu xk T6-2005 (p ₁ q ₁)
	giá (USD) (P ₀)	số lượng (q ₀)	giá (USD) (p ₁)	số lượng (q ₁)			
Mặt hàng A (tân)	93	125	89	162	11.625	15.066	14.418
Mặt hàng B (bộ)	127	84	124	108	10.668	13.716	13.392
Mặt hàng C (chiếc)	218	63	210	72	13.734	15.696	15.120
Mặt hàng D (tá)	388	41	295	47	15.908	18.236	13.865
Mặt hàng E (sf)	524	27	447	36	14.148	18.864	16.092
Cộng					66.083	81.578	72.887

Từ bảng dữ liệu ban đầu, áp dụng công thức (12) và sau khi tính toán thêm số liệu (3 cột cuối bảng), ta có:

$$\frac{72.887}{66.083} = \frac{72.887}{81.578} \times \frac{81.578}{66.083}$$

$$1,1029 = 0,8935 \times 1,2344$$

$$\text{hay } (110,29) = (89,35) \times (123,44)$$

Biến động tuyệt đối:

$$72.887 - 66.083 = (72.887 - 81.578) + (81.578 - 66.083)$$

$$6.804 = (- 8.691) + 15.495$$

Kết quả trên cho thấy, trị giá hàng hoá xuất khẩu của doanh nghiệp 6 tháng đầu năm 2005 bằng 110,29%, hay tăng 10,29% so với cùng kỳ năm 2004, tương ứng với 6.804 USD do hai nhân tố:

Do giá xuất khẩu của các mặt hàng giảm 10,65%, tương ứng với mức giảm 8.691 USD.

Do khối lượng xuất khẩu của các mặt hàng tăng 23,44%, tương ứng với mức tăng 15.495 USD.

Như vậy, do tác động giảm và tăng (ngược chiều nhau) của giá cả và khối lượng hàng hoá xuất khẩu 6 tháng đầu năm 2005 so với 6 tháng năm 2004 đã tác động tổng hợp làm tăng doanh thu xuất khẩu của doanh nghiệp này lên 6.804 USD.

Ngoài phương pháp đã trình bày trên đây, còn có phương pháp thứ hai, phương pháp biểu hiện ảnh hưởng biến động riêng biệt.

Phương pháp biểu hiện ảnh hưởng biến động riêng biệt là phương pháp dựa trên quan điểm cho rằng: tất cả các nhân tố cấu thành nên hiện tượng nghiên cứu đều có vai trò giống nhau và cùng biến động. Bởi vậy, tất cả các chỉ số nhân tố đều được xây dựng theo cùng một nguyên tắc là cùng lấy thời kỳ quyền số ở kỳ gốc.

Ví dụ, khi phân tích biến động tổng doanh thu xuất khẩu, chỉ số giá được sử dụng là chỉ số Laspeyres, với quyền số là lượng tiêu thụ kỳ gốc. Do tất cả quyền số ở kỳ gốc, nên tích của các chỉ số nhân tố không bằng chỉ số toàn bộ. Để đảm bảo quan hệ cân bằng của hệ thống chỉ số, theo phương pháp này người ta thêm vào một đại lượng bổ sung gọi là chỉ số liên hệ. Chỉ số liên hệ biểu hiện ảnh hưởng chung của tất cả các nhân tố cùng biến động và cùng tác động lẫn nhau.

Mô hình thiết lập hệ thống chỉ số theo phương pháp biểu hiện ảnh hưởng biến động riêng biệt như sau:

$$\text{Chỉ số toàn bộ} = \text{Chỉ số nhân tố 1} \times \text{Chỉ số nhân tố 2} \times \dots \times \text{Chỉ số nhân tố n} \times \text{Các chỉ số liên hệ}$$

Phương pháp trên khá phức tạp vì nếu hiện tượng có n nhân tố thì trong hệ thống chỉ số sẽ bao gồm $2^n - 1$ thành phần. Trong đó, sẽ có n chỉ số biểu hiện ảnh hưởng riêng của từng nhân tố và $2^n - (n + 1)$ thành phần biểu hiện ảnh hưởng của các dạng liên hệ và tác động lẫn nhau giữa các nhân tố. Ví dụ, nghiên cứu biến động tổng doanh thu, ta có hệ thống chỉ số với 2 nhân tố và công thức sẽ như sau:

$$\frac{\sum p_1 q_1}{\sum p_0 q_0} = \frac{\sum p_1 q_0}{\sum p_0 q_0} \times \frac{\sum q_1 p_0}{\sum q_0 p_0} \times \frac{\sum p_1 q_1 \cdot \sum p_0 q_0}{\sum p_1 q_0 \cdot \sum p_0 q_1} \quad (13)$$

(1) (2) (3) (4)

Lượng tăng giảm tuyệt đối:

$$(\sum p_1 q_1 - \sum p_0 q_1) = \sum (p_1 - p_0) q_0 - \sum (q_1 - q_0) p_0 + \sum (p_1 - p_0)(q_1 - q_0)$$

Nếu hiện tượng có 3 nhân tố thì trong hệ thống chỉ số sẽ bao gồm 3 chỉ số biểu hiện riêng của từng nhân tố và 4 chỉ số liên hệ, nghĩa là tất cả sẽ có tới 7 chỉ số...

Tóm lại, chỉ số giá cả được vận dụng nhiều trong phân tích kinh tế và kinh doanh của doanh nghiệp với vai trò cung cấp thông tin phản ánh sự biến động của giá cả trong mối liên hệ với các nhân tố có liên quan.

Căn cứ vào phạm vi tính toán, chỉ số giá cả được phân biệt làm hai loại là chỉ số đơn hay chỉ số cá thể và chỉ số tổng hợp. Trong đó, khi xây dựng chỉ số tổng hợp thì biểu hiện về lượng của các phần tử khác nhau được chuyển về dạng chung để có thể trực tiếp cộng được với nhau, thông qua biểu hiện về chất. Đồng thời, do có nhiều nhân tố cùng tham gia công thức chỉ số nên việc phân tích biến động của một nhân tố được đặt trong điều kiện giả định các nhân tố khác không thay đổi. Nhân tố được giữ cố định trong công thức chỉ số

tổng hợp được gọi là quyền số. Khi tính chỉ số tổng hợp biểu hiện biến động giá theo thời gian, lượng hàng hoá lưu chuyển giữ vai trò quyền số. Tùy thuộc vào điều kiện dữ liệu có được, có thể áp dụng các công thức chỉ số tổng hợp có thời kỳ quyền số khác nhau. Chỉ số tổng hợp giá Laspeyres sử dụng quyền số là khối lượng hàng hoá lưu chuyển ở kỳ gốc. Chỉ số tổng hợp giá Passche sử dụng quyền số là khối lượng hàng hoá lưu chuyển ở kỳ nghiên cứu. Chỉ số tổng hợp giá Fisher sử dụng kết hợp cả quyền số là khối lượng hàng hoá lưu chuyển ở kỳ gốc và kỳ nghiên cứu theo công thức bình quân san bằng chênh lệch giữa hai chỉ số nêu trên.

Trong trường hợp dữ liệu bao gồm các chỉ số cá thể giá cả, có thể tính chỉ số tổng hợp giá cả theo công thức bình quân với quyền số là doanh thu hay tỷ trọng doanh thu của từng mặt hàng.

Chỉ số không gian biểu hiện quan hệ so sánh giữa hai mức độ của hiện tượng nghiên cứu ở hai điều kiện không gian khác nhau. Chỉ số không gian so sánh giá cả xuất khẩu các mặt hàng ở hai thị trường có quyền số là tổng khối lượng xuất khẩu của từng mặt hàng ở cả hai thị trường.

Hệ thống chỉ số là một dãy các chỉ số có mối liên hệ với nhau hợp thành một phương trình cân bằng, nó được sử dụng để phân tích sự biến động trong mối liên hệ giữa các chỉ tiêu. Cơ sở để thiết lập hệ thống chỉ số là mối liên hệ giữa các nhân tố cấu thành và chỉ tiêu tổng hợp cần phân tích. Một hệ thống chỉ số bao gồm một chỉ số toàn bộ và các chỉ số nhân tố phản ánh ảnh hưởng biến động của từng nhân tố đối với hiện tượng phức tạp. Có hai phương pháp xây dựng hệ thống chỉ số là phương pháp liên hoàn và phương pháp biểu hiện ảnh hưởng biến động riêng biệt. Mỗi phương pháp có những ưu điểm và hạn chế riêng nên tùy theo điều kiện thực tế để vận dụng một cách thích hợp.

Từ những vấn đề có tính chất nguyên lý nêu trên cho thấy, chỉ số giá đóng vai trò là một chỉ số nhân tố, nó có vị trí rất quan trọng trong việc phân tích kinh tế thương mại nói chung và trong việc phân tích ảnh hưởng của giá cả đến doanh thu xuất, nhập khẩu nói riêng. Tuy vậy, để công cụ quan trọng này phát huy hiệu quả cần có các điều kiện thực tiễn để áp dụng.

Để có chỉ số giá đúng thì nguồn số liệu đầu vào đóng vai trò quyết định. Việc thu thập thông tin ban đầu tùy thuộc vào từng loại đối tượng cụ thể. Đối với các doanh nghiệp thì việc thống kê dựa trên các chứng từ sổ sách ghi chép

ban đầu. Đối với các đơn vị quản lý cấp trên của doanh nghiệp (Tổng công ty, Công ty mẹ...) thì chủ yếu dựa vào các báo cáo thống kê của các doanh nghiệp trực thuộc. Còn đối với các địa phương, khu vực hay phạm vi quốc gia thì phải tiến hành điều tra. Cũng như nhiều nước khác, ở Việt Nam việc điều tra chọn mẫu để có số liệu tính chỉ số gia hàng hoá xuất, nhập khẩu phải dựa trên cơ sở lý thuyết chọn mẫu. *(sẽ đề cập cụ thể trong phần điều tra giá cả xuất, nhập khẩu của Tổng cục Thống kê).*

C. Hiệu quả kinh tế, thương mại:

Thông tin chỉ số giá là một yếu tố thương mại đầu vào của hoạt động kinh doanh thương mại, đặc biệt là trong ngoại thương, nên nếu yếu tố này được xử lý tốt thì sẽ có tác dụng trực tiếp đến hiệu quả kinh doanh. Trong thương mại yếu tố giá cả đầu ra là quan trọng nhất, trực tiếp quyết định lợi nhuận, chi phối cơ bản đầu tư và tổ chức sản xuất.

Hiệu quả thương mại sẽ góp phần quan trọng tạo ra hiệu quả của nền kinh tế.

Chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu thương mại là chỉ số phản ánh sự biến động giá cả hàng hoá xuất khẩu, giá cả hàng hoá nhập khẩu nói chung và những chỉ số phản ánh sự biến động giá cả một số nhóm hàng, mặt hàng cơ bản - thiết yếu của nền kinh tế và một số nhóm hàng, chủng loại mặt hàng (sau đây gọi tắt là nhóm - mặt hàng) xuất khẩu, nhập khẩu trên phạm vi cả nước, hàng tháng. Chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu thương mại có tính thời sự, linh hoạt; có tính mở và chọn lọc; đồng thời phân chia cụ thể theo từng ngành hàng. Đây là cơ sở thuận lợi trong phục vụ điều hành, quản lý Nhà nước về Thương mại và định hướng kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu.

KẾT LUẬN:

Qua phân tích chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu của Việt Nam, của một số nước, của Liên hiệp quốc và phân tích xu hướng chung hiện nay thì việc xây dựng chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu có tính thương mại cao là khả thi và phù hợp với yêu cầu, đòi hỏi của tình hình mới.

CHƯƠNG II:

THỰC TRẠNG CHỈ SỐ GIÁ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU Ở VIỆT NAM HIỆN NAY VÀ NHỮNG YÊU CẦU ĐỐI VỚI CHỈ SỐ GIÁ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU

I. THỰC TRẠNG XÂY DỰNG, TÍNH TOÁN CỦA HỆ THỐNG CHỈ SỐ GIÁ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU DO TỔNG CỤC THỐNG KÊ CÔNG BỐ HIỆN NAY

I.1. CẤU TRÚC CỦA CHỈ SỐ GIÁ:

Chỉ số giá xuất - nhập khẩu trong giai đoạn từ 2001 đến nay được cấu trúc (phân tổ) như sau:

- Phân tổ theo Danh mục công tác kế hoạch (KH),
- Phân tổ theo Danh mục sản phẩm chủ yếu Việt Nam (VCPC - Ver.1.0)
- Phân tổ theo Danh mục hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam (HS - Ver. 1993)
- Phân tổ theo Danh mục thương mại quốc tế (SITC - Ver.2)
- Phân tổ theo Hệ thống ngành kinh tế dân Việt Nam (VISIC - Ver.1993)
- Phân tổ theo Danh mục Cẩm nang cán cân thanh toán mở rộng lần 5-IMF (BPM5)

Số mặt hàng tham gia tính chỉ số giá xuất khẩu khoảng 238 nhóm - mặt hàng theo phân tổ của VCPC mã 5 số với số mặt hàng điều tra giá khoảng 2100 và chỉ số giá nhập khẩu khoảng 356 nhóm - mặt hàng cơ sở theo phân tổ của VCPC mã 5 số với số mặt hàng lấy giá khoảng 2350 loại.

I.2. THIẾT KẾ DÀN MẪU TỔNG THỂ

1.2.1 Dàn mẫu tổng thể

Cần có một tổng thể mẫu để từ đó chọn ra các mẫu đại diện, tức là phải thành lập một dàn mẫu tổng thể. Trước hết nhà thống kê phải có dàn mẫu tổng thể về tất cả các hàng hoá XNK trong cả nước được sắp xếp theo một tiêu thức nào đó biểu hiện độ lớn của hàng hoá như: kim ngạch, đơn giá, khối lượng, thị trường xuất khẩu, nhập khẩu .v.v.

Dàn mẫu tổng thể lý tưởng sẽ là:

Một danh sách hoàn chỉnh về tất cả các mặt hàng được XNK qua các cửa khẩu.

- Được cập nhật nhanh, thường xuyên các mặt hàng (mẫu) mới.

Những mặt hàng mới xuất hiện theo những tiêu chí xác định, cụ thể sẽ được đưa vào dàn mẫu tổng thể và sẽ được đưa ra khỏi dàn mẫu tổng thể những mặt hàng (mẫu) biến mất (không tồn tại trong thực tế) hoặc lạc hậu (thay đổi về các chỉ tiêu đã có. Đây là việc làm thường xuyên cùng với bảo dưỡng mẫu trong quá trình điều tra.

- Dàn mẫu tổng thể luôn luôn phải được giữ nguyên một vài chỉ tiêu cơ bản nhất định phục vụ cho lập dàn mẫu điều tra giá.

Đối với giá xuất khẩu, nhập khẩu, hiện tại đang lập hai dàn mẫu tổng thể. Đó là danh sách đầy đủ về các đơn vị xuất - nhập khẩu và danh sách đầy đủ về các mặt hàng do họ xuất khẩu, nhập khẩu, trong đó chỉ tiêu cơ bản là chức năng hoạt động chính, giá trị sản lượng hoặc giá trị về mua hoặc bán hàng hoá của toàn bộ đơn vị và của từng mặt hàng cơ sở. Các chỉ tiêu miêu tả khác cũng cần phải gắn liền theo là địa chỉ, hình thức sở hữu, số lao động vốn .v.v. Cần xác định các đơn vị không lập nhau theo mức độ thể chế.

Vì nhiều mục đích nghiên cứu khác nhau cho nên có đơn vị được kê khai nhiều lần qua nhiều cuộc điều tra khác nhau; do đó phải tổng hợp sắp xếp lại theo từng loại dữ liệu để không bị trùng lặp trong khi sử dụng.

Như vậy trong thiết kế cuộc điều tra giá xuất khẩu, nhập khẩu cần thiết phải có các dàn mẫu tổng thể như:

(1) - Dàn mẫu tổng thể về mặt hàng xuất khẩu của cả nước theo Danh mục hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam (HS) mã 8 số.

(2) - Dàn mẫu tổng thể về mặt hàng nhập khẩu của cả nước theo Danh mục hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam (HS) mã 8 số.

(3) - Dàn mẫu tổng thể về các doanh nghiệp Việt Nam có chức năng xuất khẩu, nhập khẩu trực tiếp;

1.2.2. Dàn mẫu đại diện

(1') - Mẫu mặt hàng đại diện lấy giá xuất khẩu kèm theo (nằm trong) mẫu nhóm - mặt hàng cơ sở đại diện (theo HS mã 6 số hoặc theo CPC mã 5 số);

(2') - Mẫu mặt hàng đại diện lấy giá nhập khẩu kèm theo (nằm trong) mẫu nhóm - mặt hàng cơ sở đại diện (theo HS mã 6 số hoặc theo CPC mã 5 số);

(3')- Danh sách mẫu các nhà xuất khẩu và nhà nhập khẩu đại diện có xuất - nhập khẩu các mặt hàng đại diện nằm trong các tỉnh, thành phố trực thuộc TW đại diện

Vì các đơn vị xuất khẩu, nhập khẩu thông thường kinh doanh nhiều mặt hàng mà những mặt hàng đó thuộc vào các ngành sản xuất khác nhau (trừ đơn vị xuất hoặc nhập khẩu kiêm sản xuất mà xuất hoặc nhập khẩu mặt hàng đơn thuần cho (theo) hoạt động kinh tế của đơn vị) nên phân tổ theo “Danh mục ngành kinh tế quốc dân-VSIC” sẽ được chuyển hoá thông qua quan hệ giữa các loại danh mục mà không xếp trực tiếp các đơn vị kinh doanh như trong giá sản xuất.

Chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu là một chỉ tiêu thống kê quốc gia, và luôn phải được tính toán bằng phương pháp khoa học thống kê. Trong đó dàn mẫu điều tra giá cũng phải được thiết kế theo phương pháp khoa học chọn mẫu thống kê - phương pháp chọn mẫu xác suất. Chính vì vậy thiết kế dàn mẫu đại diện điều tra giá xuất khẩu, nhập khẩu nên sử dụng phương

pháp chọn mẫu xác suất. Song việc áp dụng phương pháp này tuy ít nghiêm ngặt hơn so với các cuộc điều tra khác như điều tra mẫu hộ gia đình hay điều tra mẫu doanh nghiệp... nhưng các dàn mẫu tổng thể như nêu trên không có khả năng đáp ứng.

Hiện nay, Tổng cục thống kê đang áp dụng chọn mẫu đại diện theo phương pháp “Chọn mẫu chủ định (không xác suất)”.

Đối với Việt nam, mục đích của điều tra giá xuất khẩu, nhập khẩu là để tính chỉ số giá xuất khẩu và chỉ số giá nhập khẩu cho cả nước, tức là những chỉ số đó phản ánh sự biến động giá cả của cả nước và đồng thời nó có tính đại diện cho tất cả các vùng, các tỉnh-thành phố trong cả nước. Chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu trước hết phục vụ cho việc giảm phát trong tính GDP của cả nước, vùng, tỉnh và sau đó phục vụ cho nhiều mục đích nghiên cứu cũng như tác nghiệp kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp, vì vậy phương pháp chọn mẫu được áp dụng là chọn mẫu chủ định, tức là trên cơ sở mẫu có cỡ lớn nhất có khả năng chọn nhiều nhất. Giai đoạn chọn mẫu là áp dụng chọn mẫu hai giai đoạn, giai đoạn một là chọn mặt hàng và nhóm - mặt hàng đại diện và giai đoạn hai là chọn mẫu đơn vị xuất khẩu hoặc nhập khẩu có cỡ mẫu tương ứng của mẫu mặt hàng lớn nhất.

+ Loại 1:

Hai dàn mẫu tổng thể lý tưởng nhất để chọn được hai dàn mẫu đại diện trên hiện nay có thể được đáp ứng (tuy chưa hoàn hảo) là cơ sở dữ liệu về tờ khai hải quan Việt nam về hàng xuất khẩu và hàng nhập khẩu hàng năm do Tổng cục Hải quan thực hiện. Trong dàn mẫu tổng thể này, bao gồm một số tiêu thức cơ bản sau đây:

- Tên đơn vị xuất khẩu, nhập khẩu;
- Địa chỉ đóng tại của đơn vị xuất khẩu, nhập khẩu;
- Tên mặt hàng cụ thể đã ghi trong hợp đồng xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp mà đã thực hiện;
- Mã số HS 8 số (của danh mục hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu Việt nam);
- Đơn vị đo lường khối lượng (Kg, Tấn...);
- Nước đến (hàng xuất) hoặc từ nước (hàng nhập);
- Số lượng xuất - nhập khẩu;

- Giá trị kim ngạch xuất - nhập khẩu;

Hoặc nếu 2 dàn mẫu tổng thể này không có được, có thể thay thế bằng 2 dàn mẫu tổng thể tương đương do Tổng cục Thống kê thực hiện hàng năm theo chế độ báo cáo thống kê định kỳ doanh nghiệp quyết định số 62/2003/BKH, gồm các chỉ tiêu sau:

- Tên đơn vị xuất khẩu, nhập khẩu;
- Địa chỉ đóng tại của đơn vị xuất khẩu, nhập khẩu (có tên tỉnh/thành phố);
- Tên mặt hàng cụ thể mà doanh nghiệp đã xuất khẩu, nhập khẩu (hàng đã xuất hoặc đã nhập);
- Mã số HS 8 số (của danh mục hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu Việt nam);
- Đơn vị đo lường khối lượng (Kg, Tấn...);
- Nước đến (hàng xuất) hoặc từ nước (hàng nhập);
- Số lượng xuất - nhập khẩu;
- Giá trị kim ngạch xuất - nhập khẩu;

+ Loại 2:

Hai dàn mẫu tổng thể về đơn vị điều tra (đơn vị xuất và nhập khẩu) gồm các chỉ tiêu:

- Tên đơn vị;
- Địa chỉ (trong đó có tên tỉnh/thành phố mà đơn vị đóng tại);
- Có chức năng xuất khẩu, nhập khẩu hay không;
- Mặt hàng chủ lực xuất hoặc nhập khẩu.

Dàn mẫu này có thể thu được từ cơ quan thuế xuất khẩu, nhập khẩu (Tổng cục Hải quan) hoặc từ Tổng cục Thống kê.

Và 2 dàn mẫu tổng thể về mặt hàng xuất và mặt hàng nhập khẩu theo mã HS 8 số của cả nước, gồm các chỉ tiêu:

- Mã HS đến 8 số;
- Mô tả mặt hàng;
- Nước xuất đến hoặc nước nhập từ;

- Đơn vị tính khối lượng (kg, mét dài...)
- Số lượng xuất khẩu, nhập khẩu;
- Giá trị kim ngạch xuất hoặc nhập khẩu.

Thiết kế những dàn mẫu tổng thể này đều trên nguyên tắc, tổng kim ngạch xuất khẩu hoặc nhập khẩu của dàn mẫu tổng thể phải bằng hoặc sai số cho phép với kim ngạch xuất khẩu hoặc nhập khẩu mục đích mà đã được công bố (theo số liệu chính thức của Tổng cục Thống kê).

Chỉ số giá xuất khẩu và chỉ số giá nhập khẩu Việt Nam giai đoạn năm 2001 - 2005 (hiện hành) được thiết kế trên dàn mẫu tổng thể về Xuất khẩu và Nhập khẩu hàng hoá năm 1998 và năm 1999 (số bình quân 2 năm) theo số liệu hải quan mã 8 số (loại 1). Trong dàn mẫu này được tính toán thêm một tiêu thức nữa là tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu hoặc nhập khẩu của từng mặt hàng mã 6, mã 8 số so với tổng kim ngạch chung. Một dàn mẫu như vậy là một dàn mẫu đã thoả mãn cho chọn mẫu đại diện và còn lại là chọn phương pháp lựa chọn mẫu đại diện: chọn xác suất hay chọn chủ định.

I.3. LỰA CHỌN MẪU (CÁCH CHỌN MẪU SAU KHI THIẾT KẾ XONG DÀN MẪU TỔNG THỂ):

Lựa chọn mẫu là bước tiếp theo trong quá trình thiết kế mẫu, trên cơ sở dàn mẫu tổng thể đã thiết kế để xác định phương pháp chọn mẫu và phân tầng các mẫu đã chọn. Trong tính toán chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu hiện nay, phương pháp chọn mẫu là chọn mẫu chủ định và tiến hành qua hai giai đoạn sau:

- Lựa chọn nhóm - mặt hàng cơ sở và mặt hàng lấy giá đại diện;
- Lựa chọn mẫu doanh nghiệp (các đơn vị xuất khẩu, nhập khẩu) đại diện.

I.3.1. Giai đoạn 1: Lựa chọn mẫu nhóm - mặt hàng cơ sở và mặt hàng thu thập giá:

Nhóm - mặt hàng cơ sở là nhóm hàng hoặc mặt hàng chung có khả năng mang một quyền số (quyền số là giá trị kim ngạch hoặc tỷ trọng về giá trị kim ngạch xuất khẩu (đối với mặt hàng xuất khẩu) và/ hoặc kim ngạch nhập khẩu (đối với mặt hàng nhập khẩu) ở thời kỳ gốc khi thiết kế mẫu điều tra.

Ví dụ một số nhóm - mặt hàng cơ sở đã chọn theo Danh mục sản phẩm trung tâm (VCPC) mã 5 số cho chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu giai đoạn năm 2001 - 2005.

Mặt hàng (chủng loại mặt hàng) lấy giá trong điều tra giá xuất khẩu hoặc giá nhập khẩu là mặt hàng gắn liền các điều kiện giá cả của nó như khi hai bên ký kết hợp đồng xuất khẩu hoặc nhập khẩu.

A. Cách chọn mẫu nhóm - mặt hàng cơ sở:

(a) Các tiêu thức đặt ra cho chọn mẫu chủ định:

- Nhóm - mặt hàng có tỷ trọng về giá trị kim ngạch xuất khẩu hoặc nhập khẩu lớn nhất trong tổng kim ngạch chung;

- Nhóm - mặt hàng có tính ổn định (tồn tại) lâu dài trong quá trình xuất khẩu, nhập khẩu;

- Nhóm mặt hàng có tính sử dụng phổ biến cho nền kinh tế quốc dân;

- Các nhóm mặt hàng không thuộc phạm vi tính chỉ số như: hàng quốc phòng (súng, đạn, xe tăng...); tàu thủy (kể cả tàu thuyền), máy bay (kể cả vật bay), tàu hoả và phụ tùng của nó, vàng, đá quý các loại (trừ đồ trang sức); tiền giấy, phần mềm máy tính điện thoại, bản vẽ, thiết kế, sách báo tạp chí các loại, .v.v. và những giá trị của những nhóm này không đem vào kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu khi tính quyền số.

- Cuối cùng là tổng kim ngạch xuất khẩu hoặc nhập khẩu mà các nhóm - mặt hàng đại diện được chọn phải đạt trên 85% tổng kim ngạch trong phạm vi tính chỉ số.

(b) Cách chọn:

Từ các tiêu thức trên, trên cơ sở dàn mẫu tổng thể theo phân tổ hàng hoá HS mã 6 số đã được chuẩn bị (như trên), tính thêm cột tỷ trọng của các nhóm - mặt hàng mã 6 số, sắp xếp theo thứ tự nhỏ dần, và rút ra những nhóm thoả mãn các tiêu chí trên, và rút ra như vậy cho đến khi thoả mãn dàn mẫu đại diện đạt 85% tổng kim ngạch chung và không còn mặt hàng nào thoả mãn các điều kiện đó nữa là đưa ra thành một dàn mẫu đại diện nhóm - mặt hàng cơ sở. Ở đây, nhóm có tỷ trọng lớn nhất có thể chưa phải là nhóm được chọn vì nó kết hợp với các tiêu thức sau đó mà nó không thoả mãn.

Ví dụ dự kiến dàn mẫu nhóm - mặt hàng cơ sở của chỉ số giá xuất khẩu giai đoạn năm 2006-2010 sẽ là nhóm theo phân tổ HS mã 6 số.

B. Cách chọn mẫu mặt hàng lấy giá:

Chọn mẫu mặt hàng lấy giá phải thực hiện qua hai cấp: Cấp trung ương (tại Tổng cục Thống kê) và cấp doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu (thông qua các cơ quan thống kê cấp tỉnh/thành phố).

(a) Tại cấp trung ương:

Mặt hàng lấy giá chọn theo các chỉ tiêu sau:

- Nằm trong nhóm - mặt hàng đại diện đã được chọn, ít nhất có một mặt hàng lấy giá
- Có tỷ trọng kim ngạch lớn nhất trong nhóm - mặt hàng đại diện,
- Có độ tần suất về xuất khẩu hoặc nhập khẩu diễn ra hàng tháng, quý hoặc năm cao nhất,
- Có tính phổ biến nhất về xuất khẩu hoặc nhập khẩu, và
- Tổng tỷ trọng mặt hàng lấy giá đại diện chiếm trên 65% giá trị kim ngạch của nhóm - mặt hàng đại diện.

(b) Tại cấp doanh nghiệp đại diện:

Mặt hàng lấy giá chọn với các tiêu thức:

- Tên cụ thể;
- Chất lượng (cỡ, mã hiệu, loại, tiêu chuẩn chất lượng, bao bì, đóng gói, hãng sản xuất, .v.v.);
- Nước xuất tới hoặc nước nhập từ;
- Điều kiện thanh toán (quy về phương thức LC);
- Loại giá (quy về giá FOB hoặc CIF, CF)

cho một doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu. Các thông số này sẽ được thể hiện trong Biểu điều tra giá xuất - nhập khẩu áp dụng cho doanh nghiệp.

(c) Cách chọn:

Dựa trên dàn mẫu tổng thể theo phân tổ HS mã 8 số, kết hợp với dàn mẫu nhóm - mặt hàng đại diện đã chọn ở trên, chọn ra một dàn mẫu tổng thể mới của mặt hàng lấy giá gồm mã 6 số và mã 8 số, từ đó chọn ra những mặt hàng có mã HS 8 số đại diện cho nhóm - mặt hàng mã 6 số.

Sau đó trên cơ sở dàn mẫu mặt hàng đại diện mã 8 số, tiến hành chọn mẫu doanh nghiệp đại diện tiếp theo.

1.3.2. Giai đoạn 2: Lựa chọn mẫu doanh nghiệp đại diện:

Một mặt hàng xuất khẩu hoặc nhập khẩu có thể có một hoặc nhiều doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu, nhập khẩu trực tiếp (gọi tắt là “Đơn vị”) thực hiện. Để chọn được đơn vị đại diện của mặt hàng đó cần dựa trên dàn mẫu “Mặt hàng - đơn vị xuất khẩu” và dàn mẫu “Mặt hàng - đơn vị nhập khẩu. Từ đó sử dụng phương pháp chọn mẫu chủ định để chọn ra đơn vị đại diện.

Các tiêu thức để chọn đơn vị đại diện của một mặt hàng đại diện:

- Đơn vị chuyên doanh xuất khẩu, nhập khẩu (có chức năng xuất khẩu, nhập khẩu trực tiếp, có nhiệm vụ Nhà nước giao xuất hoặc nhập khẩu mặt hàng đó),
- Đơn vị có tổng kim ngạch xuất hoặc nhập khẩu mặt hàng đó lớn nhất, Tổng kim ngạch của các đơn vị về mặt hàng đó đạt trên 50%,
- Tính ổn định và tồn tại của doanh nghiệp lâu dài.

Ví dụ về chọn mẫu các doanh nghiệp đại diện của mặt hàng đại diện xuất khẩu “Lạc nhân chưa vỡ mảnh” - mã HS 8 số 12022010.

Tổng thể mẫu đơn vị của mặt hàng lạc nhân xuất khẩu là: 8 mẫu;

Yêu cầu chọn 3-4 mẫu đơn vị doanh nghiệp trong số 8 mẫu thoả mãn trên 50% giá trị kim ngạch xuất khẩu của cả nước.

Cách chọn:

- Thiết lập cột tỷ lệ, sắp xếp đơn vị theo tỷ lệ giá trị kim ngạch nhỏ dần;
- Nhật đơn vị có tỷ lệ cao nhất ra khỏi dàn mẫu, và nhật như thế cho đến khi tổng tỷ lệ đại diện trên 50%.

Tương tự các bước đó chọn cho mặt hàng khác.

Tuy nhiên có một số mặt hàng số đơn vị được phép nhập khẩu hoặc xuất khẩu rất ít như dầu thô, xăng máy bay, thuốc tây đặc chủng, .v.v. thì có thể chọn toàn bộ các đơn vị cũng được.

Sau khi chọn xong dàn mẫu đơn vị điều tra đại diện của các mặt hàng lấy giá đại diện, kết hợp lại với dàn mẫu mặt hàng đại diện để được một dàn mẫu đại diện mặt hàng gồm đầy đủ các đặc tính của một mặt hàng có thể so sánh được, đó là:

- Tên mặt hàng;
- Mã mặt hàng (HS 8 số);
- Tên đơn vị điều tra;
- Mã đơn vị điều tra.

Danh sách này gửi đến cho các đơn vị điều tra (thông qua các cơ quan thống kê cấp tỉnh/thành phố) để họ tiếp tục hoàn thiện nốt đặc tính mặt hàng và nước xuất nhập phổ biến.

Sau khi đơn vị chọn xong mặt hàng lấy giá, gửi về cơ quan thống kê gần nhất và họ tổng hợp lại thành dàn mẫu điều tra giá xuất hoặc nhập khẩu tại địa phương đó. Danh sách này gửi về Tổng cục Thống kê để tổng hợp thành dàn mẫu điều tra giá chung cả nước. Sau đó phân bổ mặt hàng đại diện vào các tầng các lớp của các loại danh mục cần thiết để hình thành hệ thống phương pháp điều tra giá và tính chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu.

1.3.3. Biểu mẫu điều tra:

Một cuộc điều tra nào cũng có những biểu mẫu điều tra kèm theo, đó là biện pháp thu thập thông tin của các cuộc điều tra. Trên cơ sở dàn mẫu đại diện đã chọn, thiết kế các bảng hỏi phù hợp với các chỉ tiêu đã định để đơn vị trả lời các bảng hỏi đó. Điều tra giá xuất - nhập khẩu có hai biểu điều tra của TCTK Việt Nam.

1.3.4. Đánh giá chất lượng dàn mẫu điều tra:

Để đánh giá chất lượng của một chỉ số giá cả thông qua dàn mẫu điều tra, có thể căn cứ vào các tiêu chí sau:

- Tổng cỡ mẫu mà nguồn cho phép (Dàn mẫu tổng thể);
- Tổng cỡ mẫu doanh nghiệp điều tra (đơn vị điều tra) được chọn;
- Tổng số mẫu mặt hàng điều tra (bao gồm hai loại: số nhóm - mặt hàng cơ sở, và số mặt hàng cụ thể lấy giá). Về chỉ tiêu này cũng có thể xem xét tính đại diện của cỡ mẫu ở mỗi ngành sản xuất cấp mã 4 số cho đến cấp cao hơn (mã 3 số, 2 số và 1 số) để kiểm tra việc phân bố mẫu có hợp lý không.
- Cấu trúc chỉ số và mức độ tăng, lớp công bố số liệu (công bố ở mức nhóm chung chung hay chi tiết);
- Tỷ lệ cỡ mẫu của dàn mẫu điều tra trong dàn mẫu tổng thể của mỗi loại mẫu (dàn mẫu đơn vị thường đạt >50% và dàn mẫu mặt hàng đại diện thường phải là >65%)
- Tỷ lệ trả lời của dàn mẫu đơn vị điều tra và cách khắc phục;
- Tỷ lệ sai số chọn mẫu (trong trường hợp chọn mẫu chủ định, chỉ tiêu này thường không tính toán được).

Ví dụ dàn mẫu điều tra giá xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam giai đoạn 2001-2005 như sau:

STT	Loại mẫu	Xuất khẩu	Nhập khẩu
1	Số mặt hàng đại diện điều tra giá (mặt hàng)	1.724	1.730
2	Số nhóm - mặt hàng cơ sở (theo Danh mục sản phẩm chủ yếu Việt Nam (VCPC) mã 5 số (nhóm))	236	372
3	Số đơn vị điều tra (Doanh nghiệp)	357	357
4	Số tỉnh thực hiện điều tra (tỉnh/ thành)	25	25

I.4. TỔ CHỨC THU THẬP GIÁ VÀ PHƯƠNG PHÁP TÍNH CHỈ SỐ GIÁ:

Giá cả xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá đưa vào tính chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá về cơ bản được thu thập từ các đơn vị có chức năng hoạt động xuất nhập hàng hoá. Giá này được lấy từ các hợp đồng ngoại thương.

Giá xuất khẩu được lấy theo giá hợp đồng mà hàng hoá đó đã được xếp lên boong tàu (hoặc đã bán hoặc đã thanh toán xong tiền hàng) trong thời kỳ điều tra giá (không lấy giá hợp đồng treo, có hợp đồng mà hàng không xuất thực tế).

Giá nhập khẩu được lấy theo giá hợp đồng mà hàng hoá đó đã cập cảng Việt Nam hoặc đã giao hoặc đã thanh toán xong tiền hàng trong thời kỳ điều tra giá (không lấy giá hợp đồng treo, có hợp đồng mà không có hàng nhập về thực tế).

1.4.1- Giá xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá đem vào tính chỉ số giá hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu phải gắn liền với quy cách, phẩm chất, cỡ mã, đóng gói rõ ràng; mặt hàng lấy giá không phải là mặt hàng chung chung tương tự như nhóm - mặt hàng cơ sở theo phân tổ VCPC mã 5 số. Giá này còn gắn liền với đơn vị xuất - nhập khẩu, nước hàng đến hoặc đi.

Ví dụ:

Tên hàng:	Lạc nhân
Quy cách:	Loại 1 (độ xước vỏ bóng <0,05%)
Đóng gói:	Bao nylon 50kg tịnh
Đơn vị xuất khẩu:	Cty xuất nhập khẩu nông sản Nghệ An
Nước đến:	Singapore
Đơn giá:	USD/MT-FOB

Vì vậy một phẩm chất hàng hoá được nhiều đơn vị xuất hoặc nhập khẩu là có nhiều mẫu giá đem vào tính chỉ số và xuất tới nhiều nước hoặc nhập từ nhiều nước cũng có mỗi mẫu giá cho mỗi nước đem vào tính chỉ số.

1.4.2- Giá cả xuất khẩu, nhập khẩu nói trên được điều tra tại các đơn vị xuất khẩu, nhập khẩu đại diện bằng các bảng hỏi (biểu điều tra) định kỳ thường xuyên do điều tra viên điều tra giá thực hiện theo các Quyết định của Nhà nước. (Quyết định số **412/2003/QĐ-TCTK** ngày **29/7/2003** của **Tổng cục Thống kê**)

1.4.3- Mặt hàng điều tra giá xuất khẩu, nhập khẩu luôn luôn phải có định chất lượng (như ví dụ trên) qua các thời kỳ điều tra, song sự thay đổi về nước đến hoặc nước đi, thay đổi đơn vị xuất - nhập khẩu đã làm cho giá cả mặt hàng thay đổi nhưng đó không phải thay đổi thuần túy của giá cả. Vì vậy cần có những phương pháp tính chuyển để đảm bảo chỉ số giá phản ánh thực chất biến động của giá cả.

Mặt khác chất lượng lấy giá của một số loại hàng luôn luôn bị thay đổi như hàng máy móc thiết bị, điện tử, máy tính, may mặc, mỹ nghệ .v.v. làm cho giá cả thay đổi, vì vậy cần có phương pháp tính chuyển đổi chất lượng đồng chất trong so sánh giá cả.

Hàng thời vụ, nhất là hàng nông sản tươi sống, thường bị vắng mặt nhiều qua các kỳ điều tra, vì vậy cần có phương pháp xử lý giá các mặt hàng này theo xu hướng giá mặt hàng có mặt để đảm bảo chất lượng và số lượng mặt hàng tính chỉ số giá.

1.4.4. Phương pháp tính chỉ số giá

Chỉ số giá xuất - nhập khẩu trong giai đoạn năm 2001-2005 (hiện hành) được tính theo phương pháp so sánh ngắn hạn với công thức chỉ số giá Laspayres chuyển đổi tổng quát như sau:

$$I_{p,t/0} = \sum_{i=1}^n r_{i,t/t-1} * w_{i,0}^{t-1} \quad (6)$$

$$= \sum_{i=1}^n \frac{P_{i,t}}{P_{i,t-1}} * \frac{P_{i,t-1}}{P_{i,0}} * w_{i,0}^{t-1}$$

Nhưng do quyền số tỷ trọng của các mặt hàng lấy giá i không xác định được (thường là không có cách nào định được) trong hoàn cảnh thống kê hiện nay, nên người ta chấp nhận xem nó có một tỷ trọng như nhau trong nhóm mặt hàng cơ sở và bằng 1. Vì vậy công thức (6) sẽ là:

$$I_{p,t/0} = \sum_{i=1}^n r_{i,t/t-1} * r_{i,t-1/0} \quad (6.1)$$

Quy trình tính chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu trong giai đoạn năm 2001-2005 (hiện hành) với công thức chỉ số giá Laspayre chuyển đổi tổng quát như sau:

- Tính chỉ số giá cá thể của mặt hàng lấy giá;
- Tính chỉ số giá của nhóm mặt hàng cơ sở theo phân tổ VCPC mã 5 số;
- Tính chỉ số giá của các loại phân tổ khác (KH 2 số, VSIC 4 số, SITC 2 số, BPM5 2 số và HS 2 số) trên cơ sở chỉ số giá nhóm-mặt hàng cơ sở theo VCPC 5 số.

Chỉ số giá xuất - nhập khẩu kỳ báo cáo so với kỳ gốc cố định của nhóm mặt hàng cơ sở theo phân tổ VCPC 5 số được tính theo công thức (6.1) như sau:

$$I_{j,t/0} = \frac{\sum_{i=1}^n r_{i,t/t-1} * r_{i,t-1/0}}{n} \quad (16)$$

Trong đó: $I_{j,t/0}$ là chỉ số giá nhóm-mặt hàng cơ sở j theo phân tổ VCPC 5 số kỳ báo cáo t so với kỳ gốc 0 ;

$r_{i,t/t-1}$ là chỉ số giá của mặt hàng lấy giá i kỳ báo cáo so với kỳ trước (tức là so sánh ngắn hạn), và được tính theo công thức:

$$r_{i,t/t-1} = \frac{p_{i,t}}{p_{i,t-1}} * 100 \quad (16.1)$$

Trong đó $p_{i,t}$ là giá mặt hàng i kỳ báo cáo và $p_{i,t-1}$ là giá mặt hàng i kỳ trước.

n là số mặt hàng i tham gia tính chỉ số giá nhóm mặt hàng cơ sở.

Các chỉ số giá nhóm và chỉ số giá chung của các loại phân tổ khác so với kỳ gốc cố định được tính từ chỉ số đã tính ở công thức (16) với quyền số cố định tương ứng của nó theo công thức tổng quát sau:

$$I_{g,t/0} = \frac{\sum I_{j,t/0} * W_{j,0}}{\sum W_{j,0}} \quad (17)$$

Trong đó:

$I_{g,t/0}$ là chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu nhóm 'g' hoặc chỉ số chung;

$I_{j,t/0}$ là chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu nhóm-mặt hàng cơ sở j theo phân tổ VCPC mã 5 số đã tính tại công thức (12);

$W_{j,0}$ là quyền số tỷ trọng của nhóm-mặt hàng cơ sở j theo phân tổ VCPC mã 5 số;

Các chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu kỳ báo cáo so với các gốc khác (gốc kỳ trước, cùng kỳ năm trước), hoặc chỉ số giá thời kỳ (6 tháng, 9 tháng, năm) được tính từ chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu có kỳ gốc cố định (năm 2000) theo công thức (10) đã nêu trên.

Chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam tính chung cho cả nước, chưa tính cho từng thị trường chủ yếu như các nước khác thường làm.

I.5. BẢO DƯỠNG MẪU VÀ CHU KỲ CHON MẪU ĐIỀU TRA:

I.5.1. Bảo dưỡng mẫu:

Điều tra giá là một cuộc điều tra mẫu thường xuyên. Trong đó một đơn vị mẫu doanh nghiệp phải báo cáo giá những mặt hàng của mình nhiều lần trong năm hoặc tháng và kéo dài hàng năm. Nói chung, những điều không tốt xảy ra trong quá trình điều tra là những mẫu đại diện trở nên lạc hậu, và vì vậy cần được bảo dưỡng và định kỳ sẽ được thiết kế lại dàn mẫu mới phù hợp hơn. Sau đây là những nguyên nhân làm cho mẫu điều tra lạc hậu và cách bảo dưỡng nó.

A. Về dàn mẫu đơn vị điều tra:

Thông thường trong hoạt động kinh tế, những doanh nghiệp mới phát sinh và những doanh nghiệp cũ mất đi hoặc chuyển sang hoạt động ngành kinh tế khác là điều tất yếu. Bởi vậy nhà thống kê giá phải có kế hoạch bảo dưỡng mẫu ngay từ khi dàn mẫu điều tra ra đời. Trước hết phải bám sát với các cơ quan đăng ký kinh doanh để có các thông tin mới phát sinh và các cơ quan thuế để theo dõi các đơn vị biến mất hoặc chuyển ngành nghề khác. Nói chung những cơ quan này làm việc rất có hiệu quả trong việc theo dõi doanh nghiệp. Sau đó nhà thống kê giá phải cập nhật các doanh nghiệp đó vào dàn mẫu tổng thể, và đối chiếu lại trong dàn mẫu đại diện điều tra. Nếu ở một kỳ điều tra nào đó phát hiện thấy các trường hợp như sau xảy ra trong dàn mẫu điều tra thì cần phải xử lý kịp thời:

(a) Mẫu đơn vị điều tra không còn tồn tại (bị xoá tên) thì phải lấy đơn vị khác có xuất hoặc nhập khẩu cùng mặt hàng để thay thế và cùng đi theo là phải thay đổi số đơn vị đại diện vì đơn vị cũ có thể đại diện của 5 mặt hàng, nhưng khi bị mất, có thể phải chọn nhiều nhất 5 đơn vị để thay thế, hoặc có thể thay thế mặt hàng của các đơn vị đó cho nhau. Phương pháp thay thế mặt hàng đại diện cho đồng nhất tính chất của nó sẽ áp dụng các biện pháp xử lý giá mặt hàng vắng mặt.

(b) Mẫu đơn vị điều tra chuyển chức năng hoạt động kinh tế: trong trường hợp này giải quyết như trường hợp 1/a.

(c) Trong trường hợp mẫu đơn vị doanh nghiệp đại diện không hợp tác với thống kê vì một lý do nào đó thì cũng cần phải thay thế mẫu khác có cùng mặt hàng, cách giải quyết như trường hợp 1/a.

(d) Sau đó nếu tổng cỡ mẫu của mặt hàng đó không đạt tính đại diện thì phải bổ sung những đơn vị mới phát sinh có cùng mặt hàng từ trong dàn mẫu tổng thể đã được cập nhật và đưa những mẫu có cỡ nhỏ ra khỏi dàn mẫu mặt hàng đó sao cho số mẫu không thay đổi và sử dụng biện pháp như trường hợp 1/a để xử lý.

(e) Khi dàn mẫu đại diện không có khả năng đại diện nữa, cần phải có kế hoạch thiết kế lại dàn mẫu điều tra.

B. Về dàn mẫu mặt hàng điều tra:

Nhu cầu về sử dụng mặt hàng xuất khẩu và mặt hàng nhập khẩu trên toàn thị trường thế giới là rất đa dạng. Vì vậy hàng hoá luôn luôn xuất hiện mới, mất đi và được cải tiến. Nhà thống kê giá cũng cần phải bám sát các đơn vị doanh nghiệp và các cơ quan chức năng quản lý để theo dõi và cập nhật thường xuyên những biến động về mặt hàng vào dàn mẫu tổng thể. Đó là việc làm bảo dưỡng mẫu thường xuyên và tất nhiên phải có kinh phí từ ngân sách. Từ bảo dưỡng dàn mẫu tổng thể, đối chiếu lại với dàn mẫu điều tra, các trường hợp sau đây có thể xảy ra và cần được khắc phục:

(a) Mặt hàng của một mẫu doanh nghiệp biến mất (doanh nghiệp không xuất hoặc nhập khẩu nữa), trong trường hợp này hoặc là lấy mặt hàng khác của doanh nghiệp đó tương đương để thay thế, hoặc là nếu không có mặt hàng tương đương thì phải bổ sung mẫu doanh nghiệp với mặt hàng đã chọn như trường hợp 3.1.1/a nêu trên.

(b) Mặt hàng vắng mặt tạm thời được giải quyết theo phương pháp giải quyết mặt hàng vắng mặt,

(c) Mặt hàng thay đổi chất lượng: Giải quyết như nêu b,

(d) Mặt hàng điều tra là biểu hiện hoạt động kinh tế của một doanh nghiệp, khi doanh nghiệp chuyển mặt hàng nhưng cùng ngành sản phẩm thì được xử lý cập nhật như trường hợp c, nhưng chuyển sang mặt hàng khác ngành thì có nghĩa là đơn vị doanh nghiệp chuyển chức năng hoạt động. Như vậy phải đổi đơn vị doanh nghiệp hoặc bỏ ra và thực hiện bổ sung.

(e) Luôn luôn xác định lại tính đại diện của dàn mẫu mặt hàng trước khi tính chỉ số bằng tỷ lệ của tổng cỡ mẫu đại diện đem vào tính chỉ số so với tổng cỡ mẫu của dàn mẫu tổng thể sau khi đã cập nhật. Từ đó để xác định độ tin cậy của chỉ số và lập kế hoạch thiết kế lại dàn mẫu điều tra.

1.5.2. Chu kỳ chọn mẫu điều tra:

Như vậy, qua thời gian, dàn mẫu đại diện điều tra giá có biến động, trong đó mức độ đại diện của dàn mẫu bị biến động do nhiều yếu tố khách quan và chủ quan. Một biện pháp thường dùng nhất trên thế giới để giảm bớt những vấn đề bất trắc trên là hạn chế độ dài thời gian tồn tại của dàn mẫu điều tra bằng cách sử dụng chọn mẫu lại (thiết kế lại) dàn mẫu theo một chu kỳ thời gian nào đó.

Tuy nhiên hàng năm cần xem xét khả năng đại diện và độ chính xác của chỉ số thông qua dàn mẫu bằng phương pháp thực tế và tính các chỉ tiêu chọn mẫu, từ đó tìm mẫu để thay thế.

Tùy theo tình hình kinh tế của mỗi nước, họ có thể quyết định thời gian chu kỳ thiết kế lại dàn mẫu là sau 3 năm hay sau 5 năm. Theo thực tế trên thế giới, các nước phát triển thường có nền sản xuất ổn định, tốc độ phát triển kinh tế ở mức ổn định, chu kỳ đó thường là 5 năm; những nước đang phát triển, thường có nền sản xuất không ổn định, tốc độ phát triển nhanh (từ không đến có, từ ít chủng loại đến phong phú) và hay thay đổi vì chạy đua theo các nước phát triển, nên chu kỳ đó thường là 3 năm, thậm chí có nước là hai năm thay đổi dàn mẫu một lần. Mỗi khi thiết kế lại dàn mẫu, người ta có kế hoạch xem xét lại toàn bộ các yếu tố của quá trình thiết kế một chỉ số giá cả.

Tất nhiên mỗi khi xem xét lại như vậy là mỗi lần đòi hỏi khoản chi tiêu từ ngân sách quốc gia khá lớn, vì vậy chu kỳ đó còn lệ thuộc rất lớn về khả năng tài chính quốc gia. Mặt khác thể chế Nhà nước cũng ảnh hưởng rất lớn đến vấn đề quyết định chu kỳ này. Nói chung trên thế giới các nước đều nhận thấy tầm quan trọng và tính khoa học khách quan của các chỉ tiêu thống kê giá

cả nên họ có kế hoạch sẵn có từ trước đảm bảo cho công tác này hoạt động bình thường.

Đối với Việt Nam, dàn mẫu đại diện điều tra giá xuất khẩu, nhập khẩu do nhiều yếu tố tác động nên hiện nay cũng chỉ giới hạn tối thiểu là 5 năm một lần thiết kế lại dàn mẫu.

1.5.3. Công thức tính toán chỉ số giá

- Chỉ số giá xuất - nhập khẩu trong giai đoạn năm 2001-2005 (hiện hành) được tính theo phương pháp so sánh ngắn hạn với công thức chỉ số giá Laspayres chuyển đổi tổng quát như sau:

$$I_{p,t/0} = \sum_{i=1}^n r_{i,t/t-1} * w^{i0}_{t-1}$$

Trong đó, w^{i0}_{t-1} là quyền số cố định năm 2005 của mặt hàng lấy giá i được điều chỉnh theo kỳ gốc trước $t - 1$.

$$= \sum_{i=1}^n \frac{P_{i,t}}{P_{i,t-1}} * \frac{P_{i,t-1}}{P_{i,0}} * w^{i,0}_{t-1} \quad (11)$$

Nhưng do quyền số tỷ trọng của các mặt hàng lấy giá i không xác định được (thường là không có cách nào định được) trong hoàn cảnh thống kê hiện nay, nên người ta chấp nhận xem nó có một tỷ trọng như nhau trong nhóm mặt hàng cơ sở và bằng 1. Vì vậy công thức (11) sẽ là:

$$I_{p,t/0} = \sum_{i=1}^n r_{i,t/t-1} * r_{i,t-1/0} \quad (11.1)$$

quy trình tính chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu trong giai đoạn năm 2001-2005 (hiện hành) với công thức chỉ số giá Laspayres chuyển đổi tổng quát như sau:

- Tính chỉ số giá cá thể của mặt hàng lấy giá;
- Tính chỉ số giá của nhóm mặt hàng cơ sở theo phân tổ VCPC mã 5 số;
- Tính chỉ số giá của các loại phân tổ khác (KH 2 số, VSIC 4 số, SITC 2 số, BPM5 2 số và HS 2 số) trên cơ sở chỉ số giá nhóm - mặt hàng cơ sở theo VCPC 5 số.

Chỉ số giá xuất - nhập khẩu kỳ báo cáo so với kỳ gốc cố định của nhóm mặt hàng cơ sở theo phân tổ VCPC 5 số được tính theo công thức (11.1) như sau:

$$I_{j,t/0} = \frac{\sum_{i=1}^n r_{i,t/t-1} * r_{i,t-1/0}}{n} \quad (12)$$

Trong đó: $I_{j,t/0}$ là chỉ số giá nhóm - mặt hàng cơ sở j theo phân tổ VCPC 5 số kỳ báo cáo t so với kỳ gốc 0 ;

$r_{i,t/t-1}$ là chỉ số giá của mặt hàng lấy giá i kỳ báo cáo so với kỳ trước (tức là so sánh ngắn hạn), và được tính theo công thức:

$$r_{i,t/t-1} = \frac{p_{i,t}}{p_{i,t-1}} * 100 \quad (12.1)$$

Trong đó $p_{i,t}$ là giá mặt hàng i kỳ báo cáo và $p_{i,t-1}$ là giá mặt hàng i kỳ trước.

n là số mặt hàng i tham gia tính chỉ số giá nhóm mặt hàng cơ sở.

Các chỉ số giá nhóm và chỉ số giá chung của các loại phân tổ khác (đã nói ở điểm 1.3 trên đây) so với kỳ gốc cố định được tính từ chỉ số đã tính ở công thức (12) với quyền số cố định tương ứng của nó theo công thức tổng quát sau:

$$I_{g,t/0} = \frac{\sum I_{j,t/0} * W_{j,0}}{\sum W_{j,0}} \quad (13)$$

Trong đó:

$I_{g,t/0}$ là chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu nhóm 'g' hoặc chỉ số chung;

$I_{j,t/0}$ là chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu nhóm - mặt hàng cơ sở j theo phân tổ VCPC mã 5 số đã tính tại công thức (12);

$W_{j,0}$ là quyền số tỷ trọng của nhóm - mặt hàng cơ sở j theo phân tổ VCPC mã 5 số;

Các chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu kỳ báo cáo so với các gốc khác (gốc kỳ trước, cùng kỳ năm trước), hoặc chỉ số giá thời kỳ (6 tháng, 9 tháng, năm) được tính từ chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu có kỳ gốc cố định (năm 2000) theo công thức (10) đã nêu trên.

I.6. CÁC GIAI ĐOẠN TRONG TÍNH TOÁN CHỈ SỐ GIÁ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU CỦA TỔNG CỤC THỐNG KÊ VIỆT NAM:

1.6.1 Chỉ số giá xuất - nhập khẩu được tính trong giai đoạn năm 1991 - 1995 có gốc cơ sở năm 1990 = 100 với quyền số cố định của chỉ số giá xuất khẩu là tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu cả nước các năm 1989 - 1990 và quyền số cố định của chỉ số giá nhập khẩu là tỷ trọng kim ngạch nhập khẩu cả nước các năm 1989-1990 và được tính theo công thức Laspeyres.

Chỉ số giá xuất - nhập khẩu trong giai đoạn này được phân tổ như sau:

Chỉ số giá xuất - nhập khẩu - 1991-1995, cấu trúc theo "Danh mục kế hoạch xuất khẩu, nhập khẩu (KH mã 1 số)" ⁽²⁾

	Chỉ số xuất khẩu		Chỉ số nhập khẩu	
	Gốc 1990=100	Gốc kỳ trước	Gốc 1990=100	Gốc kỳ trước
Chỉ số chung	98,1	96,5	96,4	94,8
A- Hàng tiêu dùng	99,8	99,9	99,1	98,4
1- Lương thực, thực phẩm	100,2	99,6	98,2	97,1
2- Phi L.thực-T.phẩm	98,6	100,9	99,8	99,3
B- Hàng tư liệu sản xuất	96,9	93,9	95,9	94,1
3- Nguyên, nhiên, vật liệu	96,1	93,1	95,0	93,3
4- Máy móc, thiết bị	-	-	102,6	100,3

Đây là phân tổ dùng cho nghiên cứu và lập kế hoạch kinh tế quốc dân.

⁽²⁾ Số liệu của năm 1992, theo niên giám thống kê.

1.6.2. Chỉ số giá xuất - nhập khẩu được tính trong giai đoạn năm 1996 - 2000 có gốc cơ sở năm 1995 = 100, quyền số cố định của chỉ số giá xuất khẩu là tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu các năm 1994 - 1995 và quyền số cố định của chỉ số giá nhập khẩu là tỷ trọng kim ngạch nhập khẩu các năm 1994 - 1995 và áp dụng công thức chỉ số giá Laspeyres để tính toán.

Chỉ số giá xuất - nhập khẩu trong giai đoạn này được phân tổ như sau:

Chỉ số giá xuất - nhập khẩu - 1996-2000, cấu trúc theo

"Danh mục kế hoạch xuất khẩu, nhập khẩu (KH mã 1 số)"⁽³⁾

	Chỉ số xuất khẩu		Chỉ số nhập khẩu	
	Gốc 1995=100	Gốc kỳ trước	Gốc 1995=100	Gốc kỳ trước
Chỉ số chung	100,4	96,6	106,3	98,0
A- Hàng tiêu dùng	103,1	100,4	102,8	97,3
1- Lương thực, thực phẩm	100,5	99,7	102,2	96,5
2- Phi L.thực-T.phẩm	111,4	102,5	103,3	97,8
B- Hàng tư liệu sản xuất	98,2	93,7	107,2	98,2
3- Nguyên, nhiên, vật liệu	99,1	93,9	107,9	97,9
4- Máy móc, thiết bị	98,9	95	108,6	100,3

Số mặt hàng tham gia tính chỉ số giá xuất khẩu khoảng 150 nhóm - mặt hàng và số mặt hàng đại diện điều tra giá khoảng 500 và chỉ số giá nhập khẩu khoảng 186 nhóm - mặt hàng với số mặt hàng đại diện lấy giá khoảng 750 loại.

1.6.3 Chỉ số giá xuất - nhập khẩu được tính trong giai đoạn năm 2001 - 2005 (hiện hành) có gốc cơ sở là năm 2000 = 100. Quyền số cố định của chỉ số giá xuất khẩu là tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu các năm 1998 - 1999 và quyền số cố định của chỉ số giá nhập khẩu là tỷ trọng kim ngạch nhập khẩu các năm 1998 - 1999 được tính công thức chỉ số giá Laspeyres chuyển đổi.

Chỉ số giá xuất - nhập khẩu trong giai đoạn này phản ánh sự biến động giá cả xuất khẩu hoặc giá cả nhập khẩu cho hầu hết các loại hàng hoá xuất - nhập khẩu Việt Nam với nước ngoài (trừ giá cả của hàng viện trợ, hàng tạm nhập tái xuất, hàng xuất khẩu, nhập khẩu với khu chế xuất, hàng triển lãm, hội chợ và hàng phi mậu dịch khác qua biên giới).

⁽³⁾ Số liệu năm 1998, theo niên giám thống kê.

Chỉ số giá xuất - nhập khẩu trong giai đoạn này được phân tổ như sau:

- Phân tổ theo Danh mục công tác kế hoạch (KH),
- Phân tổ theo Danh mục sản phẩm chủ yếu Việt Nam (VCPC - Ver.1.0)
- Phân tổ theo Danh mục hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam (HS - Ver. 1993)
- Phân tổ theo Danh mục thương mại quốc tế (SITC - Ver.2)
- Phân tổ theo Hệ thống ngành kinh tế dân Việt Nam (VISIC - Ver.1993)
- Phân tổ theo Danh mục **Cẩm nang cán cân thanh toán mở rộng lần 5-IMF** (BPM5)

Số mặt hàng tham gia tính chỉ số giá xuất khẩu khoảng 238 nhóm - mặt hàng theo phân tổ của VCPC mã 5 số với số mặt hàng điều tra giá khoảng 2100 và chỉ số giá nhập khẩu khoảng 356 nhóm - mặt hàng cơ sở theo phân tổ của VCPC mã 5 số với số mặt hàng lấy giá khoảng 2350 loại.

II. ỨNG DỤNG CHỈ SỐ GIÁ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU CỦA TỔNG CỤC THỐNG KÊ XÂY DỰNG VÀ CÔNG BỐ HIỆN NAY TRONG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THƯƠNG MẠI

II.1. ỨNG DỤNG TRONG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÁC DOANH NGHIỆP:

II.1.1. Theo đánh giá của các cơ quan quản lý Nhà nước về ứng dụng trong hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp:

A. Của TCTK:

Chỉ số giá xuất - nhập khẩu không những phục vụ cho công tác quản lý của Nhà nước như nêu trên mà còn phục vụ cho lĩnh vực kinh doanh trong các doanh nghiệp, dùng để điều chỉnh các hợp đồng thương mại. Chỉ số giá xuất - nhập khẩu phù hợp nhất cho doanh nghiệp là chỉ số giá của mặt hàng (nhóm - mặt hàng). Nếu như chỉ số giá này được tính kịp thời hàng tháng cho từng mặt hàng chủ yếu thì đó là cơ sở quan sát thị trường tốt nhất trong tác nghiệp kinh doanh của doanh nghiệp. Mặt khác, với những chuỗi chỉ số dài hạn tháng qua tháng, quý qua quý, và năm qua năm thì rất tốt cho công tác nghiên cứu dự báo giá cả trong kinh doanh và kết hợp với một số chỉ tiêu khác như chỉ số giá đầu vào sản xuất trong nước, chỉ số giá thị trường thế giới làm cơ sở cho quyết định chiến lược sản xuất và xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp.

Một số hạn chế trong ứng dụng phục vụ kinh doanh của các doanh nghiệp:

Chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam hiện nay nói chung đã được tính toán phù hợp với thông lệ quốc tế và đã đáp ứng được nhiều nhu cầu sử dụng chỉ số của xã hội - nhà nước - doanh nghiệp - cá nhân, song còn một số bất cập và hạn chế như sau:

- Thời gian tính chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu hiện nay là theo quý. Một năm tính chỉ số 4 lần và được công bố vào tháng đầu tiên của quý sau quý báo cáo. Vì vậy nhiều nhu cầu sử dụng chỉ số tháng (sau tháng báo cáo 5-10 ngày) không thể được đáp ứng. Điều này hạn chế tác dụng của chỉ số. Tuy nhiên để tính được chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu theo tháng cần có một số điều kiện khó được thoả mãn trong hiện trạng cơ chế quản lý nhà nước về thống kê hiện nay cũng như về việc chấp hành pháp luật của các doanh nghiệp trong việc báo cáo số liệu điều tra thống kê. Đồng thời những hạn chế về nhân lực của ngành Thống kê về điều tra thống kê cấp cơ sở (tỉnh, doanh nghiệp) làm cho điều tra giá theo tháng khó thực hiện. Nếu điều này giải quyết được thì sẽ nâng cao tác dụng của chỉ số. Song một điều có thể khắc phục được là lựa chọn một số mặt hàng xuất khẩu và một số mặt hàng nhập khẩu chủ lực để tính chỉ số giá tháng nhằm phục vụ kịp thời tác nghiệp chỉ đạo kinh doanh và quản lý kinh tế của doanh nghiệp và của Nhà nước.

- Chỉ số giá xuất - nhập khẩu hiện nay chỉ tính chung cho cả nước, trong đó bao gồm tất cả các thị trường xuất - nhập khẩu đại diện, chưa tính chỉ số giá cho một số thị trường chủ yếu. Đây cũng là một hạn chế lớn về ứng dụng của chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu. Điều này cũng cần được nghiên cứu để có thể tiến hành tính các chỉ số giá theo thị trường (nước, hoặc khu vực). Hạn chế này cũng xuất phát từ việc thiếu nhân lực thống kê và thiếu kinh phí để thực hiện mục tiêu này.

B. Của Trung tâm Thông tin Thương mại, Bộ Công Thương:

Trung tâm Thông tin Thương mại cho rằng việc theo dõi, thu thập một cách hệ thống và ứng dụng chỉ số giá XNK được công bố hiện nay của TCTK tại các doanh nghiệp kinh doanh Thương mại; đặc biệt là kinh doanh ngoại thương hiện nay ở Việt nam trong tác nghiệp kinh doanh và trong nghiên cứu đầu tư, chuyển đổi mặt hàng kinh doanh là còn hạn chế.

Đây là đánh giá dựa trên thực tế theo dõi hoạt động của các doanh nghiệp kinh doanh ngoại thương từ nhiều năm nay và điều này cũng phù hợp với kết quả tổng hợp từ phiếu điều tra về vấn đề này trong điều tra ý kiến gửi các doanh nghiệp.

II.1.2. Theo kết quả điều tra từ các doanh nghiệp.

- Chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu được cập nhật thường xuyên, nhanh chóng là cơ sở quan trọng, rất cần thiết để các doanh nghiệp làm căn cứ tham khảo trong quá trình xây dựng phương án giá chào hàng xuất khẩu cũng như phương án đàm phán giá nhập khẩu.

- Chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu được xây dựng theo từng thị trường/nguồn hàng đối với các nhóm hàng/mặt hàng giúp các doanh nghiệp có thể xác định thêm thị trường tiềm năng hay nguồn hàng nhập khẩu mới.

- Với cơ sở dữ liệu về chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu được xây dựng có tính hệ thống cao, đầy đủ và được cập nhật thường xuyên, các doanh nghiệp có thể tham khảo, từ đó lựa chọn thêm được mặt hàng mới để kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu mang lại hiệu quả cao; đầu tư mới, phát triển sản xuất kinh doanh để tranh thủ thời điểm nhu cầu cao...

Mặc dù có những nhu cầu hết sức thiết thực trên nhưng hệ thống chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu do Tổng cục Thống kê hiện nay chỉ giới hạn đối với một nhóm các mặt hàng lớn và thời gian công bố lại khá dài (1 lần/1 quý) nên chưa đáp ứng được nhu cầu của các doanh nghiệp kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu về tính chi tiết, cập nhật.

Kết quả khảo sát bằng phiếu điều tra gửi tới các doanh nghiệp và các cơ quan quản lý Nhà nước về thương mại nhằm tìm hiểu về các tiêu chí (nội dung) mới, cụ thể, cần bổ sung thêm để phục vụ hoạt động kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu, quản lý Nhà nước và các ứng dụng của các tiêu chí đó trong tác nghiệp, cho thấy các doanh nghiệp có nhu cầu bổ sung thêm một số tiêu chí đối với chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu, cụ thể được tập hợp trong bảng dưới:

STT	Tiêu chí bổ sung	Nhu cầu		
		Rất cần thiết	Cần thiết	Không cần thiết
1.	Hàng hóa xuất khẩu/nhập khẩu chia rõ theo quy cách, phẩm cấp chi tiết theo nhóm hàng/mặt hàng trong hệ thống mã HSVN	90%	10%	-
2.	Thị trường xuất khẩu/Nguồn hàng nhập khẩu	31%	45%	24%
3.	Thời gian công bố trong vòng 1 tháng (1 - 2 lần/tháng)	65%	27%	8%

II.2 ỨNG DỤNG TRONG QUẢN LÝ KINH TẾ VĨ MÔ:

II.2.1. Theo đánh giá của các cơ quan quản lý Nhà nước về ứng dụng trong quản lý kinh tế vĩ mô:

A. Của TCTK

Chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá Việt Nam phục vụ cho việc đánh giá kết quả hoạt động xuất khẩu hoặc nhập khẩu của cả nước trong một thời kỳ nào đó, thường là quý, hoặc 6 tháng, hoặc 9 tháng hoặc năm so với kỳ trước hoặc cùng kỳ năm trước hoặc một thời kỳ nào đó, thường là theo các chỉ tiêu kế hoạch 5 năm của Nhà nước về xuất khẩu, nhập khẩu.

Ứng dụng này phổ biến thường được dùng để đánh giá tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu trong một thời kỳ về mặt khối lượng. Nói cách khác thực chất đánh giá giá trị khối lượng xuất - nhập khẩu bằng phương pháp loại trừ yếu tố biến động giá cả.

- Chỉ số giá xuất - nhập khẩu vừa phục vụ giảm phát đầu ra và đầu vào của sản xuất trong tính GDP theo phương pháp sản xuất, vừa là giảm phát chênh lệch xuất - nhập khẩu trong tính GDP theo phương pháp sử dụng cuối cùng.

- Chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu là chỉ số tỷ giá hàng hoá xuất - nhập khẩu. Chỉ số tỷ giá hàng hoá xuất - nhập khẩu, mà các nước phát triển thường gọi là ‘Quan hệ thương mại - Term of trading’ tức là quan hệ giá cả giữa giá xuất khẩu và giá nhập khẩu. Quan hệ này là số tương quan giữa biến động của giá cả xuất khẩu so với biến động của giá cả nhập khẩu. Chỉ số này phản ánh lợi thế về giá cả trong công tác xuất khẩu hoặc nhập khẩu.

- Các ứng dụng của chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu trong lĩnh vực tài chính ngân hàng:

Phân tổ hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu theo Danh mục HS cho chỉ số giá xuất nhập là công cụ để quan sát và đánh giá chính sách thuế xuất - nhập khẩu hàng hoá trong từng giai đoạn. Đồng thời nó là căn cứ tốt nhất để điều chỉnh thuế suất của một số mặt hàng thật linh động để tăng thêm nguồn thu cho nhà nước khi hàng xuất khẩu lợi thế về giá hoặc hàng nhập khẩu lợi thế về giá.

Việc phân tích này cũng cần phải kết hợp với một số chỉ số giá nội địa như giá bán buôn, giá đầu ra sản xuất và ảnh hưởng của giá cả xuất - nhập khẩu hàng hoá tới giá cả thị trường nội địa về sản xuất và tiêu dùng để phân tích cẩn thận hơn.

Hiện nay ứng dụng chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu nhiều nhất ở Việt Nam là các tổ chức tiền tệ thế giới đóng tại Việt Nam mà điển hình là Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF),... Theo IMF thì chỉ số giá xuất - nhập khẩu không thể thiếu được trong công tác quản lý của Quỹ tiền tệ quốc tế.

Chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu được ứng dụng triệt để trong công tác chính sách ngân hàng về tiền tệ và tỷ giá hối đoái. Những chỉ số giá chung, các chỉ số giá nhóm theo các phân tổ khác nhau như SITC, HS, VSIC, .v.v. sẽ thoả mãn nhiều mục đích nghiên cứu của ngân hàng nhất là Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, cơ quan quản lý hành chính về mặt công tác ngân hàng của Nhà nước. Ngoài ra một ứng dụng cực kỳ quan trọng của ngân hàng đối với chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu đó là ‘Tỷ giá thực tế hàng xuất khẩu’ và ‘Tỷ giá thực tế hàng nhập khẩu’ sẽ được nêu tại điểm 1.6 dưới đây.

Và một số ứng dụng trong quản lý tài chính, ngân hàng, tiền tệ khác nữa.

B. Của Trung tâm Thông tin Thương mại, Bộ Công Thương:

Do chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu của TCTK hiện nay công bố chậm nên trong điều hành, quản lý Nhà nước về xuất khẩu, nhập khẩu và điều hành Thị trường trong nước chưa sử dụng được các kết quả công bố của TCTK.

Các kết quả tính toán hiện nay đang được sử dụng thường xuyên trong điều hành xuất khẩu, nhập khẩu là số liệu tổng về lượng kim ngạch tăng lên hay giảm đi do giá tăng hay giảm tính chung cho 1 số nhóm - mặt hàng xuất khẩu, nhập khẩu, do 2 cơ quan thuộc Bộ Công Thương (trước kia là Bộ Thương mại) tính toán riêng rẽ, độc lập, và là số liệu không chính thức, sử dụng trong phạm vi hẹp.

III. NHU CẦU THỰC TẾ VỀ CHỈ SỐ GIÁ PHỤC VỤ KINH DOANH VÀ ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THƯƠNG MẠI

Kết quả khảo sát bằng phiếu điều tra gửi tới các doanh nghiệp và các cơ quan quản lý Nhà nước về thương mại nhằm tìm hiểu về các tiêu chí (nội dung) mới, cụ thể, cần có phục vụ công việc và các ứng dụng của các tiêu chí đó trong tác nghiệp, cho thấy:

Kết quả khảo sát bằng phiếu điều tra gửi tới các doanh nghiệp và các cơ quan quản lý Nhà nước về thương mại nhằm tìm hiểu về các tiêu chí (nội dung) mới, cụ thể, cần bổ sung thêm để phục vụ hoạt động kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu, quản lý Nhà nước và các ứng dụng của các tiêu chí đó trong tác nghiệp, cho thấy:

III.1. ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KINH DOANH XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU CỦA CÁC DOANH NGHIỆP:

Tập hợp từ hơn 2.000 phiếu điều tra gửi tới các doanh nghiệp hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, kinh doanh trong lĩnh vực Nông sản; Thủy hải sản; Dệt may; Da giày; Nhựa - Hóa chất - Phân bón; Dược phẩm và Trang thiết bị y tế; Điện tử - máy tính; Thép... cho thấy một số vấn đề sau:

III.1.1. Các tiêu chí cụ thể, bổ sung về chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu cần thiết cho quá trình kinh doanh:

Mức độ phổ biến của hệ thống chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu mà Tổng cục Thống kê xây dựng và công bố hiện nay là chưa cao. Có tới 63% số doanh nghiệp được hỏi không biết đến hoặc biết không đầy đủ về số liệu thống kê này. Đồng thời, do đặc thù kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu bó hẹp trong một số ngành nghề nhất định nên chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu hiện nay, vốn chỉ giới hạn đối với một nhóm ngành hàng quan trọng của nền kinh tế quốc dân, không phục vụ được thiết thực cho hoạt động kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu đa dạng của doanh nghiệp.

Mặt khác, hoạt động kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu hiện nay diễn ra trong bối cảnh hội nhập, toàn cầu hóa nên việc nhanh chóng nắm được thông tin là đòi hỏi tiên quyết. Việc có được thông tin về chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu đối với các nhóm hàng/mặt hàng một cách nhanh chóng, kịp thời với tần suất từ 1 - 2 lần/tháng là nhu cầu mà phần lớn các doanh nghiệp được điều tra đòi hỏi từ phía các cơ quan Nhà nước chức năng.

Các doanh nghiệp có nhu cầu bổ sung thêm một số tiêu chí đối với chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu, cụ thể được tập hợp trong bảng dưới:

STT	Tiêu chí bổ sung	Nhu cầu		
		Rất cần thiết	Cần thiết	Không cần thiết
1.	Hàng hóa xuất khẩu/nhập khẩu chia rõ theo quy cách, phẩm cấp chi tiết theo nhóm hàng/mặt hàng trong hệ thống mã HSVN	90%	10%	-
2.	Thị trường xuất khẩu/Nguồn hàng nhập khẩu	31%	45%	24%
3.	Thời gian công bố trong vòng 1 tháng (1 - 2 lần/tháng)	65%	27%	8%

III.1.2. Các công đoạn trong quy trình kinh doanh cần nắm trước được các tiêu chí bổ sung về chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu:

Cụ thể yêu cầu được tập hợp trong bảng dưới:

STT	Các công đoạn trong quá trình kinh doanh cần tham khảo chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu	Nhu cầu (%)		
		Rất cần thiết	Cần thiết	Không cần thiết
1.	Xây dựng giá chào hàng xuất khẩu/xây dựng phương án giá nhập khẩu	85%	15%	-
2.	Tìm kiếm thị trường mới/nguồn hàng mới	76%	22%	2%
3.	Cải tiến, nâng cấp sản phẩm đang kinh doanh	34%	55%	11%
4.	Lựa chọn mặt hàng mới để kinh doanh	62%	37%	1%
5.	Đầu tư mới, phát triển sản xuất kinh doanh	75%	23%	2%

III.1.3. Tần suất cung cấp:

Đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xuất khẩu, nhập khẩu, kinh doanh thì nhu cầu phải nắm bắt được thông tin về chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa nhanh chóng, kịp thời là rất cần thiết.

Tổng hợp nhu cầu đối với tần suất cung cấp chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu thương mại từ phía các doanh nghiệp như sau:

- 1 - 2 lần/1 tháng: 63%
- 1 lần/1 quý: 27%
- 1 lần/6 tháng: 8%
- 1 lần/1 năm: 2%

III.2. ĐỐI VỚI ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THƯƠNG MẠI:

III.2.1. Các tiêu chí cụ thể, cần có:

Theo khảo sát điều tra, hiện nay các cơ quan quản lý Nhà nước trực thuộc Bộ Công Thương rất có nhu cầu sử dụng chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu để đánh giá kỹ hơn về hiệu quả xuất khẩu cũng như nhập khẩu để tiến hành các biện pháp cân đối.

Tuy nhiên, do chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu của Tổng cục Thống kê ban hành khá muộn, một số trường hợp là tháng 6 năm sau các cơ quan của Bộ Công Thương mới nhận được số liệu của năm trước nên hiệu quả trong áp dụng hệ thống số liệu này vào thực tế là không cao. Từ thực tế trên, đã xuất hiện tình trạng tự tính toán chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu đối với một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực, nhập khẩu thiết yếu nhưng phương pháp thực hiện, dù nhanh chóng, vẫn không tránh khỏi nhiều thiếu sót do thiếu nhiều biến số.

Yêu cầu của các cơ quan quản lý Nhà nước về thương mại đối với hệ thống chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu thương mại được hệ thống trong bảng sau:

STT	Tiêu chí bổ sung	Nhu cầu		
		Rất cần thiết	Cần thiết	Không cần thiết
1.	Hàng hóa xuất khẩu/nhập khẩu chia rõ theo nhóm hàng/mặt hàng trong hệ thống mã HSVN	82%	18%	-
2.	Chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu phân chia theo Thị trường xuất khẩu/Nguồn hàng nhập khẩu	62%	31%	7%
3.	Thời gian công bố: 1 - 2 lần/tháng	36%	70%	4%

III.2.2. Tần suất cần có

Nhu cầu từ phía các cơ quan quản lý Nhà nước đối với tần suất công bố chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu thương mại là 1 lần/1 tháng, do phát sinh từ góc độ quản lý Nhà nước là cần phải có đánh giá tổng quan, mang tính hệ thống cao.

Để phục vụ hiệu quả hơn cho công tác quản lý Nhà nước về thương mại, yêu cầu hệ thống chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu đầy đủ đối với từng nhóm hàng/mặt hàng phải được công bố đều đặn 1 lần/tháng.

KẾT LUẬN:

Qua phân tích chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu do Tổng cục Thống kê Việt Nam xây dựng và công bố hiện nay và tổng hợp các ý kiến từ các đơn vị được tham khảo qua điều tra; thấy rằng có một số đặc điểm cơ bản sau:

- Các bước xây dựng, tính toán là khoa học, đầy đủ, hoàn chính.
- Cách điều tra, thu thập giá, phân tổ hàng hóa phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của ngành Thống kê quốc gia.
- Tần suất công bố chậm.
- Chưa được đồng đảo các doanh nghiệp sử dụng trong kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu.

Kết quả tổng hợp ý kiến điều tra các doanh nghiệp có các nội dung cơ bản sau:

- Cần thiết xây dựng và công bố chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu có tính thương mại cao, phục vụ đồng đảo các doanh nghiệp kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu.

- Việc chi tiết, cụ thể hơn các thông số về quy cách, phẩm cấp các mặt hàng đại diện lấy giá là rất cần thiết nhưng là một công việc lớn, nhiều khó khăn phức tạp và cần có kinh phí phù hợp, tương xứng.

- Mở rộng số lượng các mặt hàng đại diện lấy giá, chú ý đến các mặt hàng có biến động nhiều về giá.

- Công bố nhanh và chi tiết hơn.

IV. KHÁI NIỆM VỀ CHỈ SỐ GIÁ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU PHỤC VỤ TRỰC TIẾP HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CÁC DOANH NGHIỆP VÀ ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THƯƠNG MẠI (CHỈ SỐ GIÁ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU THƯƠNG MẠI)

IV.1. KHÁI NIỆM CHỈ SỐ GIÁ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU THƯƠNG MẠI:

Trên cơ sở một số luận điểm cơ bản hình thành chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu có tính thương mại cao trong giai đoạn mới hiện nay được trình bày ở chương I và phân tích thực trạng ứng dụng Hệ thống chỉ số giá của Tổng cục Thống kê hiện nay cũng như yêu cầu mới trong sử dụng chỉ số giá của các đối tượng; được trình bày ở chương II, rút ra khái niệm về chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu như sau:

Chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu thương mại là chỉ số phản ánh sự biến động giá cả hàng hoá xuất khẩu, giá cả hàng hoá nhập khẩu nói chung và những chỉ số phản ánh sự biến động giá cả một số nhóm hàng, mặt hàng cơ bản - thiết yếu của nền kinh tế; một số nhóm hàng, chủng loại mặt hàng (sau đây gọi tắt là nhóm - mặt hàng) xuất khẩu, nhập khẩu cụ thể được tính toán và công bố hàng tháng; theo yêu cầu của công tác điều hành quản lý Nhà nước và phục vụ định hướng, tác nghiệp, phát triển kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu của các doanh nghiệp.

IV.2. MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM CỦA CHỈ SỐ GIÁ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU THƯƠNG MẠI

- Tính thời sự, linh hoạt;
- Tính mở và chọn lọc.
- Chuyên ngành, cụ thể.

CHƯƠNG III:

MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG CƠ BẢN VỀ XÂY DỰNG VÀ CÔNG BỐ CHỈ SỐ GIÁ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THƯƠNG MẠI

I. MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG CƠ BẢN VỀ XÂY DỰNG CHỈ SỐ GIÁ

I.1. MỤC ĐÍCH XÂY DỰNG CHỈ SỐ GIÁ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU THƯƠNG MẠI

Mục đích của xây dựng chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu thương mại là tính ra được chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu mang tính phân tích thương mại cao. Đó là chỉ số giá hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu có các mặt hàng đại diện lấy giá để tính chỉ số giá được xây dựng theo yêu cầu cụ thể, hàng năm của công tác điều hành, quản lý Nhà nước về Thương mại nhằm trước hết là phát triển xuất khẩu; quản lý và điều hành nhập khẩu; điều hành thị trường trong nước và là cơ sở tham khảo tin cậy cho các ngành kinh tế khác, và cho tính toán chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu quốc gia. Chỉ số giá cũng phục vụ cho nhiều mục đích khác như: nghiên cứu đầu tư, phát triển kinh doanh cũng như tác nghiệp kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu của nhiều loại hình và quy mô doanh nghiệp

I.2. VỀ CẤU TRÚC CHỈ SỐ GIÁ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU

- Phân tổ theo danh mục HS của hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu.

- Danh mục chỉ số giá hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu phân loại theo hàng hoá xuất khẩu chủ lực, hàng nhập khẩu thiết yếu cơ bản do cơ quan quản lý Nhà nước về Thương mại và liên quan đưa ra cuối mỗi năm và theo một số yêu cầu khác nhằm phát triển thương mại, đặc biệt là phát triển xuất khẩu, quản lý hoạt động nhập khẩu đáp ứng các yêu cầu kinh tế, xã hội trong nước.

I.3. DÀN MẪU TỔNG THỂ VÀ DÀN MẪU ĐẠI DIỆN

Dàn mẫu tổng thể tính chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu Thương mại sẽ là:

- Một danh sách hoàn chỉnh nhóm hàng và mặt hàng xuất khẩu, nhập khẩu có đủ một số tiêu chí thương mại cơ bản của từng hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu, giá trị kim ngạch xuất và nhập khẩu của từng loại hàng hoá đó trong tháng.

- Được điều chỉnh bổ sung nhanh, thường xuyên đối với các nhóm hàng, mặt hàng theo hướng:

+ Các mặt hàng (mẫu) có giá và lượng xuất khẩu, nhập khẩu ít thay đổi hoặc giảm mạnh về lượng sẽ được nhóm lại hoặc đưa ra khỏi dàn mẫu;

+ Các mặt hàng (mẫu) mới xuất hiện và các mặt hàng có sự thay đổi lớn về giá thuộc các mặt hàng cần quan tâm về giá và lượng XNK sẽ được đưa vào dàn mẫu tổng thể.

- Dàn mẫu tổng thể luôn luôn phải được giữ nguyên một vài chỉ tiêu cơ bản nhất định phục vụ cho lập dàn mẫu điều tra giá.

- Tiêu chí thương mại cơ bản của mỗi mặt hàng xuất khẩu, nhập khẩu trong phạm vi đề tài này gồm: tên hàng cụ thể, chi tiết; quy cách, phẩm cấp; đơn vị tính; đơn giá tính theo USD; khối lượng hàng; kim ngạch; thị trường xuất hoặc nhập khẩu. Các tiêu chí này có thể được mở rộng hoặc thay đổi tùy theo yêu cầu của công tác điều hành, quản lý Nhà nước về Thương mại mỗi năm.

Đối với giá xuất khẩu, nhập khẩu, có hai dàn mẫu tổng thể. Đó là danh sách đầy đủ về các mặt hàng xuất khẩu, nhập khẩu và danh sách đầy đủ về các doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu. Trong giai đoạn phát triển kinh doanh Thương mại, hội nhập kinh tế quốc tế mạnh mẽ như hiện nay số lượng các doanh nghiệp kinh doanh ngoại thương tăng lên và thay đổi nhanh chóng; các doanh nghiệp cũng chuyển đổi mặt hàng kinh doanh nhanh chóng; quy mô, hình thức... của các doanh nghiệp cũng dễ thay đổi. Vì vậy, danh sách đầy đủ về các mặt hàng xuất khẩu, nhập khẩu sẽ là dàn mẫu cơ bản. Trong dàn mẫu tổng thể thứ 2 - danh sách đầy đủ về các doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu - chỉ tiêu cơ bản là: kim ngạch mặt hàng; tốc độ tăng trưởng kim ngạch mặt hàng (tổng kim ngạch các mặt hàng); ngành hoạt động chính, doanh thu hàng năm. Các chỉ tiêu miêu tả khác cũng cần phải gắn liền theo là địa chỉ, hình thức sở hữu, số lao động, vốn .v.v. Cần xác định các đơn vị không lặp nhau.

Như vậy trong thiết kế cuộc điều tra giá xuất khẩu, nhập khẩu cần thiết phải có các **dàn mẫu tổng thể** như:

(a) - **Dàn mẫu tổng thể về mặt hàng xuất khẩu** của cả nước theo Danh mục hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam (HS) mã 8 số.

(b) - **Dàn mẫu tổng thể về mặt hàng nhập khẩu** của cả nước theo Danh mục hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam (HS) mã 8 số.

(c) - **Dàn mẫu tổng thể về các doanh nghiệp Việt Nam có chức năng kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu trực tiếp;**⁽⁴⁾

và các dàn mẫu đại diện cần được chọn:

(a') - **Mẫu mặt hàng đại diện lấy giá xuất khẩu** kèm theo (nằm trong) mẫu nhóm - mặt hàng cơ sở đại diện (theo HS mã 6 số và 8 số đối với 1 số mặt hàng cần quan tâm);

(b') - **Mẫu mặt hàng đại diện lấy giá nhập khẩu** kèm theo (nằm trong) mẫu nhóm - mặt hàng cơ sở đại diện (theo HS mã 6 số và 8 số đối với 1 số mặt hàng cần quan tâm);

(c') - **Danh sách mẫu các nhà xuất khẩu và nhà nhập khẩu đại diện có xuất - nhập khẩu các mặt hàng đại diện.**

1.3.1. Các phương pháp chọn mẫu được áp dụng cho chọn mẫu điều tra giá xuất khẩu, nhập khẩu:

- Chọn mẫu là rút ra những mẫu đại diện từ trong một dàn mẫu tổng thể bằng các phương pháp chọn mẫu, để hình thành một dàn mẫu đại diện cho một tổng thể mẫu giá xuất khẩu, nhập khẩu.

Để chọn được những dàn mẫu này, các nhà thống kê có thể sử dụng phương pháp chọn mẫu xác suất hoặc phương pháp chọn mẫu không xác suất (chọn mẫu điều chỉnh).

⁽⁴⁾ Quy định về quyền kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu của thương nhân đã được mở rất rộng (theo Nghị định 12/2006/NĐ-CP)

Phương pháp chọn mẫu xác suất:

Là rút ra một dàn mẫu đại diện bằng phương pháp chọn ngẫu nhiên theo kỹ thuật có tính khoa học riêng của nó từ trong một tổng thể mẫu.

Phương pháp này có những ưu điểm cơ bản:

Một là: đảm bảo các mẫu được chọn (mẫu đơn vị và mẫu mặt hàng đại diện) công bằng, khách quan, không có ý chủ quan thiên vị. Trong thực tế, một số mặt hàng đơn giản thì dễ thu thập giá cả, nhưng một số mặt hàng có chất lượng phức tạp thì rất khó khăn trong việc thu thập giá. Ví dụ, mặt hàng có kỹ thuật công nghệ cao như điện tử dân dụng... Nếu sử dụng phương pháp chọn mẫu xác suất sẽ có cơ hội lựa chọn như nhau và không bị bỏ sót hoặc không bị cục bộ. Mặt khác, những mẫu có độ lớn (cỡ) mẫu khác nhau cũng có những cơ hội lựa chọn công bằng, không bị thiên vị nhiều về cỡ mẫu.

Hai là: chọn mẫu xác suất cho phép đánh giá được chất lượng của cuộc điều tra thông qua tính toán hệ số sai số chọn mẫu. Chất lượng của kết quả điều tra trong trường hợp này (chọn mẫu xác suất) liên quan tới tỷ lệ số mẫu được quan sát trong kỳ điều tra so với số mẫu điều tra được chọn và so với số mẫu tổng thể hiện có trong danh mục HS. Chọn mẫu xác suất cho phép loại trừ được yếu tố phi chọn mẫu, tính được sai số có thể tăng lên hoặc giảm xuống qua quá trình điều tra để đánh giá chất lượng chỉ số, có đảm bảo độ tin cậy để sử dụng hay không và từ đó có quyết định chọn lại dàn mẫu điều tra. Nhờ vậy chúng ta có thể luôn luôn loại trừ được những mẫu không mang tính đại diện trong điều tra giá cả.

Chọn mẫu xác suất có thể sử dụng được ở tất cả các giai đoạn (các bước) của quá trình lựa chọn. Ví dụ, những mẫu đơn vị nhà xuất khẩu được chọn là mẫu ngẫu nhiên trong danh sách đầy đủ những nhà xuất khẩu.

Phương pháp chọn mẫu điều chỉnh (không xác suất) ⁽⁵⁾

Là rút ra một dàn mẫu đại diện bằng phương pháp chọn theo độ lớn cỡ mẫu với một tỷ lệ số mẫu nhất định trong dàn mẫu tổng thể. Phương pháp này có hạn chế là các mẫu không có cơ hội được lựa chọn như nhau, những mẫu có cỡ nhỏ dễ bị bỏ sót, những mặt hàng dễ thu thập giá sẽ luôn luôn được

⁽⁵⁾ Chọn mẫu không xác suất, thường thường người ta hay gọi là chọn mẫu điều chỉnh. Có nơi người ta gọi là "Chọn mẫu chủ đích", có nơi gọi là "Chọn mẫu số lớn"... Song nói chung đều do ý định của con người đặt ra một số tiêu chí cho là "Đại diện" để xét các mẫu thoả mãn điều kiện đó, rút ra làm mẫu đại diện.

chọn, làm cho dàn mẫu chọn ra không mang tính khách quan và như vậy dẫn đến kết quả chỉ số dễ bị sai lệch.

- Dàn mẫu điều tra giá trong tính chỉ số giá Thương mại được thiết kế đối với dàn mẫu mặt hàng đại diện, áp dụng phương pháp chọn mẫu chủ định; đối với dàn mẫu doanh nghiệp đại diện, áp dụng trong phạm vi tối đa phương pháp chọn mẫu xác suất khi điều tra giá từ các doanh nghiệp.

Trong thống kê giá, chọn mẫu xác suất hay chọn mẫu chủ định thông thường phải chọn hai loại mẫu: "Mẫu mặt hàng đại diện điều tra lấy giá" và "Mẫu đơn vị điều tra" (Nhà xuất khẩu và nhà nhập khẩu đại diện).

Để chọn được hai loại mẫu này cần áp dụng phương pháp chọn mẫu hai giai đoạn, gồm:

Giai đoạn 1: chọn dàn mẫu mặt hàng đại diện và "Mẫu mặt hàng đại diện điều tra lấy giá"

Giai đoạn 2: "Mẫu đơn vị đại diện điều tra lấy giá"

Để xác định đâu là giai đoạn một, đâu là giai đoạn hai, người ta hầu hết căn cứ vào mục đích chủ yếu hay duy nhất của cuộc điều tra giá xuất khẩu, nhập khẩu (vì chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu sử dụng cho nhiều mục đích). Nếu điều tra giá cho tính chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu phục vụ giám sát đầu ra hoặc đầu vào của nền sản xuất thì giai đoạn một là chọn các đơn vị điều tra đại diện trong một ngành kinh tế (theo mã 4 số của hệ thống ngành kinh tế quốc dân); giai đoạn hai là chọn mặt hàng đại diện của các đơn vị đại diện đó. Nếu là điều tra giá cho tính chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu cho phân tích đánh giá các hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, cho phân tích giám sát các chính sách kinh tế xuất khẩu, nhập khẩu (chính sách thuế, chính sách xuất khẩu, nhập khẩu, tiền tệ, ngân hàng, ngoại hối, cán cân thanh toán...) và tính GDP thì giai đoạn một là chọn mặt hàng đại diện điều tra giá dựa trên phân tổ HS và giai đoạn hai là chọn điểm điều tra dựa trên phân tổ VSIC có xuất hoặc nhập mặt hàng đó.

Ví dụ ở Anh hoặc ở Singapo, giai đoạn một chọn các nhà xuất - nhập khẩu được sắp xếp theo mã 4 số của "Danh mục ngành kinh tế quốc tế (ISIC)"; giai đoạn hai là chọn các sản phẩm đại diện do các nhà xuất - nhập khẩu đã xuất hoặc nhập khẩu các mặt hàng đại diện và xếp theo "Danh mục sản phẩm trung tâm CPC"

Trong phạm vi đề tài này như đã nêu ở trên, mục đích của điều tra giá xuất khẩu, nhập khẩu là tính chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu Thương mại: là

những chỉ số phản ánh sự biến động giá cả các mặt hàng xuất khẩu, nhập khẩu trên phạm vi cả nước, phục vụ điều hành, quản lí Nhà nước và định hướng kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu. Chỉ số giá cũng phục vụ cho nhiều mục đích khác như: nghiên cứu đầu tư, phát triển, cũng như tác nghiệp kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp. Vì vậy, phương pháp chọn mẫu được áp dụng là chọn mẫu chủ định, kết hợp chọn mẫu theo xác suất. Giai đoạn chọn mẫu áp dụng chọn mẫu hai giai đoạn. Giai đoạn một là chọn mặt hàng (chủng loại mặt hàng) và nhóm - mặt hàng đại diện, theo chủ định và giai đoạn hai là chọn mẫu đơn vị xuất khẩu hoặc nhập khẩu có mẫu tương ứng của mẫu mặt hàng được chọn chủ định có kim ngạch và/hoặc mức thay đổi kim ngạch lớn nhất. Những đơn vị này được chọn theo xác suất.

1.3.2. Các mẫu đại diện cụ thể

A. Mẫu mặt hàng đại diện lấy giá xuất khẩu và nhập khẩu

Hai dàn mẫu tổng thể lý tưởng nhất để chọn được hai dàn mẫu đại diện nêu trên hiện nay có thể được đáp ứng (tuy chưa hoàn hảo) là cơ sở dữ liệu thống kê hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu của Tổng cục Hải quan hiện nay. Trong dàn mẫu tổng thể này, bao gồm một số tiêu thức cơ bản sau đây:

- Tên mặt hàng cụ thể đã ghi trong tờ khai hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp;
- Quy cách, phẩm cấp cụ thể của mặt hàng (hiện nay chưa được ghi cụ thể và đầy đủ)
- Mã số HS 8 số của mặt hàng (theo danh mục hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam);
- Đơn vị đo lường khối lượng (Kg, Tấn,...);
- Đơn giá tính theo (hoặc quy đổi ra) USD
- Nước đến (hàng xuất) hoặc từ nước (hàng nhập);
- Số lượng hàng hoá xuất, nhập khẩu;
- Giá trị kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu;
- Tên doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu;

- Địa chỉ doanh nghiệp xuất nhập khẩu;

B. Mẫu doanh nghiệp đại diện lấy giá xuất khẩu và nhập khẩu

Hai dàn mẫu tổng thể về đơn vị điều tra (đơn vị xuất và nhập khẩu) gồm các chỉ tiêu:

- Tên doanh nghiệp.
- Địa chỉ giao dịch cụ thể.
- Chức năng kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu.
- Mặt hàng xuất hoặc nhập khẩu quan tâm, cần điều tra giá.

Dàn mẫu này có thể thu được từ cơ quan thuế xuất khẩu, nhập khẩu (Tổng cục Hải quan) hoặc từ Tổng cục Thống kê.

1.3.3. Nguyên tắc thiết kế dàn mẫu

Thiết kế những dàn mẫu tổng thể trong tính toán CSG XNK Thương mại cũng đảm bảo nguyên tắc, tổng kim ngạch xuất khẩu hoặc nhập khẩu của dàn mẫu tổng thể phải bằng hoặc có sai số trong phạm vi cho phép so với kim ngạch xuất khẩu hoặc nhập khẩu mặt dịch đã được công bố (theo số liệu công bố hàng tháng của Tổng cục Hải quan).

Trong dàn mẫu đại diện hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu này được tính toán thêm một tiêu thức nữa là tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu hoặc nhập khẩu của từng mặt hàng mã 6, mã 8 số so với tổng kim ngạch chung của mặt hàng. Một dàn mẫu như vậy là một dàn mẫu cố gắng thoả mãn cho chọn mẫu đại diện và còn lại là chọn phương pháp lựa chọn mẫu đại diện: chọn xác suất, chọn chủ định hay kết hợp.

1.3.4. Lựa chọn mẫu (cách chọn mẫu sau khi thiết kế xong dàn mẫu tổng thể)

Đối với chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu thương mại, phương pháp chọn mẫu là chọn mẫu chủ định kết hợp xác suất và tiến hành qua hai giai đoạn sau:

- Lựa chọn nhóm - mặt hàng cơ sở và mặt hàng lấy giá đại diện theo chọn chủ định;

- Lựa chọn mẫu doanh nghiệp (các đơn vị xuất khẩu, nhập khẩu) đại diện theo chọn xác suất.

A. Lựa chọn mẫu nhóm - mặt hàng cơ sở và mặt hàng thu thập giá:

Nhóm - mặt hàng cơ sở là nhóm hàng hoặc mặt hàng chung có khả năng mang một quyền số nhất định (quyền số là giá trị kim ngạch hoặc tỷ trọng về giá trị kim ngạch xuất khẩu (đối với mặt hàng xuất khẩu) hoặc kim ngạch nhập khẩu (đối với mặt hàng nhập khẩu) ở thời kỳ gốc khi thiết kế dàn mẫu điều tra.

Định hướng xây dựng nhóm - mặt hàng cơ sở trong đề tài là chú ý chọn các mặt hàng có biến động nhanh về kim ngạch, trong đó có mặt hàng mới có kim ngạch tăng nhanh, các mặt hàng phổ biến, kết hợp với các tiêu chí truyền thống.

Ví dụ sau đây là một số nhóm - mặt hàng cơ sở đã chọn theo Danh mục sản phẩm trung tâm (VCPC) mã 5 số cho chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu giai đoạn năm 2001 - 2005:

STT	Nhóm - mặt hàng cơ sở	Mã VCPC 5 số	Quyền số tỷ trọng (%)
1	Ngô	01120	0,01
2	Gạo lứt	01140	0,01
3	Kê	01160	0,01
4	Sắn lát, cắt khúc	01190	0,19
5	Ngũ cốc khác (củ khác có tinh bột)	01199	0,01
6	Rau lá (kể cả hành tây, hành ta...	01230	0,24
7	Rau củ, rễ và rau dạng khác	01290	0,22
8	Xoài tươi	01313	0,19
9	Chuối tươi	01314	0,16
10	Dừa quả	01315	0,10

STT	Nhóm - mặt hàng cơ sở	Mã VCPC 5 số	Quyền số tỷ trọng (%)
11	Dứa tươi	01316	0,13
12	Mãng cụt tươi	01318	0,05
13	Bưởi tươi	01323	0,10
14	Da hấu tươi	01341	0,18
15	Thanh long tươi	01342	0,21
16	Chôm chôm tươi	01343	0,15
17	Nhãn, vải tươi, khô	01344	0,20
18	Quả tươi khô khác (mít...	01349	0,14
19	Đậu tương	01411	0,11
...		
67	Cá ướp đông, lạnh	21211	1,00
68	Cá khô, muối	21212	0,07
69	Cá hộp, cá tẩm gia vị	21213	0,01
70	Nước mắm	21220	0,01
71	Tôm đông, lạnh	21231	4,02
72	Tôm, ruốc khô, ngâm muối	21232	0,02
...		
228	Máy bóc, tách, cưa kim loại	44211	0,38
229	Tủ lạnh và các máy lạnh gia đình	44811	0,03
230	Hộp khuôn đúc nhựa	44925	0,06
231	Tụ điện, cuộn cảm các loại	47110	1,10
232	Đèn và ống điện tử gồm cả đèn chân không	47140	1,60
233	Loa, micro và giá đỡ của nó	47331	0,06
234	Xe khách, và công cộng (từ trên 12)	49112	0,14
235	Xe ô tô tải các loại (cả xe lạnh	49116	0,06
236	Vận tải khác	49300	0,09
237	Xe không tự hành khác (xe đẩy)	49930	0,10
238	Phụ tùng xe gắn máy	49941	0,13

Mặt hàng lấy giá trong điều tra giá xuất khẩu hoặc giá nhập khẩu là mặt hàng gắn liền các điều kiện giá cả của nó như khi hai bên ký kết hợp đồng xuất khẩu hoặc nhập khẩu. Ví dụ sau đây là mô tả mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam khi điều tra giá và tính chỉ số giá:

- Tên mặt hàng: Gạo tẻ
- Quy cách, phẩm cấp: Hạt dài, tẩy bóng, độ tẩm 5%, độ ẩm đạt tiêu chuẩn
- Đóng gói: Bao ny lon hai lớp, trọng lượng tịnh 50kg
- DN xuất khẩu: Cty Lương thực chế biến Cần Thơ (MS: 5401)
- Nước tới: Canada
- Điều kiện giao hàng: FOB Việt Nam.
- Điều kiện thanh toán: L/C

Tất cả các tiêu thức đó được giữ nguyên từ khi thiết kế mẫu, trong suốt quá trình điều tra và cho đến khi thiết kế lại dần mẫu điều tra mới. Trong quá trình điều tra, mẫu đó luôn luôn được bảo dưỡng hoặc thay thế mặt hàng khác nếu bị biến mất hoặc là chất lượng thay đổi hoặc là một trong các chỉ tiêu trên không được thoả mãn, .v.v.

(a) Cách chọn mẫu nhóm - mặt hàng cơ sở:

Các tiêu chí đặt ra cho chọn mẫu chủ định là:

- Nhóm - mặt hàng có tỷ trọng về giá trị kim ngạch xuất khẩu hoặc nhập khẩu lớn nhất trong tổng kim ngạch chung;
- Nhóm - mặt hàng có tính ổn định (tồn tại) lâu dài trong quá trình xuất khẩu, nhập khẩu;
- Nhóm mặt hàng có tính sử dụng phổ biến trong kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu và/ hoặc cho nền kinh tế quốc dân;
- **Nhóm - mặt hàng có mức biến động kim ngạch cần quan tâm.**
- Tổng kim ngạch xuất khẩu hoặc nhập khẩu mà các nhóm - mặt hàng đại diện được chọn phải đạt trên 85% tổng kim ngạch trong phạm vi tính chỉ số.

Lưu ý: Các nhóm mặt hàng không thuộc phạm vi tính chỉ số như: hàng quốc phòng (súng, đạn, xe tăng...); tàu thủy (kể cả tàu thuyền); máy bay (kể cả vật bay); tàu hoả và phụ tùng của nó; vàng, đá quý các loại (trừ đồ trang sức); tiền giấy; phần mềm máy tính, điện thoại; bản vẽ, thiết kế; sách báo tạp chí các loại, .v.v. giá trị kim ngạch của những nhóm này không đưa vào kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu khi tính quyền số.

(b) Thực hiện chọn:

Từ các tiêu chí, trên cơ sở dàn mẫu tổng thể theo phân tổ hàng hoá HS mã 6 (8) số đã được chuẩn bị (như trên), tính thêm cột tỷ trọng của các nhóm - mặt hàng mã 6 (8) số, sắp xếp theo thứ tự nhỏ dần, và rút ra những nhóm thoả mãn các tiêu chí trên, và rút ra như vậy cho đến khi thoả mãn dàn mẫu đại diện đạt 85% tổng kim ngạch chung và không còn mặt hàng nào thoả mãn các điều kiện đó nữa là đưa ra thành một dàn mẫu đại diện nhóm - mặt hàng cơ sở. Ở đây, nhóm có tỷ trọng lớn nhất có thể chưa phải là nhóm được chọn vì nó kết hợp với các tiêu thức sau đó mà nó không thoả mãn.

Dàn mẫu nhóm - mặt hàng cơ sở của chỉ số giá xuất khẩu phân tổ HS mã 6 (8) số có thể như sau:

STT	Nhóm - Mặt hàng cơ sở	Mã HS 6 số
1	Hải sản khô	030569
2	Hải sản đông	030619
3	Hải sản tươi	030621
4	Sản lát	071410
5	Nhân hạt điều	080132
6	Yến sào	100400
7	Gạo các loại	100630
8	Bột vàng đắng	130190
9	Cồn	220890
10	Hoá chất (Hydro clorua)	280610
11	Nguyên liệu thuốc tây	293921
12	Thuốc tây các loại	300420
	

(c) Cách chọn mẫu mặt hàng lấy giá:

Chọn mẫu mặt hàng lấy giá theo các chỉ tiêu sau:

Lấy từ CSDL thống kê Hải quan, tại Tổng cục Hải quan.

- Trong nhóm - mặt hàng đại diện đã được chọn; ít nhất có một mặt hàng lấy giá
- Có tỷ trọng kim ngạch lớn nhất trong nhóm - mặt hàng đại diện,
- Có mức biến động kim ngạch lớn nhất trong nhóm - mặt hàng đại diện,
- Có nhịp độ (tần suất) xuất khẩu hoặc nhập khẩu tính theo tháng, quý hoặc năm cao nhất (hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu mạnh).
- Có tính phổ biến nhất về xuất khẩu hoặc nhập khẩu.
- Tổng tỷ trọng kim ngạch mặt hàng lấy giá đại diện chiếm trên 65% (55%) giá trị kim ngạch của nhóm - mặt hàng đại diện.

Lấy từ các doanh nghiệp (theo xác suất):

Mặt hàng lấy giá chọn với các tiêu thức:

- Tên mặt hàng cụ thể,
- Quy cách, phẩm cấp (cỡ, mã hiệu, loại, tiêu chuẩn chất lượng, bao bì, đóng gói, hãng sản xuất, .v.v.)
- Thị trường xuất khẩu, nhập khẩu.
- Phương thức thanh toán (quy về L/C)
- Đơn giá (quy về giá FOB hoặc CIF)

Thực hiện đối với một doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu. Các thông số này sẽ được thể hiện trong Biểu điều tra giá xuất khẩu, nhập khẩu áp dụng cho doanh nghiệp.

(d) Cách chọn:

Dựa trên dàn mẫu tổng thể theo phân tổ HS mã 8 số, kết hợp với dàn mẫu nhóm - mặt hàng đại diện đã chọn ở trên, chọn ra một dàn mẫu tổng thể mới

của mặt hàng lấy giá gồm mã 6 số và mã 8 số (chọn tối đa có thể), từ đó chọn ra những mặt hàng có mã HS 8 số đại diện cho nhóm - mặt hàng mã 6 số.

Sau đó trên cơ sở dàn mẫu mặt hàng đại diện mã 8 số, lập danh sách các doanh nghiệp và tiến hành chọn mẫu doanh nghiệp đại diện tiếp theo, theo xác suất.

B. Lựa chọn mẫu doanh nghiệp đại diện:

Một mặt hàng xuất khẩu hoặc nhập khẩu có thể có một hoặc nhiều doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu, nhập khẩu trực tiếp thực hiện. Để chọn được đơn vị đại diện của mặt hàng đó cần dựa trên dàn mẫu “Mặt hàng-đơn vị xuất khẩu” và dàn mẫu “Mặt hàng-đơn vị nhập khẩu. Từ đó sử dụng phương pháp chọn mẫu theo xác suất để chọn ra đơn vị đại diện.

Tổng số mẫu doanh nghiệp của mặt hàng được chọn trong tổng số các doanh nghiệp xuất khẩu hoặc nhập khẩu mặt hàng đó phải đạt trên 50%, tùy theo tính thời sự kinh doanh của mặt hàng.

Thực hiện các bước tương tự đối với các mặt hàng khác.

Một số mặt hàng có số doanh nghiệp được phép nhập khẩu hoặc xuất khẩu rất ít như dầu thô, xăng máy bay, thuốc tây đặc chủng, .v.v. thì có thể chọn toàn bộ các doanh nghiệp.

Sau khi chọn xong dàn mẫu đơn vị điều tra đại diện của các mặt hàng lấy giá đại diện, kết hợp lại với dàn mẫu mặt hàng đại diện để được một dàn mẫu đại diện mặt hàng gồm đầy đủ các đặc tính của một mặt hàng có thể so sánh được, đó là:

- (1) Tên mặt hàng;
- (2) Mã mặt hàng (HS 8 số);
- (3) Tên đơn vị điều tra;
- (4) Mã đơn vị điều tra.

Danh sách này được tập hợp tại cơ quan điều tra để tiếp tục hoàn thiện nốt đặc tính mặt hàng và thị trường xuất, nhập phổ biến. Ví dụ như sau:

- (1) Tên mặt hàng: Gạo tẻ
 - Chất lượng: Hạt dài, tẩy bóng, độ tấm 5%, độ ẩm đạt tiêu chuẩn xuất khẩu Việt Nam;
 - Đóng gói: Bao nylon hai lớp, trọng lượng tịnh 50kg;
- (2) Mã mặt hàng (mã HS 8 số + 2 số cuối bổ sung);
- (3) Đv xuất khẩu: Cty Lương thực chế biến Cần Thơ;
- (4) Mã số đơn vị: 5401;
- (5) Thị trường xuất khẩu: Canada;
- (6) Đơn giá: tính theo điều kiện giao hàng: FOB Việt Nam;
- (7) Thanh toán: Trả bằng mở L/C.

Các mặt hàng lấy giá sau khi được chọn sẽ được tổng hợp lại thành dàn mẫu điều tra giá xuất hoặc nhập khẩu chung cả nước. Sau đó, các mặt hàng sẽ được phân bổ vào các tầng, các lớp của các loại danh mục cần thiết để hình thành hệ thống phương pháp điều tra giá và tính chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu.

C. Biểu mẫu điều tra cho các doanh nghiệp:

Trên cơ sở dàn mẫu đại diện đã chọn, các tiêu thức sẽ được thiết kế dưới dạng các mục, cột của Bảng trong phiếu điều tra. Có hai loại phiếu điều tra là phiếu điều tra giá hàng xuất khẩu và phiếu điều tra hàng nhập khẩu.

(a). Định hướng đối với phiếu điều tra giá hàng xuất khẩu

Đối với phiếu điều tra giá hàng xuất khẩu tập trung vào tiêu thức quy cách phẩm cấp (đặc tính kỹ thuật, nếu có), tương ứng với mã HS 8 số của hàng hoá thực xuất của doanh nghiệp. Chú ý phần mô tả hàng hoá, bao bì, đóng gói. Điều này sẽ giúp xác định lại chính xác đặc tính hàng hoá so với kê khai theo tờ khai hải quan hoặc công tác nhập thông tin trong quá trình kê khai và thể hiện rõ tính thương mại của chỉ số giá của đề tài.

(b). Định hướng đối với phiếu điều tra giá hàng nhập khẩu

Đối với phiếu điều tra giá hàng nhập khẩu cũng tương tự; cũng cần tập trung vào tiêu thức quy cách phẩm cấp (đặc tính kỹ thuật, nếu có), tương ứng với mã HS 8 số của hàng hoá thực xuất của doanh nghiệp. Chú ý phân mô tả hàng hoá, bao bì, đóng gói; đặc biệt đối với số chủng loại hàng hoá có bao bì, đóng gói khó xác định chính xác đơn giá cụ thể (ví dụ như các loại Tân dược...). Điều này tương tự sẽ giúp xác định lại chính xác đặc tính hàng hoá so với kê khai theo tờ khai hải quan hoặc đánh giá công tác nhập thông tin trong quá trình kê khai, giúp ích cho công tác kiểm soát giá, bình ổn thị trường trong nước và thể hiện rõ tính thương mại của chỉ số giá của đề tài.

Dàn mẫu điều tra giá xuất khẩu, nhập khẩu để tính chỉ số giá Thương mại định hướng sơ bộ như sau:

STT	Loại mẫu	Xuất khẩu	Nhập khẩu
1	Số mặt hàng đại diện điều tra giá (chủng loại mặt hàng)	2.400	2.200
2	Số nhóm - mặt hàng cơ sở (theo Danh mục sản phẩm chủ yếu Việt Nam (VCPC) mã 5 số (nhóm))	300	350
3	Số doanh nghiệp được điều tra	400	400
4	Số tỉnh thực hiện điều tra (tỉnh/ thành)	30	30

1.3.5. Đánh giá chất lượng dàn mẫu điều tra:

Để đánh giá chất lượng của một chỉ số giá cả thông qua dàn mẫu điều tra, có thể căn cứ vào các tiêu chí sau:

- Tổng cỡ mẫu mà nguồn cho phép (Dàn mẫu tổng thể);
- Tổng cỡ mẫu doanh nghiệp điều tra (đơn vị điều tra) được chọn;
- Tổng số mẫu mặt hàng điều tra (bao gồm hai loại: số nhóm - mặt hàng cơ sở, và số mặt hàng cụ thể lấy giá).
- Cấu trúc chỉ số và mức độ tăng, lớp công bố số liệu (công bố ở mức nhóm chung chung hay chi tiết);

- Tỷ lệ cỡ mẫu của dàn mẫu điều tra trong dàn mẫu tổng thể của mỗi loại mẫu (dàn mẫu đơn vị thường đạt > 50% và dàn mẫu mặt hàng đại diện thường phải là > 65%)
- Tỷ lệ trả lời của dàn mẫu đơn vị điều tra và cách khắc phục;
- Tỷ lệ sai số chọn mẫu (trong trường hợp chọn mẫu chủ định, chỉ tiêu này thường không tính toán được).

I.3.6. Bảo dưỡng mẫu và chu kỳ chọn mẫu điều tra

A. Định hướng về bảo dưỡng mẫu:

Để tránh việc các mẫu đại diện trở nên lạc hậu, cần phải bảo dưỡng mẫu và định kỳ thiết kế lại dàn mẫu mới phù hợp hơn.

Mẫu trong chỉ số giá Thương mại sẽ được thiết kế 1 năm 1 lần theo định hướng của cơ quan quản lý Nhà nước về Thương mại.

Sau đây là những nguyên nhân làm cho mẫu điều tra lạc hậu và cách bảo dưỡng nó.

B. Về chọn doanh nghiệp để điều tra mặt hàng lấy giá:

Trong hoạt động Thương mại ở nước ta hiện nay và những năm sau, các doanh nghiệp luôn đổi mới, từ thay đổi loại hình doanh nghiệp, hình thức sở hữu, quy mô sản xuất, kinh doanh đến mặt hàng kinh doanh. Nhiều doanh nghiệp mới được thành lập; có những doanh nghiệp giải thể hoặc thay đổi ngành nghề kinh doanh...

Vì vậy, trong việc chọn đơn vị điều tra đề tài chọn ngẫu nhiên, theo xác suất từ mẫu các doanh nghiệp kinh doanh mặt hàng đang được điều tra giá. Nguyên tắc là đảm bảo tổng cỡ mẫu của mặt hàng không đổi.

C. Về dàn mẫu mặt hàng điều tra:

Đi đôi với phát triển nhu cầu tiêu dùng và sản xuất, trong thế giới hiện đại các mặt hàng xuất khẩu và mặt hàng nhập khẩu thay đổi nhanh chóng về kê Thương mại. Việc thiết lập dàn mẫu điều tra, duy trì và bổ sung dàn mẫu đều dựa trên tình hình thời sự của hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu của các doanh nghiệp và trên yêu cầu của công tác quản lí Nhà nước về Thương mại và sẽ được xác định cuối mỗi năm như đã trình bày ở trên. Có các trường hợp sau đây có thể xảy ra và cách khắc phục:

(a) Mặt hàng vắng mặt tạm thời được giải quyết theo phương pháp giải quyết mặt hàng vắng mặt nêu ở trên.

(b) Mặt hàng thay đổi chất lượng: Giải quyết như nêu ở trên.

(c) Luôn luôn xác định lại tính đại diện của dàn mẫu mặt hàng trước khi tính chỉ số bằng tỷ lệ của tổng cỡ mẫu đại diện đem vào tính chỉ số so với tổng cỡ mẫu của dàn mẫu tổng thể sau khi đã cập nhật. Từ đó để xác định độ tin cậy của chỉ số và lập kế hoạch thiết kế lại dàn mẫu điều tra.

1.3.7. Chu kỳ chọn mẫu điều tra:

Qua phân tích ở trên, theo thời gian, dàn mẫu đại diện điều tra giá có biến động. Trong đó, mức độ đại diện của dàn mẫu bị biến động do nhiều yếu tố khách quan và chủ quan. Biện pháp thường dùng nhất trên thế giới hiện nay để giảm bớt những vấn đề bất trắc trên là hạn chế độ dài thời gian tồn tại của dàn mẫu điều tra bằng cách sử dụng chọn mẫu lại (thiết kế lại) dàn mẫu theo một chu kỳ thời gian nào đó.

Đề tài đề xuất thiết kế dàn mẫu một năm một lần.

Mỗi khi thiết kế lại dàn mẫu, sẽ xem xét lại toàn bộ các yếu tố của quá trình thiết kế một chỉ số giá cả.

I.4. VỀ GIÁ CẢ ĐỂ TÍNH CHỈ SỐ GIÁ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU:

- + Chỉ số giá chỉ tính trên giá của hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu
- + Giá xuất khẩu là giá FOB hoặc quy đổi theo tờ khai Hải quan
- + Giá nhập khẩu là giá CIF hoặc quy đổi theo tờ khai Hải quan
- + Giá điều tra, thẩm định theo báo cáo từ các doanh nghiệp tương tự theo giá FOB và CIF
- + Đồng tiền để tính chỉ số giá là USD.

I.5. VỀ THU THẬP GIÁ ĐỂ TÍNH CHỈ SỐ GIÁ XUẤT NHẬP KHẨU:

Giá cả thu thập để tính chỉ số giá được lấy từ số liệu thống kê hàng tuần, hàng tháng của Tổng cục Hải quan Việt Nam và được điều tra, thẩm định theo xác suất từ các báo cáo của doanh nghiệp do Trung tâm Thông tin Thương mại thực hiện.

I.6 VỀ PHƯƠNG PHÁP TÍNH VÀ QUYỀN SỐ CỦA CHỈ SỐ GIÁ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU

I.6.1. Phương pháp tính chính thức, hàng tháng

Qua xem xét phương pháp tính của các nước, của Liên hiệp quốc và phân tích phương pháp tính của Việt nam, thấy rằng sử dụng công thức tính chỉ số giá Laspayre chuyển đổi (16) (trong phần 4.1.3.) chương II là có cơ sở khoa học và thực tiễn trong thời gian tới.

- Đó là chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu tính theo phương pháp so sánh ngắn hạn, tức là lấy giá kỳ báo cáo so với giá kỳ trước và sử dụng công thức Laspeyres chuyển đổi để tính chỉ số giá kỳ báo cáo so với kỳ gốc cố định số do cơ quan Thống kê Liên Hợp quốc đưa ra:

$$I_{p,t/0} = \sum_{i=1}^n r_{i,t/t-1} * w^{i,0}_{t-1} \quad (6)$$

$$= \sum_{i=1}^n \frac{p_{i,t}}{p_{i,t-1}} * \frac{p_{i,t-1}}{p_{i,0}} * w^{i,0}_{t-1}$$

Công thức tính chỉ số giá Laspayre chuyển đổi tổng quát như sau:

- Tính chỉ số giá cá thể của mặt hàng lấy giá r .
- Tính chỉ số giá của nhóm mặt hàng cơ sở theo phân tổ VCPC mã 5 số;
- Tính chỉ số giá của các loại phân tổ khác (KH 2 số, VSIC 4 số, SITC 2 số, BPM5 2 số và HS 2 số) trên cơ sở chỉ số giá nhóm-mặt hàng cơ sở theo VCPC 5 số.

Chỉ số giá xuất - nhập khẩu kỳ báo cáo so với kỳ gốc cố định của nhóm mặt hàng cơ sở theo phân tổ VCPC 5 số được tính theo công thức (6.1) như sau:

$$I_{j,t/0} = \frac{\sum_{i=1}^n r_{i,t/t-1} * r_{i,t-1/0}}{n} \quad (16)$$

Trong đó: $I_{j,t/0}$ là chỉ số giá nhóm-mặt hàng cơ sở j theo phân tổ VCPC 5 số kỳ báo cáo t so với kỳ gốc 0 ;

$r_{i,t/t-1}$ là chỉ số giá của mặt hàng lấy giá i kỳ báo cáo so với kỳ trước (tức là so sánh ngắn hạn), và được tính theo công thức:

$$r_{i,t/t-1} = \frac{p_{i,t}}{p_{i,t-1}} * 100 \quad (16.1)$$

Trong đó $p_{i,t}$ là giá mặt hàng i kỳ báo cáo và $p_{i,t-1}$ là giá mặt hàng i kỳ trước.

n là số mặt hàng i tham gia tính chỉ số giá nhóm mặt hàng cơ sở.

Các chỉ số giá nhóm và chỉ số giá chung của các loại phân tổ khác (theo danh mục kế hoạch XNK(mã 1 số)) so với kỳ gốc cố định được tính từ chỉ số đã tính ở công thức (16) với quyền số cố định tương ứng của nó theo công thức tổng quát sau:

$$I_{g,t/0} = \frac{\sum I_{j,t/0} * W_{j,0}}{\sum W_{j,0}} \quad (17)$$

Trong đó:

$I_{g,t/0}$ là chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu nhóm 'g' hoặc chỉ số chung;

$I_{j,t/0}$ là chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu nhóm-mặt hàng cơ sở j theo phân tổ VCPC mã 5 số đã tính tại công thức 12);

$W_{j,0}$ là quyền số tỷ trọng của nhóm-mặt hàng cơ sở j theo phân tổ VCPC mã 5 số;

Các chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu kỳ báo cáo so với các gốc khác (gốc kỳ trước, cùng kỳ năm trước), hoặc chỉ số giá thời kỳ (6 tháng, 9 tháng, năm) được tính từ chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu có kỳ gốc cố định (năm 2000) theo công thức (10) đã nêu trên.

Chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu Thương mại tính cho từng thị trường chủ yếu.

1.6.2. Phương pháp tính tham khảo, 10 ngày/lần:

1.6.2.1. Đối với tính chỉ số cho mỗi mặt hàng, nhóm hàng.

Sử dụng 2 phương pháp tính cho cùng 1 mặt hàng, nhóm hàng.

- Phương pháp 1: Công thức Passche với công thức tính

$$I_p^p = \frac{\sum_{i=1}^n p_{i,1} q_{i,1}}{\sum_{i=1}^n p_{i,0} q_{i,1}} = \frac{\sum_{i=1}^n p_{i,1} q_{i,1}}{\sum_{i=1}^n p_{i,1} q_{i,1} (p_{i,0} / p_{i,1})} \quad (4),$$

$$\text{hay } I_q^p = \frac{\sum p_1 q_1}{\sum p_0 q_1} \quad (4')$$

Phương pháp Passche nói lên sự biến động bình quân của giá cả kỳ báo cáo so với kỳ gốc của khối lượng hàng hoá xuất khẩu kỳ báo cáo.

Công thức (4') đáp ứng được tính thời sự và mục đích xử lý nhanh của việc nghiên cứu chỉ số giá. Nó sẽ được sử dụng đối với những hàng hoá có biến động nhiều về giá, lượng hoặc cả giá, lượng và các mặt hàng mới. Nó có thể cho kết quả chính xác hơn. Không những nó tính được chỉ tiêu tương đối (%) nói lên biến động bình quân của giá cả giữa hai kỳ, nhất là giữa 2 kì ngắn(10 ngày) mà còn tính được số tuyệt đối nói lên hiệu quả kinh tế do sự biến động của giá cả mang lại. Cụ thể, nếu là chỉ số giá xuất khẩu: tử số của công thức (4') là mức lưu chuyển hàng hoá xuất khẩu kỳ báo cáo hay là số tiền thu được từ xuất khẩu kỳ báo cáo, còn mẫu số là mức lưu chuyển của khối lượng hàng hoá xuất khẩu kỳ báo cáo theo giá kỳ gốc. Nếu giá cả kỳ báo cáo cao hơn kỳ gốc thì tử số cao hơn mẫu số, có nghĩa là cùng một khối lượng hàng hoá trong kỳ báo cáo, nhưng nếu xuất khẩu với giá cả của kỳ báo cáo thì doanh nghiệp sẽ thu được nhiều ngoại tệ hơn so với xuất khẩu với giá ở kỳ gốc. Chênh lệch giữa tử số và mẫu số mang dấu (+) khi giá cả xuất khẩu tăng lên, còn ngược lại thì mang dấu (-).

- Phương pháp 2: công thức Laspeyres chuyển đổi:

$$I_{j,t/0} = \frac{\sum_{i=1}^n r_{i,t/t-1} * r_{i,t-1/0}}{n} \quad (16)$$

$$r_{i,t/t-1} = \frac{P_{i,t}}{P_{i,t-1}} * 100 \quad (16.1)$$

Tuy nhiên, để tính toán được chỉ số giá xuất, nhập khẩu thì vấn đề trước tiên không phải là sử dụng công thức nào, mà là nguồn dữ liệu đầu vào để tính toán có đáp ứng đầy đủ hay không.

Nếu số liệu thống kê có đầy đủ, nhất là về khối lượng hàng hoá thực tế xuất khẩu hay nhập khẩu thu thập được đầy đủ và đảm bảo được “bí mật kinh doanh” thì sử dụng công thức (4) sẽ có hiệu quả cao nhất.

Nhưng nếu số liệu thống kê không đầy đủ về khối lượng hàng hoá thực tế xuất, nhập khẩu và nhất là cơ cấu hàng hoá **ít có sự biến động** thì có thể sử dụng công thức (3) hay (16).

Trên thực tế xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá của nước ta 10 năm trở lại đây và xu hướng những năm tới, đã, đang sẽ có nhiều hàng hoá có biến động nhiều cả về giá, lượng hoặc đồng thời cả giá và lượng. Vì vậy, cần sử dụng cả 2 công thức tính chỉ số giá, căn cứ theo đặc điểm từng mặt hàng, nhóm hàng cụ thể.

- Quyền số của chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu Thương mại là quyền số không cố định. Quyền số mặt hàng được điều chỉnh theo năm trước năm báo cáo hoặc là quyền số kỳ báo cáo.

I.7.VỀ XỬ LÝ CÁC BẤT THƯỜNG TRONG TÍNH CHỈ SỐ GIÁ

I.7.1. Vấn đề mặt hàng thay đổi chất lượng:

Khi một trong các tiêu chí chất lượng mặt hàng thay đổi thì coi như chất lượng hàng hoá để thu thập giá cả theo các tiêu chí đó bị thay đổi. Như vậy, cần phải điều chỉnh bằng cách nào đó để lấy giá cả mặt hàng mới coi như có cùng chất lượng không đổi giữa hai thời kỳ so sánh. Đã có một số giải pháp được đưa ra để mỗi nước có thể ứng dụng khác nhau. Ví dụ, biện pháp thay thế mặt hàng, biện pháp tính chuyển chất lượng, biện pháp lấy lại giá theo xu hướng nhóm mẹ, theo xu hướng mặt hàng có chất lượng tương đương, biện pháp chuyên gia marketing hàng hoá, chuyên gia thương phẩm, .v.v.

Trong tính chỉ số giá Thương mại, tùy từng trường hợp cụ thể sẽ áp dụng phương pháp tính giá chuyển phù hợp.

Giá của máy móc thiết bị, các nước dùng phương pháp hệ số biến động tiêu chuẩn kỹ thuật để quy đổi giá cả, .v.v. Đây là những vấn đề phức tạp và xử lý rất công phu tốn kém và đòi hỏi sự hợp tác chặt chẽ của các nhà xuất khẩu, nhập khẩu với điều tra viên để cùng xử lý vấn đề này.

Những số liệu chưa rõ hoặc còn thiếu trong kỳ báo cáo sẽ được bổ sung và công bố lại theo số liệu của các tháng sau. Chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu Thương mại sẽ được công bố lại hoặc điều chỉnh lại khi có báo cáo của các doanh nghiệp.

I.7.2. Vấn đề mặt hàng độc nhất:

Mặt hàng xuất khẩu, nhập khẩu độc nhất là mặt hàng không có chất lượng nào tương đương hoặc không có mặt hàng nào giống nó hoặc thay thế nó về công dụng. Trong những trường hợp này cơ quan tính chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu Thương mại sẽ hợp tác với các nhà xuất khẩu, nhập khẩu để cùng giải quyết.

I.7.3. Vấn đề mặt hàng vắng mặt do thời vụ và mặt hàng không xuất hiện liên tục khác

Cũng như mặt hàng độc nhất, những mặt hàng loại này thường có mặt một thời gian, biến mất trong một thời gian và xuất hiện trở lại với nguyên hình chất lượng của nó, như thực phẩm và rau quả tươi, hàng may mặc... Trong chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu, quả tươi, rau tươi thường bị vắng mặt nên khắc phục nó bằng cách lấy phân loại theo nhóm rau, quả gần gũi, tương đương hoặc lấy rau quả ướp lạnh (nếu có) để tính thay cho giá tươi khi vắng mặt. Hàng dệt may luôn luôn thay đổi về nguyên liệu hoặc của từng bộ phận cấu thành, nên có thể dùng chỉ số giá bộ phận đồng chất để ước tính hoặc giá tính quy đổi.

Trong những trường hợp này cơ quan tính chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu Thương mại sẽ hợp tác với các nhà xuất khẩu, nhập khẩu để giải quyết.

I.7.4. Vấn đề tính giá xuất khẩu, nhập khẩu của một hàng hoá của công ty xuyên quốc gia:

Đây là vấn đề nội bộ về giá cả của các công ty đa quốc gia, phần nhiều mang tính thủ tục khi đưa hàng hoá qua biên giới nước sở tại. Ví dụ, các công ty con trong công ty mẹ đóng tại nhiều nước khác nhau khi một mặt hàng của công ty con này xuất khẩu cho một công ty con ở nước khác. Giá cả xuất khẩu, nhập khẩu của các công ty con này mang tính tượng trưng, do công ty mẹ quyết định. Vì vậy, cần phải xác định giá cả xuất khẩu và giá cả nhập khẩu mặt hàng đó của công ty mẹ ra sao.

Trong những trường hợp này cơ quan tính chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu Thương mại sẽ hợp tác với các nhà xuất khẩu, nhập khẩu để giải quyết.

1.7.5 Vấn đề tính giá xuất khẩu, nhập khẩu trong tài khoản quốc gia:

Trong tài khoản quốc gia, rất nhiều nước trên thế giới, giá trị xuất khẩu tính theo giá FOB và giá trị nhập khẩu tính theo giá CIF. Tuy nhiên, việc cân đối ngoại thương (cán cân thanh toán) lại cần đến giá FOB cho hai loại giá trị đó. Do vậy việc xác định giá cả để tính chỉ số giá nhập khẩu và chỉ số giá xuất khẩu ở các nước khác nhau sẽ khác nhau. Tuy nhiên LHQ khuyến cáo rằng nếu có điều kiện, chỉ số giá nhập khẩu nên tính theo hai giá (FOB và CIF), Bình thường thì tính theo giá FOB cho cả hai loại giá xuất khẩu và giá nhập khẩu, đồng thời nghiên cứu thêm biến động của giá vận tải hàng hải ngoài nước.

Trong những trường hợp này cơ quan tính chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu Thương mại sẽ xác định số liệu để giải quyết.

Ngoài ra, cơ quan tính chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu Thương mại sẽ áp dụng 1 số phương pháp như phương pháp giá chờ, ước tính..., trên cơ sở lí thuyết, kinh nghiệm theo dõi, quản lí Thương mại tại Việt Nam và thế giới.

II. MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG CƠ BẢN VỀ CÔNG BỐ CHỈ SỐ GIÁ

II.1. VỀ NỘI DUNG CÔNG BỐ

Các chỉ số chung và chỉ số nhóm cấp I của các phân loại chỉ số giá được công bố hàng tháng, theo định kì, thường xuyên. Những chỉ số của các nhóm chi tiết sẽ được cung cấp theo từng chuyên ngành và theo yêu cầu của người sử dụng.

II.2. VỀ TẦN SUẤT CÔNG BỐ

Chỉ số giá được công bố hàng tháng.

II.3. VỀ HÌNH THỨC CÔNG BỐ

II.3.1. Các chỉ số chung và chỉ số nhóm cấp I của các phân loại chỉ số giá:

- Công bố dưới dạng các báo cáo chính thức của Bộ Công Thương gửi các cơ quan quản lí Nhà nước thuộc lĩnh vực kinh tế như Chính phủ, Bộ Kế hoạch, đầu tư; Bộ Tài chính; Công nghiệp; Nông nghiệp và phát triển nông thôn; y tế; Thủy sản...

- Công bố trên báo, tạp chí, bản tin chuyên ngành và trên các Trang tin điện tử của Bộ Công Thương, của Trung tâm thông tin Thương mại.

II.3.2. Chỉ số của các nhóm chi tiết

- Công bố bằng các hình thức gửi văn bản hoặc E - mail cho các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp có yêu cầu.

II.4. VỀ CƠ QUAN CÔNG BỐ VÀ NỘI DUNG CÔNG BỐ:

II.4.1. Nội dung công bố của Bộ Công Thương

Bộ Công Thương công bố chỉ số giá cá thể của một số mặt hàng, chủng loại mặt hàng, mặt hàng mới, chỉ số giá chung của các nhóm hàng theo yêu cầu của công tác điều hành, quản lý Nhà nước về xuất khẩu, nhập khẩu, ổn định giá cả, phát triển Thị trường nội địa và định hướng, phát triển kinh doanh của các doanh nghiệp.

Các chỉ số giá do Bộ Công Thương công bố được coi là các công bố số liệu của ngành, không mang tính quốc gia và được ghi chú trực tiếp theo các công bố.

II.4.2. Phối hợp với Tổng cục Thống kê.

- Các số liệu và kết quả tính toán chỉ số giá các loại do Bộ Công Thương thực hiện được trao đổi với Tổng cục Thống kê và sẽ từng bước thống nhất các bước trong quá trình tính toán các loại chỉ số giá từ mẫu phiếu điều tra giá cả, doanh nghiệp đến việc sử dụng các công thức tính toán tùy theo điều kiện và chất lượng thu thập giá cả để tính toán chỉ số giá.

III. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

III.1. ĐỐI VỚI BỘ CÔNG THƯƠNG:

Trên cơ sở bản Đề tài được nghiệm thu đề nghị Bộ chỉ đạo Trung tâm Thông tin Thương mại lập Đề án “Xây dựng và công bố chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu Thương mại phục vụ điều hành quản lý Nhà nước về thương mại và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp” trình Bộ phê duyệt để thực hiện.

III.2. ĐỐI VỚI TỔNG CỤC HẢI QUAN, BỘ TÀI CHÍNH:

- Đề nghị Tổng cục Hải quan tiếp tục hợp tác chặt chẽ và hỗ trợ Bộ Công Thương (Trung tâm Thông tin Thương mại) trong việc khai thác hiệu quả, nhanh chóng, đầy đủ thông tin từ khai hải quan và CSDL hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu của Tổng cục.

- Đề nghị Tổng cục Hải quan xúc tiến, hỗ trợ các điều kiện pháp lí cần thiết để đẩy nhanh dịch vụ kê khai Hải quan điện tử và xem xét đề xuất cải tiến, chi tiết hoá mục “Quy cách, phẩm cấp” trong Tờ khai Hải quan hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu; theo kiến nghị của đề tài khoa học “Nâng cao chất lượng cung cấp thông tin từ CSDL thống kê hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu của Tổng cục hải quan Việt Nam”.

III.3. ĐỐI VỚI TỔNG CỤC THỐNG KÊ, BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ:

Như ở phân mục đích của Đề tài đã nêu, chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu Thương mại có thể được coi là nguồn thông tin tham khảo quan trọng cho việc tính toán chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu của Tổng cục Thống kê theo các tiêu chí, mục tiêu, chức năng riêng của ngành Thống kê. Trên cơ sở đó, cần có sự trao đổi thông tin, kinh nghiệm và phối hợp, thống nhất về số liệu để mỗi cơ quan có được các số liệu có độ chính xác, tin cậy cao hơn.

KẾT LUẬN

Thời kì 1996 - 2005 là thời kì tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu rất cao. Trong thời kì này hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu sôi động và rất cần được nhìn nhận rõ ở các khía cạnh là:

(a) số lượng các mặt hàng cả xuất khẩu và nhập khẩu đều tăng rất nhanh;

(b) các chủng loại mặt hàng xuất khẩu, nhập khẩu trong cùng mặt hàng, nhóm hàng cũng tăng rất nhanh và rất đa dạng, đặc biệt là đa dạng về giá, về kim ngạch và tăng trưởng kim ngạch.

Điều này cho thấy tính đa dạng trong thị hiếu của thị trường hiện đại, tính đặc trưng tất yếu của kinh tế thị trường hiện đại nói chung và của thị trường Việt Nam đang trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế sâu, rộng nói riêng. Do vậy, việc nắm bắt nhanh, cụ thể các thông số đó là một yêu cầu quan trọng, cấp thiết trong điều hành, quản lí Nhà nước về Thương mại, trong tác nghiệp kinh doanh; vừa để có các giải pháp, chính sách kịp thời nhằm phát triển xuất khẩu mạnh và bền vững, vừa để điều hành nhập khẩu, bình ổn giá trên thị trường nội địa và cung ứng đủ nguyên, nhiên liệu cho sản xuất tiêu dùng trong nước; đồng thời ra các quyết định kinh doanh hiệu quả.

Việc xây dựng, tính toán và công bố chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu Thương mại là một công việc khó khăn. Xét về phương diện Thương mại, nếu làm được như đã trình bày sẽ có ý nghĩa và tác dụng to lớn. Đối với cơ quan Thông tin của Bộ điều này không chỉ đặt ra yêu cầu nâng cao năng lực của cơ quan này mà còn sử dụng được lực lượng đông đảo đội ngũ cán bộ nhân viên hùng hậu và phù hợp với đặc điểm điều tra, nắm bắt thông tin tại Việt Nam trong giai đoạn chuyển đổi kinh tế hiện nay. Hơn nữa việc này sẽ tạo ra sự liên hệ công tác tốt giữa các cơ quan Nhà nước với nhau, hỗ trợ nhau trong việc tạo ra các nguồn lực vật chất về thông tin và tăng cường được tính thống nhất trong các báo cáo và trong công việc.

Việt Nam ngày càng hội nhập kinh tế quốc tế sâu và rộng hơn. Tại Việt Nam việc ứng dụng CNTT cũng sâu và rộng hơn, cho thấy tính tất yếu và hiệu quả của các công việc liên quan đến CNTT. Việc triển khai, xây dựng và công bố nhanh chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu Thương mại nếu được thực hiện tốt sẽ sớm đáp ứng được đòi hỏi của các cơ quan quản lí Nhà nước, các doanh nghiệp có tác dụng thiết thực phát triển kinh doanh, đặc biệt là phát triển xuất khẩu và bình ổn lành mạnh thị trường trong nước.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1:

Các khái niệm, định nghĩa dùng trong thống kê giá xuất khẩu, nhập khẩu Việt nam và Phạm vi tính toán của nó

Giá xuất khẩu hàng hoá là giá bán hàng hoá ra khỏi nước sở tại cho nước ngoài hoặc cho khu chế xuất của nước ngoài đóng tại nước sở tại. Giá xuất khẩu hàng hoá có nhiều loại tương ứng với các loại hàng xuất khẩu như: giá xuất khẩu hàng mậu dịch, giá xuất khẩu hàng phi mậu dịch (giá xuất khẩu hàng viện trợ, giá xuất khẩu hàng trả nợ hoặc hàng cho vay nợ...) và giá xuất khẩu hàng chuyển khẩu.

Thống kê giá xuất khẩu hàng hoá Việt Nam chỉ bao gồm giá xuất khẩu hàng mậu dịch và chỉ tính bộ phận hàng hoá bán cho nước ngoài và được đưa ra khỏi biên giới Việt Nam (không bao gồm giá xuất khẩu hàng hoá vào khu chế xuất tại Việt Nam).

Giá xuất khẩu hàng hoá trên giác độ địa điểm giao hàng có nhiều loại tương ứng với các điều kiện giao hàng xuất khẩu theo quy chế **Incoterms 2000**⁶. Quốc tế như giá xuất khẩu FOB (Free On Board - giá giao hàng trên boong tàu tại cảng Việt Nam không bao gồm phí bảo hiểm và phí vận chuyển tới nước mua), giá xuất khẩu CIF (Cost, Insurance and Freight - giá giao hàng tại cảng nước mua bao gồm phí bảo hiểm và phí vận chuyển đường biển), giá xuất khẩu CF (Cost and Freight - giá xuất khẩu giao tại cảng nước mua gồm phí vận chuyển), giá xuất khẩu DAF (Delivered At Frontier- giá giao hàng tại biên giới đường bộ), .v.v.

Thống kê giá xuất khẩu hàng hoá Việt Nam chỉ tính theo giá xuất khẩu FOB hoặc giá được tính từ giá xuất khẩu khác tính chuyển cho tương đương giá FOB.

Tuy nhiên, tùy thuộc vào mục đích nghiên cứu, thống kê có thể tính giá xuất khẩu theo FOB (tương đương giá FOB-giá chưa bao gồm cước vận tải và bảo hiểm) hoặc theo giá CIF (tương đương giá CIF-giá đã trả trước phí vận tải và hoặc bảo hiểm).

⁶ Theo Incoterm 2000 (bản tiếng Anh - Website: <http://www.iccwbo.org/incoterms/preambles.asp> và Bản hướng dẫn sử dụng Incoterm 2000, do Nhà xuất bản khoa học và kỹ thuật xuất bản năm 2001.

Giá nhập khẩu hàng hoá là giá mua hàng hoá từ nước ngoài vào nước sở tại hoặc từ khu chế xuất của nước ngoài đóng tại nước sở tại. Giá nhập khẩu hàng hoá có nhiều loại tương ứng với các loại hàng nhập khẩu như: giá nhập khẩu hàng mậu dịch, giá nhập khẩu hàng phi mậu dịch (giá nhập khẩu hàng viện trợ, giá nhập khẩu hàng vay nợ...) và giá nhập khẩu hàng chuyển khẩu - tạm nhập tái xuất (nhập khẩu để xuất trực tiếp sang nước thứ ba hoặc nhập khẩu đưa về nước sở tại để chuyển cho nước thứ ba).

Thống kê giá nhập khẩu hàng hoá Việt Nam chỉ bao gồm giá nhập khẩu hàng mậu dịch từ nước ngoài đưa vào Việt Nam.

Giá nhập khẩu hàng hoá trên giác độ địa điểm giao hàng có nhiều loại tương ứng với các điều kiện vận tải và giao hàng nhập khẩu theo quy chế **Incoterm 2000** như giá nhập khẩu CIF (Cost, Insurance and Freight - giá giao hàng nhập khẩu tại cảng Việt Nam bao gồm bảo hiểm và phí vận chuyển đường biển), giá nhập khẩu CF (Cost and Freight - giá nhập khẩu giao tại cảng Việt Nam gồm phí vận chuyển), giá nhập khẩu FOB (Free On Board - giá giao hàng trên boong tàu tại cảng nước bán không bao gồm phí bảo hiểm và phí vận chuyển tới Việt Nam), giá nhập khẩu DAF (Delivered At Frontier - giá giao hàng tại biên giới), .v.v.

Thống kê giá nhập khẩu hàng hoá Việt Nam chỉ tính theo giá nhập khẩu CIF hoặc giá được tính từ giá nhập khẩu khác chuyển đổi tương đương giá CIF (bao gồm phí vận chuyển và hoặc bảo hiểm đã trả).

Tuy nhiên, tùy thuộc vào mục đích nghiên cứu, thống kê có thể tính giá nhập khẩu theo giá CIF (tương đương giá CIF) hoặc theo giá FOB (tương đương giá FOB).

Tỷ giá hối đoái là giá cả của một đồng tiền này được biểu hiện bằng một đồng tiền khác. Tỷ giá hối đoái thường gắn liền với không gian và thời gian cụ thể. Ví dụ, tỷ giá hối đoái giữa Đô la Mỹ và Đồng Việt Nam là 1USD = 15.600VNĐ tại thị trường Hà Nội vào lúc trao đổi cao điểm ngày 20 tháng 12 năm 2005, tức là giá của 1 Đô la Mỹ tại thị trường Hà Nội vào lúc cao điểm ngày 20/12/05 là 15.600 Đồng. Tỷ giá hối đoái giữa hai đồng tiền thường được gọi tắt là “tỷ giá tiền tệ”. Tỷ giá hối đoái cũng giống như giá cả hàng hoá, song đó là loại giá cả của hàng hoá đặc biệt-tiền tệ, được hình thành phụ thuộc vào tính thị trường của hàng hoá tiền tệ. Nếu thị trường hàng hoá tiền tệ là thị trường tự do thì giá cả của nó sẽ được hình thành trên cơ sở quy luật cung cầu, nếu thị trường đó bị khống chế bởi chính sách điều tiết chủ

quan thì giá cả của nó sẽ không phản ánh đúng giá trị của nó khi biểu hiện bằng đồng tiền khác.

Tỷ giá hối đoái cho tính chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam hiện hành là tỷ giá hối đoái thị trường tiền tệ liên Ngân hàng do Ngân hàng ngoại thương Việt Nam công bố hàng ngày (Liên ngân hàng là một thị trường tiền tệ ở Việt Nam song thị trường này bị điều tiết bởi chính sách kinh tế của Chính phủ). Tỷ giá này có hai loại: tỷ giá mua ngoại tệ vào của chủ thể kinh doanh và tỷ giá bán ngoại tệ cho người dùng từ chủ thể kinh doanh. Các chỉ tiêu thống kê tỷ giá hối đoái ở Việt Nam hiện nay là tỷ giá bình quân tháng, tỷ giá bình quân quý, tỷ giá bình quân năm của tiền Đô la Mỹ (USD) với tiền Việt Nam (VND). Các chỉ số tỷ giá hối đoái giữa đồng tiền khác USD với tiền Việt Nam chưa được đưa vào thống kê (*).

Các giá cả xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam được thanh toán bằng những tiền tệ khác USD được đơn vị báo cáo tính chuyển đổi ra giá theo USD trên cơ sở tỷ giá thanh toán thực tế của đơn vị với Nhà nước.

Tỷ giá dùng để tính chỉ số tỷ giá cho việc tính chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu theo tiền VNĐ là tỷ giá thị trường tiền tệ liên Ngân hàng do Ngân hàng ngoại thương Việt Nam công bố hàng ngày.

Thống kê tính tỷ giá bình quân theo phương pháp phổ biến hiện nay là bình quân số học giản đơn giữa các mẫu tỷ giá đại diện hàng ngày trong kỳ tính tỷ giá bình quân. Công thức tính như sau:

$$\bar{R}_t = \frac{\sum_{n=1}^m r_n}{\sum_{n=1}^m n}$$

Trong đó: \bar{R}_t là tỷ giá bình quân của thời kỳ t ; (tháng, hoặc quý, hoặc năm), r là mẫu tỷ giá đại diện trong ngày n , $n = 1...m$ trong thời kỳ t . Ví dụ tính tỷ giá bình quân của tháng 12 năm 2005 thì $n = 1...31$; $m = 31$; $r_1 = 15620, \dots$; $r_{31} = 15650$; ta có tỷ giá bình quân tháng 12 năm 2005 là:

$$\bar{R}_{12-05} = \frac{(15620 + \dots + 15650)}{31} = 15625.$$

Ngoài ra, khi thống kê có điều kiện đầy đủ, tỷ giá bình quân sẽ được tính theo phương pháp bình quân gia quyền, quyền số là lượng ngoại tệ trao

(*) Theo Chỉ thị của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ Tướng Chính Phủ) về việc hoàn thiện công tác thống kê giá cả số 295 - CP, ngày 21 tháng 10 năm 1989 xác định hệ thống chỉ tiêu thống kê giá cả Việt nam từ năm 1990 đến nay.

đổi hàng ngày trong một phạm vi không gian nhất định. Hiện nay nói chung lượng USD trao đổi (mua USD và bán USD) chưa có phương pháp thống kê kể cả các ngành có chức năng quản lý ngoại hối.

Chỉ số giá xuất khẩu hàng hoá Việt Nam là chỉ tiêu thống kê tương đối phản ánh xu hướng và mức độ biến động của giá cả xuất khẩu hàng hoá được tính tại biên giới Việt Nam (giá FOB hoặc tương đương giá FOB) qua thời gian.

Chỉ số giá nhập khẩu hàng hoá Việt Nam là chỉ tiêu thống kê tương đối phản ánh xu hướng và mức độ biến động của giá cả nhập khẩu hàng hoá vào Việt Nam được tính giá tại biên giới Việt Nam (giá CIF hoặc tương đương giá CIF) qua thời gian.

Chỉ số tỷ giá hối đoái hoặc còn gọi là chỉ số tỷ giá tiền tệ là chỉ tiêu kinh tế phản ánh xu hướng và mức độ biến động của tỷ giá tiền tệ. Thống kê tỷ giá ở Việt Nam đã tính chỉ số tỷ giá giữa tiền USD và tiền Đồng Việt Nam^(*).

Chỉ số tỷ giá được tính theo công thức:

$$I_{R_t/0} = \frac{\bar{R}_t}{\bar{R}_0} \times 100$$

Trong đó: $I_{R_t/0}$ là chỉ số tỷ giá kỳ báo cáo t so với kỳ gốc 0 (kỳ gốc có thể là kỳ trước, hoặc là một mốc thời gian bất kỳ trước đó).

\bar{R}_t và \bar{R}_0 là tỷ giá bình quân thời kỳ t và thời kỳ 0 .

Chỉ số tỷ giá tính theo công thức trên có thể là chỉ số tỷ giá tháng, chỉ số tỷ giá quý hoặc chỉ số tỷ giá năm.

Chỉ số giá xuất - nhập khẩu hàng hoá Việt Nam là thước đo mức độ biến động (thay đổi) của giá cả hàng hoá xuất khẩu hoặc nhập khẩu, không bao gồm các loại xuất - nhập khẩu dịch vụ của Việt Nam.

Rổ hàng hoá xuất - nhập khẩu Việt Nam không bao gồm hàng quốc phòng (cho chiến tranh và bảo vệ), Vàng nguyên liệu, Đồ cổ, sách báo tạp chí và các sản phẩm văn hoá (đĩa ghi tác phẩm, tranh, ảnh, phim chiếu các loại), Các phát minh khoa học, bản quyền; Máy bay, tàu thuỷ và phụ tùng; Toa xe, đầu kéo tàu hoả và phụ tùng.

Mặt hàng đại diện lấy giá xuất - nhập khẩu là mặt hàng chính, chủ yếu có tính xuất khẩu, nhập khẩu cổ truyền và có tỷ trọng lớn trong nhóm-mặt hàng cơ sở (VCPC mã 5 số).

Phụ lục 2: Chỉ số giá xuất khẩu - Cấu trúc và quyền số :

Danh mục chỉ số giá xuất khẩu và quyền số của nó theo phân loại

"Danh mục sản phẩm chủ yếu VN (VCPC mã 5 số)"

bpm	Mã vsic 4 số	Mã sitc 2 số	Mã hs 2 số	Mã kh 2 số	Mã vcpc 5 số	Nhóm-mặt hàng	Quyền số nhập (%)
	Tổng chung						100,00
26	0112	04	10	01	01120	Ngô	0,01
26	1531	04	10	01	01140	Gạo lứt	0,01
26	0112	04	10	01	01160	Kê	0,01
26	0112	04	10	01	01190	Sắn lát, cắt khúc	0,19
26	0112	04	10	01	01199	Ngũ cốc khác (củ khác có tinh bột)	0,01
26	0116	05	07	06	01230	Rau lá (kể cả hành tây, hành ta...	0,24
26	0116	05	07	06	01290	Rau củ, rễ và rau dạng khác	0,22
26	0115	05	08	06	01313	Xoài tươi	0,19
26	0115	05	08	06	01314	Chuối tươi	0,16
26	0115	22	08	06	01315	Dừa quả	0,10
26	0115	05	08	06	01316	Dứa tươi	0,13
26	0115	05	08	06	01318	Mãng cụt tươi	0,05
26	0115	05	08	06	01323	Bưởi tươi	0,10
26	0115	05	08	06	01341	Da hấu tươi	0,18
26	0115	05	08	06	01342	Thanh long tươi	0,21
26	0115	05	08	06	01343	Chôm chôm tươi	0,15
26	0115	05	08	06	01344	Nhãn, vải tươi, khô	0,20
26	0115	05	08	06	01349	Quả tươi khô khác (mít...	0,14
26	0116	22	08	10	01411	Đậu tọng	0,11
26	0116	09	08	10	01412	Đậu hạt khác (đậu xanh)	0,01
23	0113	22	08	10	01420	Lạc nhân	0,28
26	0113	09	12	06	01430	Vừng	0,04
.....
26	2710	67	72	121	41271	ống sắt, thép các loại	0,04
26	2720	68	74	113	41511	Bột và vảy đồng (đồng nguyên liệu)	0,01
26	2720	68	80	12	41562	Thiếc thanh, thổi thành hình	0,11
26	2893	69	82	07	42918	Dụng cụ cầm tay	0,42
10	2899	67	83	12	42941	Dây gai, bện sắt thép trần (cha cách đ Xe nâng, thang nâng, máy nâng di	0,02
26	2915	71	84	18	43524	động	0,03
26	2921	71	85	17	44112	Máy, kéo, cày, bừa, máy xới Máy tẽ hạt, tuốt lúa, bơm và nông	0,66
26	2921	71	85	17	44116	nghiệp	0,10
26	2922	71	85	17	44211	Máy bóc, tách, ca kim loại	0,38
26	2930	77	85	07	44811	Tủ lạnh và các máy lạnh gia đình	0,03
26	9999	99	99	99	99999	Các loại khác kể cả vàng	2,58

bpm	Mã vsic 4 số	Mã sitc 2 số	Mã hs 2 số	Mã kh 2 số	Mã vcpc 5 số	Nhóm-mặt hàng	Quyền số nhập (%)
23	0112	04	10	01	01110	Lúa mì	0,48
23	0112	04	10	10	01150	Lúa mạch, yến mạch, malt bia	0,23
23	0112	04	07	06	01210	Khoai tây	0,01
23	0116	05	07	06	01220	Rau họ đậu (đậu quả ...	0,01
23	0116	05	07	06	01230	Rau lá (kể cả hành tây, hành ta...	0,07
23	0116	05	07	06	01290	Rau củ, rễ và rau dạng khác	0,01
23	0113	09	08	10	01311	Hạt điều thô (nguyên liệu)	0,10
23	0115	05	08	06	01312	Lê toại	0,09
23	0115	05	08	06	01321	Cam toại	0,01
23	0115	05	08	06	01322	Quýt toại	0,01
23	0115	05	08	06	01341	Da hấu toại	0,03
23	0115	05	08	06	01345	Táo toại	0,07
....
04	2320	33	27	131	33331	Dầu Diesel	5,54
04	2320	33	27	131	33332	Dầu mazuts	2,23
04	2320	33	27	131	33340	Dầu hoả	0,56
04	2320	33	27	13	33380	Dầu nhờn	0,13
.....
011	3410	78	87	18	49112	Xe khách, và công cộng (từ trên 12)	0,13
011	3410	78	87	18	49113	Xe khách, và công cộng (từ dưới 13)	0,11
02	3410	78	87	18	49114	Xe chuyên dùng (y tế, thể thao, gôn...	0,07
02	3410	78	87	18	49115	Xe chuyên dùng vệ sinh (đổ rác, rửa đờ	0,05
02	3410	78	87	18	49116	Xe ô tô tải các loại (cả xe lạnh	0,47
01	3430	78	87	18	49120	Phụ tùng xe ô tô	0,29
01	3430	78	87	16	49130	Xe ô tô linh kiện 12 chỗ trở xuống	0,44
01	3430	78	87	16	49140	Xe ô tô linh kiện loại khác	0,07
23	3510	79	87	18	49300	Vận tải khác	2,18
02	3520	79	88	18	49500	Thiết bị đồng sắt	1,23
02	3530	79	88	18	49600	Thiết bị hàng không	2,78
221	3591	78	96	07	49911	Mô tô, xe máy, xe đạp máy nguyên chiếc	0,01
22	3591	78	96	16	49912	Mô tô, xe máy dạng CDK, IKD	4,27

Phụ lục 3 - Chỉ số giá xuất - nhập khẩu - Cấu trúc và quyền số
Danh mục chỉ số giá xuất - nhập khẩu và quyền số của nó theo phân loại
"Danh mục kế hoạch xuất khẩu, nhập khẩu (KH mã 2 số)"

Nhóm chỉ số	Mã số	Chỉ số (%)		Quyền số (%)	
		Xuất khẩu	Nhập khẩu	Xuất khẩu	Nhập khẩu
Chỉ số chung	C				
A: Hàng hóa tiêu dùng	A				
I: Lương thực - Thực phẩm	A1				
1/ Ngũ cốc và sản phẩm bằng ngũ cốc	01				
2/ Thịt và sản phẩm từ thịt	02				
3/ Trứng, đồng, bơ, sữa	03				
4/ Sản phẩm hải sản	04				
5/ Đồ uống không cồn	05				
6/ Thực phẩm khác	06				
II: Hàng phi lương thực- Thực phẩm	A2				
7/ Đồ dùng gia đình	07				
8/ Sản phẩm may mặc	08				
9/ Hàng y tế, văn hóa, giáo dục	09				
B: Tư liệu sản xuất	B				
III: Nguyên liệu	B3				
10/ Sản phẩm nông - lâm nghiệp	10				
11/ Khoáng sản	11				
Trong đó: - Dầu thô	111				
- Than đá	112				
- Khoáng sản khác	113				
12/ Kim loại	12				
Trong đó: Sắt thép các loại	121				
13/ Sản phẩm từ dầu thô	13				
Trong đó: - Xăng và nhiên liệu lỏng	131				
14/ Phân bón, thuốc sâu	14				
15/ Hóa chất, thuốc nhuộm	15				
16/ Nguyên liệu khác	16				
IV: Máy móc, thiết bị	B4				
17/ Máy móc các loại	17				
18/ Phương tiện vận tải	18				

Phụ lục 4 - Chỉ số giá xuất khẩu - Cấu trúc
Danh mục chỉ số giá xuất khẩu theo phân loại
“(BPM5)”, tính theo tiền USD

Nhóm hàng	Mã số	Quý III/2006 so với (%)		
		Gốc 2000	Q3-05	Quý II/06
Chung xuất khẩu	C	150,05	106,70	101,13
Xuất khẩu không có giá dầu thô	C1	116,70	102,65	100,29
		-	-	-
Xuất khẩu từ nội địa	C2	150,05	106,70	101,13
Xuất khẩu từ có vốn nước ngoài	C3	-	-	-
Mặt hàng chủ yếu:		-	-	-
Dầu thô	01	408,60	120,62	103,82
Than đá	02	116,34	99,82	100,00
May mặc	03	96,97	100,49	99,98
Giày dép	04	108,80	100,19	100,00
Túi, vali, mũ, ô ma...	05	87,37	100,95	100,02
Phụ tùng điện tử và máy tính	06	93,99	100,00	100,00
Hàng thủ công	07	105,28	100,15	100,00
Đồ gỗ mỹ nghệ	08	99,91	101,34	100,00
Kim loại và đá quý	09	118,90	107,81	100,00
Dây và cáp điện	10	-	-	100,00
Sản phẩm nhựa	11	96,62	104,99	103,17
Xe đạp và phụ tùng	12	-	-	-
Dầu ăn	13	112,78	100,00	100,00
Đồ chơi	14	101,82	99,12	100,00
Mỳ (sợi) ăn liền	15	109,10	102,07	99,50
Gạo	16	139,99	103,78	100,80
Cà phê	17	111,00	121,47	100,68
Đồ uống	18	-	-	100,00
Cao su	19	181,19	120,54	100,52
Hạt tiêu	20	103,67	102,36	102,00
Hạt điều	21	123,27	98,78	99,91
Chè	22	100,41	100,47	100,04
Lạc	23	104,00	100,34	99,97
Sản phẩm gỗ	24	115,82	101,28	100,26
Thủy hải sản	25	149,93	102,32	100,61
Hàng hoá khác	26	104,93	101,07	100,16

Nhóm hàng	Mã số	Quý III/2006 so với (%)		
		Gốc 2000	Q3-05	Quý II/06
Chung nhập khẩu	C	124,78	103,13	100,30
Nhập khẩu không có giá dầu thô	C1	-	-	-
Nhập khẩu cho nội địa	C2	124,78	103,13	100,30
Nhập khẩu cho đầu t nước ngoài	C3	-	-	-
Mặt hàng chủ yếu:		-	-	-
Xe ô tô	01	105,88	100,22	100,30
Trong đó: Xe nguyên chiếc	011	107,66	100,17	100,38
Máy, thiết bị	02	104,28	100,18	100,13
Đồ điện, máy tính và phụ tùng	03	75,60	100,01	100,00
Xăng dầu	04	252,55	113,46	102,27
Sắt thép	05	150,00	102,01	100,05
Trong đó: Phôi thép	051	223,26	102,81	100,00
Phân bón	06	141,54	100,61	100,01
Trong đó: Uruee	061	150,43	101,12	100,00
Nhựa nguyên liệu	07	116,56	102,33	100,00
Hoá chất	08	107,76	100,73	100,14
Sản phẩm hoá chất	09	104,17	105,30	100,05
Thuốc bệnh	10	148,68	100,66	100,10
Thuốc sâu	11	111,18	99,09	100,05
Giấy các loại	12	102,13	99,27	100,08
Nguyên liệu da, may mặc	13	95,44	100,65	99,80
Vải	14	100,47	99,90	99,88
Sợi	15	144,67	101,17	99,24
Bông	16	102,49	100,58	100,00
Thức ăn gia súc	17	127,43	100,18	100,00
Lúa mỳ	18	106,01	99,95	100,00
Gỗ và gỗ nguyên liệu	19	135,18	100,00	100,00
Sữa và SP từ sữa	20	-	-	-
Dầu mỡ ăn	21	101,98	99,84	99,30
Xe máy	22	84,56	100,37	100,37
Trong đó: Xe nguyên chiếc	221	93,07	100,00	100,00
Hàng khác	23	141,12	102,72	100,07

Phụ lục 5 - Chỉ số giá xuất - nhập khẩu - Cấu trúc và quyền số
Danh mục chỉ số giá xuất - nhập khẩu và quyền số của nó theo phân loại
"Hệ thống ngành kinh tế quốc dân (VSIC mã 4 số)"

Mã VSIC 4 số	Nhóm chỉ số	Chỉ số (%)		Quyền số (%)	
		Xuất khẩu	Nhập khẩu	Xuất khẩu	Nhập khẩu
TS	Chỉ số chung				
A	Nông nghiệp và lâm nghiệp				
01	Nông nghiệp và các hoạt động dv có liên quan				
011	Trồng trọt				
0111	Trồng lúa				
0112	Trồng cây lng thực khác				
0113	Trồng cây công nghiệp				
0114	Trồng cây dợc liệu				
0115	Trồng cây ăn quả				
0116	Trồng rau đậu hoa và cây gia vị				
012	Chăn nuôi				
.....
361	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế				
3610	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế				
369	Sản xuất các sản phẩm khác				
3693	Sản xuất dụng cụ thể thao				
3694	Sản xuất đồ chơi và dụng cụ giải trí				
3699	Sản xuất các Sản phẩm khác				
.....
99	Loại khác (không tính vào chỉ số)				
999	Các loại khác kể cả vàng				
9999	Các loại khác kể cả vàng				
E	SX và phân phối điện, khí đốt				

Phụ lục 6 - Chỉ số giá xuất - nhập khẩu - Cấu trúc và quyền số
Danh mục chỉ số giá xuất - nhập khẩu và quyền số của nó theo phân loại
"Danh mục thương mại quốc tế (SITC mã 2 số)"

Mã SITC 2 số	Nhóm chỉ số	Chỉ số (%)		Quyền số (%)	
		Xuất khẩu	Nhập khẩu	Xuất khẩu	Nhập khẩu
C	Chỉ số chung				
A	A- Hàng thô hoặc mới sơ chế				
0	0- Thực phẩm và động vật làm t. phẩm				
01	Thịt và các chế phẩm của thịt				
02	Các sản phẩm sữa và trứng gia cầm				
03	Thuỷ hải sản các loại				
04	Ngũ cốc và các chế phẩm từ ngũ cốc				
05	Rau, quả các loại				
06	Đường, mật ong				
07	Chè, cà phê, cacao, gia vị và các sp từ nó				
.....
34	Khí đốt (gas)				
4	4- Dầu mỡ động, thực vật và sáp				
42	Dầu thực vật				
B	B- Hàng chế biến hoặc đã tinh chế				
5	5- Hoá chất và các SP của nó				
51	Hoá chất hữu cơ				
58	Nhựa thành phẩm				
6	6- Các sản phẩm CN phân theo n. liệu				
62	Các sản phẩm cao su				
64	Giấy, bìa các loại				
65	Sợi xe dệt, vải				
66	Các sản phẩm khoáng chất				
8	8- Các s.phẩm c. nghiệp cha phân nơi khác				
84	Hàng may mặc sẵn, phụ trợ của quần áo				
85	Giày, dép các loại				
89	Các sản phẩm công nghiệp khác				

TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. Tài liệu tiếng Việt:

- 1. Đảng Cộng sản Việt Nam - Báo cáo về “Phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001 - 2005” và “Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010” của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX.
- Chỉ thị số 22/2000/CT-TTg ngày 27/10/2000 về chiến lược phát triển xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ thời kỳ 2001- 2010.
- Dự báo chiến lược thương mại Việt Nam đến năm 2010.
- Phương án tính chỉ số giá xuất nhập khẩu Việt Nam giai đoạn năm 2001 - 2005, do Tổng cục Thống kê ban hành.
- Niên giám thống kê, giai đoạn 2001 - 2005, Tổng cục Thống kê ban hành.

II. Tài liệu tiếng Anh:

- Strategies for Price and Quantity Measurement in External Trade, Báo cáo về kỹ thuật thiết kế chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu của Liên hợp quốc.
- Import and Export Price Indices, Statistical Manual, Draft - May 2004.
- Export and Import Price Indices Manual (XMPI Manual), Publishing by ILO, IMF, OECD, UNECE, WB, IMF, đồng biên soạn, bản thảo tháng 1/2006.
- International Trade Price Indexes, Detailed information for October 2006, do cơ quan thống kê Canada - Bộ phận thống kê ngoại thương xuất bản.
- Export and Import Price Index and Producer Price Index Manual of Australian Bureau Statistics, xuất bản năm 2004.
- International Trade Price Index of Australian Bureau Statistics, công bố tháng 10/2006.
- Các xuất bản chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu của Mỹ, từ website www.bls.gov
- Niên giám thống kê của Nhật Bản năm 2006, từ website www.fxwords.com/e/export-price-index-epi